

Tác Giả và Tác Phẩm

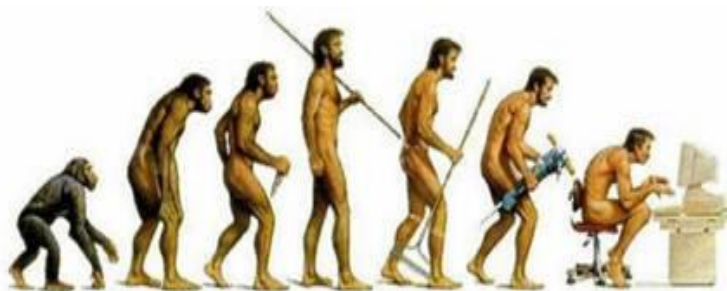
Hoàng Dung II

Tiểu sử

Sinh ngày 5.6.1945 tại phủ Xuân Trường, Nam Định.
Nguyên quán Cầu Giấy, Hà Nội.
Hiện ngụ cư ở Virginia, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Sau Bức Màn Đỏ, Cõi Trời Cõi Ta.
Chiến Tranh Đông Dương 3
(Tái bản & Hiệu đính - 2014)



Mục Lục

Ngoài cõi Phi Châu - 2

Bốn mùa - 8

Saint Petersburg và Pushkin – 13

Ba cuộc chiến. Hai cuốn sách....- Nguyễn Mạnh Trinh - 15

Sau Bức Màn Đỏ – Chương đầu – 20

Sau Bức Màn Đỏ – Chương cuối – 38

Sau bức màn đỏ: Hoàng Dung - Hoàng Nhất Phương - 58

Độc Cuộc chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989 của Hoàng Dung – Trịnh Bình An - 61

(Tìm bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)

Ngoài cõi Phi Châu

(*Lý thuyết Out Of Africa về nguồn gốc loài người*)

Theo những nhà khoa học, nguồn gốc loài người bắt đầu từ gần 5 triệu năm trước, khi từ loài hàu, đã nảy sinh ra một lớp sinh vật trung gian, tuy hình dáng còn giống khỉ và vượn nhưng di chuyển trên hai chân, được gọi là những *hầu nhân*. Sau đó, trong khoảng hơn một triệu năm, giống giống hầu nhân đã dần dần tiến hóa và ngày càng sử dụng hai tay mỗi ngày một thuần thuộc hơn. Khi họ bắt đầu biết chế ra những dụng cụ thô sơ bằng đá để phục vụ trong công cuộc sinh tồn, họ đã đạt được điều kiện mà đám hậu sinh chúng ta hiện nay đặt ra để trở thành “*người*” (*homo*). Nhưng trải từ khi những “*con người*” sơ khai đó xuất hiện cách nay hơn hai triệu năm, ở trên mặt địa cầu, đã có nhiều đợt “*người*” khác nhau lần lượt xuất hiện, trong đó có những lớp “*người*” chính là “*giống người khéo tay*” (*habilis-xảo nhân ?*), sau đó là lớp “*giống người đứng thẳng*” (*erectus-trực nhân ?*), sau nữa là giống Neanderthals ở Âu Châu. Cuối cùng mới đến “*giống người khôn ngoan*” (*sapiens-trí nhân ?*) chúng ta. Tuy các khoa học gia hiện tại đều công nhận là giống người khôn ngoan đã phát sinh do sự tiến hóa từ giống người đứng thẳng, nhưng cái thời gian bắt đầu, cái cách tiến hóa, cái cách mà giống người khôn ngoan tràn lan trên khắp mặt địa cầu đã là đề tài cho hai lý thuyết đối nghịch nhau. Đó là lý thuyết Tiến Hóa Đa Địa Phương (Multiregional) và lý thuyết Ngoài Cõi Phi Châu (Out of Africa).

Tuy là hai lý thuyết đối nghịch nhau về nguồn gốc của loài người khôn ngoan, những tác giả của hai lý thuyết này (một bên là những nhà khảo cổ - hay nói khác hơn là những người chuyên đào đất – và một bên là những nhà sinh hóa học hay di truyền học –chuyên nhìn kính hiển vi và máy điện toán) đều đồng ý là loài người khôn ngoan hiện tại của chúng ta đã nảy sinh từ loài người đứng thẳng. Họ cũng đồng ý là loài người đứng thẳng này đã nảy sinh từ sự tiến hóa của loài hàu nhân hai triệu năm về trước ở Phi Châu. Bộ xương đầu tiên của con người thuộc giống đứng thẳng đào được ở Phi Châu là bộ xương của một cậu bé 12 tuổi, sống khoảng 1.8 triệu năm về trước ở Kenya, được gọi là “*cậu bé Turkana*”. Sau đó, nhiều bộ xương thuộc giống giống người đứng thẳng khác được tìm thấy ở Bắc Kinh và Java (Nam Dương). Định tuổi bằng đồng vị phóng xạ cho thấy những bộ xương ở Bắc Kinh và Nam Dương đã được chôn ở đó vào khoảng 7 trăm ngàn năm trước. Vì những bộ xương ở Phi Châu lâu đời hơn, và vì ở Á Châu và Âu Châu, không có những vết tích nào của những lớp người thủy tổ trước đó như giống người khéo tay hay những hầu nhân, chúng ta có thể suy ra là những người đứng thẳng đã phát xuất từ Phi Châu và sau đó thiên di sang Á Châu và Âu Châu.

Tuy nhiên, nếu vấn đề nguồn gốc Phi Châu và sự thiên di của giống người đứng thẳng erectus hơn một triệu năm về trước sang Âu và Á Châu là một điều không ai phủ nhận thì vấn đề nguồn gốc và sự lan tràn trên khắp thế giới của giống người khôn ngoan sapiens chúng ta lúc sau này đã là một đề tài tranh cãi của hai lý thuyết là lý thuyết Tiến Hóa Đa Địa Phương và lý thuyết Ngoài Cõi Phi Châu.

Trước khi có lý thuyết Ngoài Cõi Phi Châu, những nhà khảo cổ và di truyền học đã tin là sau khi đã hiện diện trên trái đất hơn một triệu năm (ở Phi Châu, Âu Châu và Á Châu), giống người đứng thẳng (bộ óc lớn khoảng 900 phân khối) đã dần dần tiến hóa thành giống người khôn ngoan (bộ óc lớn khoảng 1500 phân khối). Đó là lý thuyết Tiến Hóa Đa Địa Phương, theo đó, ở đâu có loài người đứng thẳng sống, những người này theo giòng thời gian cả triệu năm sẽ tiến hóa để trở thành loài người khôn ngoan. Tuy nhiên, như thế, giữa hai giống người này mà bộ óc khác nhau từ 900 phân khối tới 1500 phân khối phải có một lớp người trung gian. Nhưng dù đã hoài công tìm kiếm khắp nơi, ở Trung Đông, Ấn Độ, Trung Hoa, Nam Dương và ngay cả ở Phi Châu, người ta đã không tìm thấy những vết tích khảo cổ nào của những người sống trong giai đoạn trung gian đó. Chỉ riêng ở Âu Châu mới có một giống người vạm vỡ, sống từ khoảng 300 ngàn năm đến 40 ngàn năm trước đây, được gọi là giống người Neanderthal. Giống người

này, trước đây, đã được những nhà khảo cổ cho là một giống người trung gian giữa người “đứng thẳng” và người “khôn ngoan”. Tuy nhiên, lập luận này đã bị hoàn toàn bác bỏ vì sau đó, những nghiên cứu sinh hóa học cho thấy giống Neanderthal thật ra là một nhánh nhỏ của giống người xuất phát từ những hầu nhân nào đó rồi tồn tại song song với giống người đứng thẳng và khôn ngoan trong một thời gian, chứ không phải là tiền bối của giống “khôn ngoan”. Từ đó, lý thuyết Tiến Hóa Đa Địa Phương không còn được nhiều người hưởng ứng.

Lý thuyết thứ hai, Ngoài Cõi Phi Châu, là một lý thuyết táo bạo dựa trên những nghiên cứu sinh hóa, cho là *lòai người khôn ngoan chỉ mới phát sinh từ Phi Châu khoảng 200 ngàn năm trước. Sau đó vài chục ngàn năm, vì điều kiện sinh sống khó khăn, một số đã thiên di khỏi Phi Châu và rồi phát triển, lan tràn ra khắp thế giới.* Lý thuyết cũng cho là *“tồn thể nhân loại chúng ta gồm 6 tỷ con người hiện nay bất kể chủng tộc, màu da, đều là con cháu của một người đàn bà Phi Châu”.*

Hai chuỗi DNA đặc biệt:

Mỗi tế bào sinh vật đều có một chuỗi DNA mang những đặc tính đặc biệt của giống giống sinh vật. Chuỗi DNA được sắp xếp như một thang giầy cuộn lại mà những bậc thang là do những phân tử Adenosine, Tyrosine, Cytosine và Glycin kết hợp lại. Chuỗi DNA của con người có 3.1 tỷ bậc thang 9 gồm 4 loại bậc thang AT, TA, CG và GC sắp xếp theo những thứ tự khác nhau. Tùy theo thứ tự sắp xếp mà mỗi sinh vật có những nét đặc thù. Mỗi người chúng ta đều khác nhau vì mỗi chuỗi DNA của chúng ta khác mỗi người khác khoảng 1/1000, hay có 3.1 triệu chỗ có thứ tự bậc thang khác nhau.

Tuy nhiên, trong mỗi tế

Lý thuyết Ngoài Cõi Phi Châu đã dựa trên những nghiên cứu về hai chuỗi DNA đặc biệt trong mỗi tế bào con người. Chuỗi DNA đặc biệt thứ nhất là DNA của những hạt mitochondria (gọi tắt là mDNA) trong mỗi tế bào, giữ nhiệm vụ tạo năng lượng cho tế bào, là “gia tài của mẹ”, chỉ do người mẹ di truyền cho tất cả các con (cả trai lẫn gái), và chuỗi DNA đặc biệt thứ hai là nhiễm sắc thể Y chỉ có ở chuỗi DNA nam giới, do người cha truyền cho những con trai..

Chúng ta đã biết, DNA của con người giống như một thang giầy dài uốn cong. Trên mỗi giầy thang, có khoảng 3.1 tỷ phân tử bases thuộc 4 loại A,T,C,G (viết tắt của Adenine, Thymine, Cytosine và Guanine). Mỗi base của giầy này nối kết với base của giầy kia thành 3.1 tỷ bậc thang trên mỗi chuỗi DNA của mỗi tế bào. Chuỗi DNA này lại chia thành 46 khúc nằm trên 23 cặp nhiễm sắc thể trong nhân của tế bào. Mỗi chuỗi DNA sẽ chứa đựng khoảng 40 ngàn genes di truyền (gene cũng chỉ là những đoạn giầy thang dài khoảng vài trăm ngàn bậc thang), quyết định những đặc tính riêng biệt của mỗi người. Những đoạn genes này chỉ chiếm khoảng 2% của chuỗi DNA. 98% còn lại không có một nhiệm vụ nào. Trong 46 nhiễm sắc thể, một nửa (23) do cha truyền lại, nửa kia (23) do mẹ đóng góp. Với 40 ngàn genes cũng thế, một nửa do mẹ truyền lại, nửa kia thừa hưởng của cha. Với cùng một đặc tính của con người sẽ có 2 genes tương ứng, trong đó có một gene mạnh hơn sẽ lấn lướt gene kia. Đặc biệt ở cặp nhiễm sắc thể thứ 23 của phái nam, những genes nam tính nằm ở nhiễm sắc thể hình chữ Y, đặc biệt chỉ do người cha truyền lại và chỉ truyền cho con trai. Trong khi đó, bên người mẹ, bà sẽ truyền cho cả con trai lẫn con gái một đoạn DNA đặc biệt nằm ngoài nhân, rất ngắn, gọi là mDNA. Dù tinh trùng cũng có mDNA, nhưng vì nằm ở đuôi nên khi tinh trùng thụ thai, đuôi bị loại đi do đó mDNA của người con chỉ do người mẹ truyền lại. Chính từ hai khúc DNA đặc biệt này mà các nhà khoa học đã cố gắng tìm ra sự phát sinh và tiến hóa của loài người. Căn bản của những nghiên cứu này dựa trên vết tích những sai sót sao chép của DNA theo giòng thời gian.

Trong đời sống mỗi con người, tất cả những tế bào đều sẽ có nhiều lần được phát triển và thay thế bằng cách mỗi tế bào sẽ tách ra làm hai, thành hai tế bào mới giống hệt tế bào cũ, và dĩ nhiên, thứ tự 3.1 tỷ bậc thang trên chuỗi DNA cũng giống hệt. Người ta gọi đó là sự sao chép

(replication). Trong sự sao chép hàng tỷ bậc thang DNA sẽ có lúc, do một nguyên nhân nào đó, bị sai sót, một số nhỏ bậc thang hoặc bị thay đổi hay xáo trộn thứ tự. Nếu những sai sót này xảy ra trên các tế bào liên quan đến truyền giống và sinh sản, vết tích sai sót sẽ thấy được trên những chuỗi DNA của tế bào những đời sau. Vì DNA của nhiễm sắc thể Y chỉ do người cha truyền lại và nhiễm sắc thể mDNA chỉ do mẹ truyền lại, không bị ảnh hưởng của những xáo trộn khác nên khi các khoa học gia nghiên cứu những vết tích sai sót ghi dấu trên đó, họ suy đoán và ước tính ra nguồn gốc phát sinh và thời gian tiến hóa của loài người.

Lấy một thí dụ trong huyền sử Việt Nam, khi Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ và đẻ ra 100 người con, khi trứng thụ thai và phát triển thành nhiều tế bào khác để tạo nên bào thai, ở bậc thang thứ 3 tỷ của DNA của nhiễm sắc thể Y của Lạc Long Quân có một sai sót nào đó, chẳng hạn bậc thang thay vì là CG bị lộn thành AT, tất cả người Việt chúng ta hiện nay sau bao nhiêu đời vẫn sẽ còn mang vết tích sai sót đó. Sau đó, đời Hùng Vương thứ hai chẳng hạn, một sai sót sao chép khác xảy ra ở mDNA của vợ vua, sai sót này cũng sẽ truyền lại cho những đời sau. Như thế, dòng họ ông Lý Long Tường, lưu lạc sang Hàn Quốc từ đời nhà Lý 800 năm về trước, chắc chắn sẽ vẫn còn dấu tích sai sót của Lạc Long Quân và bà vợ Hùng Vương. Trải 800 năm đó, chuỗi DNA của con cháu của ông Lý Long Tường có thể có một vài sai sót mới, khác với những sai sót của những người Việt còn ở lại, nhưng tất cả vẫn có thể nhận là mình là giòng giống con rồng cháu tiên.

Cách dựa trên vết tích những sai sót, rồi so sánh với những vết tích hóa thạch khảo cổ hay những yếu tố địa chất mà ước lượng ra thời gian trung bình để xảy ra những sai sót, sau đó ước tính ra thời gian mà một giống sinh vật được khai sinh được gọi là cách dùng “đồng hồ phân tử”.

Trước khi có khám phá về DNA, trong thập niên 1960, người đầu tiên dùng hóa học để tính thời gian là Wilson, một giáo sư đại học Berkeley. Vì sinh vật càng phát sinh gần với loài người, chất protein của chúng lại càng giống protein của người. Do đó, Wilson chế ra một dung dịch “đối kháng” lại albumin của người. Dung dịch này, khi trộn với huyết thanh albumin của người, sẽ có phản ứng rất mạnh. Trong khi đó, khi pha chất này với huyết thanh của vượn, một loài xuất hiện gần như đồng thời với loài người, phản ứng chỉ yếu đi một chút. Phản ứng sẽ mạnh vừa vừa với huyết thanh của khỉ đột, dã nhân... yếu hẳn khi pha với huyết thanh của khỉ. Như thế, sự phân nhánh hay sự xuất hiện một loài sinh vật trong giòng thời gian càng gần nhau, sức phản ứng càng mạnh. Căn cứ vào sức phản ứng của phản ứng hóa học đó, Wilson ước tính là thời gian xuất hiện của loài người bằng 1/6 loài khỉ. Những vết tích hóa thạch xưa nhất của loài khỉ phát hiện được là gần 30 triệu năm. Như thế, loài người xuất hiện khoảng 5 triệu năm về trước.

Sau khi những phát kiến về DNA ra đời, Wilson lại cùng một số học trò đã dùng mDNA để làm “đồng hồ phân tử” kiểm chứng lại lý thuyết của ông. So với DNA bình thường trong nhân, mDNA có một lợi điểm là rất ngắn (1/400.000 so với chuỗi chính) và vì chỉ có 1 chuỗi truyền theo người mẹ, chuỗi này sẽ không có những sai sót hay biến đổi do hiện tượng “xóc bài” (trước khi tách ra thành trứng hay tinh trùng, một số genes từ nhiễm sắc thể bên nội hoán chuyển sang bên ngoại hay ngược lại, khiến người con không bao giờ giống hệt cha mẹ). Vì chỉ có 16569 bậc thang, năm 1981, thứ tự tiêu chuẩn của những bậc thang này được Anderson tìm ra và công bố. Khi các nhà khoa học nghiên cứu mDNA của nhiều sắc dân và so sánh với tiêu chuẩn của Anderson, họ đã thấy rằng mDNA của mỗi con người “khôn ngoan” chúng ta trung bình khác với chuỗi căn bản của Anderson 8 chỗ. Trong khi đó, so sánh kết quả của Anderson với mDNA của loài vượn, đã có 55 chỗ sai. Đối với mDNA của người Neanderthal, sự khác biệt là 26 chỗ. Theo các nhà khoa học, giống người Neanderthal chỉ là một giòng giống anh em của loài người chứ không phải là một lớp người trung gian giữa giống người đứng thẳng và giống người khôn ngoan như lập luận của thuyết Tiến Hóa Đa Địa Phương. (những di tích khảo cổ cho thấy giống người Neanderthal đã sinh sống ở Âu Châu khoảng từ 300 ngàn năm trước đây và bị tuyệt chủng khoảng 30 ngàn năm trước).

Tuy nhiên, cũng từ Đại học Berkeley, một phát kiến quan trọng khác được đưa ra năm 1987. Các khoa học gia ở đại học này sau khi nghiên cứu mDNA của 147 người thuộc đủ các sắc dân trên khắp thế giới, họ thấy rằng khi so sánh những người Phi Châu với nhau, mDNA của họ đã khác nhau thật nhiều. Trong khi đó, mDNA của những giống dân khác ở Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu... tuy rất khác với mDNA của những người Phi Châu nhưng giữa họ với nhau lại không khác nhau lắm. Điều này được giải thích là vì loài người khôn ngoan sau khi xuất hiện trên trái đất, đã sống ở Phi Châu một thời gian dài, vì thế, qua nhiều lần sao chép, đã có những sai sót đột biến khác nhau trên DNA của nhiều nhóm khác nhau. Sau đó một thời gian, có một nhóm nhỏ, với một số sai sót riêng của họ, đã rời bỏ quê hương Phi Châu, tha phương cầu thực rồi họ đã phát triển và lan tràn ra khắp thế giới. Vì thời gian này ngắn ngủi hơn nên con cháu đám di dân đã chưa bị thêm nhiều sai sót đột biến, khiến mDNA của họ không khác nhau nhiều như những đồng loại của họ ở Phi Châu.

Cũng từ những nghiên cứu kể trên, khi so sánh và xếp đặt những dấu vết sai sót đột biến trên những chuỗi mDNA của 147 người kể trên, các nhà khoa học thấy rằng tất cả những sai sót đều qui về một mối. Như thế, mọi giống dân, mọi con người trên thế giới hiện nay, đều có mDNA xuất phát từ một người đàn bà Phi Châu nào đó, sống vào khoảng gần 200 ngàn năm trước. Người đàn bà này, được gọi là bà Eve mitochondria, tuy được coi là thủy tổ của 6 tỷ người chúng ta hiện nay, nhưng không hẳn là thủy tổ của giống người khôn ngoan. Những người khôn ngoan đầu tiên thật ra đã xuất hiện trước đó. Cùng thời với bà Eve mDNA này, chắc chắn cũng phải có những người đàn bà khác, nhưng con cháu của những người đàn bà khác vì nhiều lý do, đã không còn tồn tại. Sự biến mất của những giòng con cháu khác cũng giống như lấy thí dụ ở Bắc Việt có làng Thanh Trì nổi danh về bánh cuốn. Hồi đầu tiên, khoảng vài trăm năm trước, trong làng có nhiều bà biết làm bánh cuốn, mỗi người có một bí quyết và họ chỉ truyền bí quyết này lại cho con gái. Theo thời gian, qua nhiều thế hệ, rốt cuộc ngày nay chúng ta chỉ có một loại bánh cuốn Thanh Trì theo bí quyết của một bà nào đó. Còn các bà khác, hoặc không lấy chồng, hoặc lấy chồng chỉ sinh con trai, hoặc con gái không lấy chồng nên bí quyết không có truyền nhân, đã bị thất truyền. Điều này giải thích tại sao toàn nhân loại hiện nay chỉ tìm thấy một nguồn gốc mDNA chung.

Một khoa học gia khác, Linda Vigilant, khi nghiên cứu một khúc mDNA ngắn, nơi hay xảy ra những sai sót sao chép nhất, đã thấy ở khúc này, giữa người và vượn khác nhau 42% (đây chỉ là một khúc ngắn đặc biệt của mDNA, thật ra giữa DNA của người và vượn chỉ khác nhau chưa tới 2%). Từ một tổ tiên chung ở loài hầu, người và vượn phân ra 2 ngành riêng biệt 5 triệu năm trước, như thế, sự sai biệt trung bình là 8.4% mỗi triệu năm. Khi so sánh khúc mDNA này của người Phi Châu với người các nơi khác, sự sai biệt là gần 2%. Từ đó, Linda Vigilant cho rằng có một nhóm con cháu bà Eve đã tách ra khỏi quê hương Đông Châu Phi, di chuyển lên Bắc Phi trên 100 ngàn năm trước (2/8.4) và sau đó đã di tản đi khắp thế giới.

Về sau, các nhà khoa học khi dùng một thời gian dài hơn làm tiêu chuẩn, họ tính tỷ lệ sai biệt trên DNA tương đối chính xác hơn. Họ đã dựa trên một phát kiến địa chất chính xác là lục địa Phi Châu, sau mấy chục triệu năm trôi nổi, mới dính vào vùng Trung Đông 15 triệu năm trước. Sau khi chập vào nhau như thế, những giống hầu lớn như orangutan, gibbon có cơ hội rời bỏ Phi Châu chạy sang Âu Châu và Á Châu (kể cả Nam Dương và Việt Nam). Hai giống hầu, một di tản, một không di tản, từ 15 triệu năm nay, đã phát triển độc lập với nhau, không liên lạc với nhau và theo thời gian, đã trải qua những sai sót đột biến khác nhau. So sánh sai sót đột biến trên mDNA của 2 giống trong 15 triệu năm qua, chúng ta có thể tính ra "tỷ lệ xảy ra sai biệt" trên DNA. Áp dụng tỷ lệ đó trên loài người khôn ngoan, chúng ta thấy tổ tiên ta chỉ mới xuất hiện hơn 150 ngàn năm qua.

Dĩ nhiên, lý thuyết Ngoài Cõi Phi Châu về tổ tiên Eve mitochondria, về đồng hồ phân tử, đã bị những lý thuyết gia Đa Địa Phương chỉ trích. Họ cho là mDNA không liên quan gì đến sự tiến hóa của loài người và chỉ DNA trong nhân tế bào mới quan trọng và họ hy vọng những nghiên

cứu về chuỗi DNA chính thức trong nhân (với 3.1 tỷ bậc thang) sẽ đánh đổ lập luận về mDNA và về nguồn gốc Phi Châu. Nhưng khi các khoa học gia nghiên cứu về nhiễm sắc thể Y, thuộc DNA của nhân, họ cũng lại tìm được những minh chứng cho thấy loài người hiện nay đều mang vết tích của một người đàn ông xuất xứ từ Phi Châu.

Như đã trình bày ở trên, nhiễm sắc thể Y là nhiễm sắc thể của nam giới, và chỉ truyền từ cha tới con trai. Cũng như mDNA truyền từ mẹ sang con gái, thứ tự của nhiễm sắc thể Y không bị xáo trộn bởi hiện tượng “xóc bài”, nhưng khác với mDNA chỉ có 16569 bậc thang, nhiễm sắc thể Y dài hàng trăm triệu bậc thang. Như vậy, nhiễm sắc thể Y sẽ dễ mang nhiều vết tích những sai sót sao chép hơn. Qua nhiều thế hệ, chuỗi DNA của nhiễm sắc thể Y đã bị nhiều sai sót đột biến. Khi nghiên cứu về những sai sót khác nhau trên nhiễm sắc thể Y của tất cả các giống dân, các khoa học gia cũng đã đi đến những kết quả tương tự, là nhiễm sắc thể Y của những người dân Á, Âu, Úc, Mỹ châu khác nhau rất ít, còn giữa những người Phi châu với nhau, hay giữa người Phi Châu với những người Á, Âu, Úc, Mỹ, sự sai biệt nhiều gấp hai. Điều này chứng tỏ loài người đã sinh sống ở Phi Châu lâu gấp hai lần ở những nơi khác. Ngoài ra, khi sắp xếp tương quan giữa những sai sót, các nhà khoa học cũng thấy là 3 tỷ đàn ông trên thế giới hiện nay đều mang dấu tích của một người đàn ông Phi Châu, sống khoảng trên 100 ngàn năm về trước. Người đàn ông này được gọi là Adam của nhiễm sắc thể Y. Cũng như bà Eve, cả hai tuy được coi là tổ tiên chung của 6 tỷ người hiện nay, nhưng họ không phải là thủy tổ của loài người khôn ngoan. Ngoài ra, ông Adam này đã không sống cùng thời với bà Eve mà sau đó hay trước đó cả chục ngàn năm. Giòng họ ông này cũng như dòng con cháu của bà Eve đã sống nổi trôi và độc lập cho tới khi duyên trời xếp đặt, một hậu duệ ông Adam đã gặp một hậu duệ xa xôi của bà Eve. Hai người gặp nhau, sinh con đẻ cái để rồi hơn một trăm ngàn năm sau, đã có một đám con cháu gồm 6 tỷ người. Dĩ nhiên, trong thời ông Adam này, đã có rất nhiều người đàn ông khác, nhưng con cháu của những ông khác vì nhiều lý do, đã lần lượt bị tuyệt tự giống như những dòng con cháu của chị em hay bạn bè của bà Eve (mitochondria) khi trước.

Đối với chúng ta, khoảng thời gian trên dưới 200 ngàn năm tương đối ngắn ngủi để có thể từ hai người thủy tổ mà sinh sôi nảy nở ra 6 tỷ dân cư hiện nay. Nhưng thật ra, khoảng thời gian đó đã trải qua từ 50 đến 70 ngàn thế hệ, với sự gia tăng dân số theo cấp số, 6 tỷ dân cư không lấy gì làm nhiều. Cũng dựa theo những vết tích sai sót mà tiền nhân chúng ta để lại trên chuỗi DNA, chúng ta đã có thể suy đoán ra con đường và thời biểu mà những tiền nhân khôn ngoan chúng ta đi tản.

Trước hết, hầu hết tất cả những người dân sống ở Á Châu, Âu Châu, Mỹ Châu, Úc Châu đều có một vết tích sai sót chung ở nhiễm sắc thể Y. Vết tích này được gọi là M168 chỉ thấy có trên một số rất ít người Phi Châu hiện nay. Chúng ta có thể kết luận, từ Phi Châu, 100 ngàn năm trước, một nhóm người từ Phi Châu mang sai sót đột biến M168 trên nhiễm sắc thể Y đã rời quê hương đi khắp nơi tha phương cầu thực..

Ngoài sai sót M168, minh chứng cho nguồn gốc Phi Châu của loài người, mỗi sắc dân có một số những dấu vết sai sót riêng biệt, chẳng hạn như ở Úc Châu. Úc Châu không có vết tích của giống người đứng thẳng, nhưng lại có những di tích hóa thạch của giống người khôn ngoan sống ở đó khoảng 50 ngàn năm trước. Những người này sau đó bị cách biệt hẳn với các nơi khác trên thế giới, khi nước biển dâng cao, biển Úc Châu thành một đảo lớn. Dù nước Úc ngày nay đã là một quốc gia của những di dân, nhưng vẫn còn một số thổ dân con cháu những người di dân xa xưa năm chục ngàn năm trước.. Những thổ dân này, trên chuỗi DNA của nhiễm sắc thể Y, đa số có thêm một sai sót đặc biệt khác (M130). Sai sót này chỉ thấy có ở một số ít người ở Mã Lai và Nam Ấn Độ. Vì mực nước biển cách nay hơn 20 ngàn năm thấp hơn hiện tại 130 thước cho nên lúc đó bờ biển dọc từ châu Phi qua Ấn Độ, Mã Lai, Nam Dương đã lan rộng ra tới Úc nên các nhà khoa học suy đoán rằng trước đây đã có một nhóm di dân Phi Châu đi dọc theo bờ biển từ phía nam Trung Đông qua miền nam Ấn Độ để tới Úc Châu

Tương tự như thế, một nhóm dân “khôn ngoan” khác đã đi thẳng lên phía bắc bán đảo Trung Đông. Nhóm người này, ngoài di tích sai sót M168 trên nhiễm sắc thể Y, đã không có sai sót M130 như nhóm người đi Úc, mà lại có 1 sai sót khác là M89. Sai sót này, chúng ta thấy ở đa số người Âu Châu, Á Châu và Mỹ Châu. Như thế, từ bắc Trung Đông, tổ tiên xa vời của chúng ta, sau khi chia tay với nhóm người đi Úc để di chuyển lên hướng bắc và theo giòng thời gian, đã trải qua sai sót đột biến M89 trên nhiễm sắc thể Y. Nhóm người sau này, trong khoảng thời gian mấy chục năm, đã tỏa ra làm nhiều hướng để đến Âu Châu, Á Châu và cuối cùng là Mỹ Châu. Trong công cuộc di tản và bành trướng chậm chạp đó, mỗi nhóm di dân đều trải qua những sai sót đột biến khác nhau. Chẳng hạn trên nhiễm sắc thể Y của người Việt Nam chúng ta, thuộc chủng giống Nam Mongoloid, ít ra là có mang những sai sót đột biến của chủng giống này là M168, M89, M9, M175. Còn những người Âu Châu, chủng giống Caucasian, ngoài những sai sót M168, M89, M9 còn có những sai sót M172 hay M173. Vì có chung sai sót M9, các khoa học gia nghĩ rằng, sau khi tới gần Trung Hoa, những người khôn ngoan lúc đó đã di tản theo hai hướng, một hướng sang Trung Hoa, một hướng đi lên phía bắc rồi ngược về Âu Châu. Tổ tiên chúng ta đã bắt đầu định cư ở Á Châu và Âu Châu khoảng 40 ngàn năm trước. Sau đó, khoảng 15 ngàn năm trước đây, một số người từ Á Châu đã đi bộ từ Tây Bá Lợi Á sang Alaska trong thời kỳ băng giá của trái đất để sinh sống và phát triển ở Mỹ Châu.

Trên những chặng đường du mục mấy chục ngàn năm, những người di tản “khôn ngoan” từ lục địa Phi Châu đã trải qua những biến cải địa phương để thay đổi về vóc dáng, sắc diện, màu da.. Điều này xảy ra do nhiều yếu tố: những sai sót đột biến (xảy ra trên những genes điều khiển sự hoạt động của sắc tố melanin trên da hay sự cấu tạo xương mặt), sự “lựa chọn của thiên nhiên” (người sống ở Phi Châu da trắng, không có lớp sắc tố melanin che chở dễ bị tuyệt diệt vì ung thư da, nhưng họ lại phát triển thuận lợi ở Âu Châu vì nơi đó, ánh nắng chiếu nghiêng, họ cần hấp thụ nhiều ánh nắng để có đủ Vitamin D...) hay điều kiện sống và dinh dưỡng... Thật ra, ngay cả giữa những người khác màu da, DNA của chúng ta cũng chỉ khác nhau có 1 phần ngàn. Các khoa học gia đã lấy thí dụ giống dân Do Thái, dù mới bị phân tán cách nay mới hơn 1 ngàn năm, nhưng dân Do thái ở Âu Châu nói chung đã gần giống như người Âu, dân Do Thái ở Bắc Phi, trông giống như dân Bắc Phi và dân Do Thái ở Ethiopia, đã rất giống người Ethiopia để chứng minh những biến cải địa phương nhanh chóng của hình dạng bên ngoài.

Trên đây là những giải thích về nguồn gốc và sự phát triển của giống người homo sapiens chúng ta trên khắp mặt địa cầu. Tuy khảo cổ học hay cách dùng “đồng hồ phân tử” không phải là những khoa học cực kỳ chính xác, nhưng lý thuyết “Ngoài Cõi Phi Châu” đã trở nên một lý thuyết được nhiều khoa học gia công nhận nhất hiện nay. Nhưng dù với lý thuyết này hay với lý thuyết Tiến Hóa Đa Địa Phương, giống người hiện đại đã là kết quả mới nhất trong giòng tiến hóa của sự sống trên trái đất. Nhiều lớp loài người khác nhau đã phát sinh, đã hiện hữu được một thời gian, như loài người khéo tay, chừng 100 ngàn năm, loài người đứng thẳng, hai triệu năm, loài người Neanderthal, ba trăm ngàn năm. Tất cả đều đã bị diệt vong. Loài người “khôn ngoan” hiện nay mới tồn tại được có hơn 100 ngàn năm, nhưng chúng ta đang có khả năng tự hủy diệt nhiều hơn, chúng ta đang dò dẫm xâm phạm vào sự phát triển tự nhiên của sinh vật bằng cách biến cải chuỗi DNA, tức là bộ chỉ huy đầu não của các tế bào hay sinh vật.

Vì thế, chúng ta cũng khó mà biết được tương lai của loài người sau này.

Chú thích:

- Hâu: ape, khỉ: monkey, orang outang: đười ươi, vượn: chimpanzee, khỉ đột :gorilla (vì tác giả không chuyên môn, những từ ngữ dịch ra có thể không chính xác)
- Hâu nhân (australopithecus): một sinh vật trông giống hâu hay khỉ nhiều hơn nhưng di chuyển bằng hai chân. Họ chưa được coi là “người”, vì chưa biết dùng dụng cụ, dù là dụng cụ bằng đá. Bắt đầu xuất hiện khoảng 5 triệu năm trước. Óc của họ lớn khoảng 600 phân khối
- Giống người khéo tay (homo habilis): Do di chuyển trên hai chân, hâu nhân xử dụng hai tay thành thạo hơn, bắt đầu dùng đá làm dụng cụ để được gọi là “người”. Xuất hiện khoảng gần 4 triệu năm trước.
- Giống người đứng thẳng (homo erectus): thay thế giống người khéo tay, bộ óc khoảng 900 phân khối, biết dùng lửa và những dụng cụ thô sơ bằng đá. Xuất hiện từ Phi Châu hơn 2 triệu năm trước, những người này đã thiên di sang Âu và A’ Châu. Họ bị tuyệt diệt trong vòng 100 ngàn năm nay. Theo tác giả Lê Trung Hà, vết tích của loài người erectus cũng đã được tìm thấy ở Thẩm Xuyên, Việt Nam
- Giống người khôn ngoan (homo sapiens): tức là loài người hiện đại, theo lý thuyết Ngoài Cõi Phi Châu (Out of Africa), mới bắt đầu xuất hiện khoảng gần 200 ngàn năm nay. Bộ óc lớn khoảng 1500 phân khối.
- mitochondria: một hạt nhỏ trong tế bào giúp sự hô hấp của tế bào. Hạt này có một chuỗi DNA riêng biệt, vì theo các nhà khoa học, mấy tỷ năm trước, một con siêu vi trùng (với DNA riêng của nó), vô tình lọt vào trong một tế bào sinh vật. Nó sống sót trong môi trường đó và cũng giúp ích cho tế bào, và từ đó trở nên một bộ phận của tế bào. mDNA có 37 genes di truyền
- hiện tượng xóc bài: tế bào con người có 23 cặp (46) nhiễm sắc thể, một bên mang những genes bên nội, bên kia bên ngoại. Khi tế bào sinh dục tạo ra tinh trùng hay trứng, chúng tách làm hai (thành tinh trùng hay trứng chỉ có 23 nhiễm sắc thể), nhưng một số genes bên này có thể nhảy sang bên kia, khiến tế bào trứng khi thụ thai (trứng/tinh trùng thành 23 cặp), có những sắp xếp DNA khác với DNA của cả cha lẫn mẹ

Tham Khảo:

The Journey of Man của Spencer Wells
Biology, của Campbell & Reece
Human Evolution, của Robert Gardner
Origine of Life, Fred Adams
DNA của James D. Watson
The Molecule Hunt của Martin Jones

Bốn mùa

Chỉ là Xuân Hạ Thu Đông
Thời gian trôi giữa mênh mông đất trời
(Cung Vĩnh Viễn)

Thế giới và cuộc sống của chúng ta nói cho cùng, nếu có hiện hữu, cũng chỉ gồm thời gian và không gian, và thời gian, đối với chúng ta, có thể coi như Xuân, Hạ, Thu, Đông loanh quanh lẫn quần lập đi lập lại. Cả năm tỷ năm nay từ ngày được thành lập, ngày này qua ngày khác, trái đất vẫn luôn xoay quanh mặt trời và mặt trời vẫn luôn chói sáng và sưởi ấm trái đất. Nhưng

mỗi năm chúng ta đã có bốn mùa thay đổi để cho cỏ nhân có thể tùy theo mùa mà hưởng thú thanh nhàn:

*Xuân du phương thảo địa,
Hạ thường lục hà tri,
Thu ẩm hoàng hoa tửu,
Đông ngâm bạch tuyết thi.*

Chúng ta đã biết “một ngày như mọi ngày”, là thời gian mà trái đất của chúng ta xoay quanh chính nó được một vòng và mỗi năm cứ “vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều” là thời gian mà trái đất đã di chuyển xung quanh mặt trời được một vòng. Nhưng Thượng đế đã giúp chúng ta có được bốn mùa như thế bằng cách đã để cho trục xoay của trái đất quanh chính nó tuy lúc nào cũng hướng về sao Bắc Đẩu nhưng luôn luôn nghiêng đi một góc 23 độ rưỡi so với quỹ đạo xoay quanh mặt trời. Nói cách khác, nếu tưởng tượng có một mặt phẳng cắt ngang xích đạo chia đều trái đất ra thành Bắc và Nam bán cầu, và tưởng tượng có một mặt phẳng khác để trái đất chạy trên đó quanh mặt trời mỗi năm một vòng thì hai mặt phẳng này bị lệch nhau một góc 23 độ rưỡi.

Do ở góc độ lệch nhau này đã khiến ánh nắng mặt trời chiếu vào mỗi nơi trên mặt đất khi thẳng khi nghiêng. Nếu ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc xuống mặt đất, như ở vùng xích đạo vào buổi trưa ngày Xuân phân hay Thu phân, ngày đó, mặt đất trên vùng xích đạo nhận được tối đa năng lượng. Ngược lại, vào ngày Hạ chí, khi ánh mặt trời chiếu thẳng góc (90 độ) xuống vĩ tuyến 23 độ rưỡi Bắc thì tại Nam cực sẽ không nhận được một chút năng lượng nào. Tùy theo số năng lượng mà chúng ta nhận được từ mặt trời, hay nói cách khác, tùy theo thời gian mà ánh mặt trời chiếu thẳng hay nghiêng nhiều ít đối với mặt đất mà vùng chúng ta đã có bốn mùa.

Nguồn năng lượng mặt trời:

Trái đất của chúng ta, cũng như tất cả những hành tinh trong Thái Dương Hệ đã được sưởi ấm là nhờ ở năng lượng của mặt trời. Như tất cả những vì sao khác, mặt trời tạo ra năng lượng bằng những phản ứng nổ của khinh khí (600 triệu tấn mỗi giây). Trong phản ứng nổ kết hợp (fusion, hai nguyên tử hydrogen thành một nguyên tử helium) đó của mặt trời, khối lượng 600 triệu tấn sẽ mất đi 4 triệu tấn để biến thành năng lượng theo công thức Einstein $E=mc^2$. Năng lượng khủng khiếp này sẽ khiến trung tâm của mặt trời luôn luôn nóng tới 15 triệu độ. Từ trung tâm đó, sức nóng liên tục tỏa ra sưởi ấm khắp vùng không gian xung quanh. Những phản ứng nổ kết hợp như thế đã khiến mặt trời lúc nào cũng có một năng lượng gần 4 tỷ tỷ watts. Vì nhiệt lượng phát ra tỷ lệ nghịch với bình phương khoảng cách, theo đó trái đất cách xa mặt trời 150 triệu cây số, như thế nhiệt lượng của mặt trời tới khoảng cách đó chỉ còn 1367 watts mỗi thước vuông. Con số 1367 được gọi là *hằng số mặt trời* của trái đất. Hỏa tinh ở xa mặt trời gấp rưỡi trái đất (225 triệu km) nên hằng số mặt trời của Hỏa tinh chỉ còn 445 watts. Từ mặt trời hướng về trái đất, trái đất chỉ là một vòng tròn có bán kính 6380 km và diện tích của vòng tròn đó sẽ là 128 triệu km vuông. Do đó, mặt trời chỉ phân phối tới trái đất một số năng lượng là 175 triệu tỷ watts (128 ngàn tỷ mét vuông nhân với 1367).

Tuy nhiên, trái đất không phải là một mặt phẳng mà là một trái cầu đang xoay, và diện tích bề mặt của trái cầu đó để tiếp nhận ánh sáng mặt trời đúng ra là 510 triệu cây số vuông chứ không phải 128 triệu km vuông. Vì thế, trừ ra một ít năng lượng bị bầu khí quyển hấp thụ, trung bình mỗi thước vuông mặt địa cầu chỉ nhận được khoảng trên 200 watts từ nguồn năng lượng mặt trời.

Sự thay đổi nhiệt độ là tùy theo độ chiếu thẳng hay nghiêng của ánh sáng mặt trời:

Con số trên 200 watts mỗi thước vuông nêu trên chỉ là một con số trung bình là vì trái đất là một trái cầu tròn, có nơi sẽ nhận được nhiều hơn vì ánh nắng chiếu thẳng xuống đất nhiều hơn và lâu hơn, như vùng nhiệt đới, có nơi nhận nhiệt năng rất ít, như vùng Bắc hay Nam cực, vì ánh nắng chỉ chiếu xiên tới mặt đất.

Cũng như khi chúng ta rọi đèn bấm vào một mặt phẳng. Nếu ánh sáng chiếu thẳng góc vào mặt phẳng, ánh sáng sẽ tụ lại vào một vòng tròn. Nếu mặt phẳng nghiêng đi, ánh sáng sẽ tản mát ra một diện tích lớn hơn. Độ nghiêng càng nhiều thì diện tích được chiếu sáng càng rộng hơn, nhưng độ sáng càng yếu đi. Chẳng hạn như trong bài phú than nghèo của cụ Nguyễn công Trứ có câu: “Ánh nắng rọi trúng gà trên vách, thẳng bé bi bô”. Ánh mặt trời buổi trưa, xuyên qua một lỗ thủng tròn trên mái nhà, nếu chiếu thẳng góc sẽ là một hình tròn nhỏ và rất sáng, rất nóng, nhưng vì rọi nghiêng đối với vách nhà, sẽ tỏa rộng ra thành hình bầu dục như trái trứng gà và rộng hơn hình tròn rất nhiều. Dĩ nhiên, sức nóng cũng bớt gay gắt.

Tương tự như thế, khí hậu ở vùng nhiệt đới của địa cầu đã nóng nhất là vì ánh sáng mặt trời ngày nào trong năm cũng chiếu tương đối thẳng góc xuống mặt đất nhất (từ 66.5 độ đến 90 độ), và càng đi xa xích đạo, nhiệt độ càng hạ xuống dần vì ánh sáng chiếu xuống mặt đất ngày càng nghiêng đi. Do đó mà chúng ta thấy Sài Gòn (vĩ tuyến 10 phía Bắc) tương đối nóng hơn Hà Nội (vĩ tuyến 21), Hà Nội nóng hơn Bắc Kinh (vĩ tuyến 40) và Bắc Kinh không lạnh bằng Tây Bá Lợi Á. Lý do là từ vùng gần xích đạo càng lên tới vùng Bắc Cực hay xuống tới Nam Cực, ánh sáng càng chiếu trên mặt địa cầu càng ngày càng bị nghiêng đi từ 90 cho tới 0 độ.

Thay đổi khí hậu trong năm – Bốn mùa

Nhưng ta cũng thấy, dù ở bất cứ nơi nào trên mặt địa cầu, trưa hè nào cũng nóng hơn trưa mùa xuân, đêm đông nào cũng lạnh hơn đêm thu. Sự thay đổi khí hậu theo mùa không phải vì vào mùa hè, trái đất ở gần mặt trời hơn mà là vì tùy theo mỗi mùa, ánh sáng đã chiếu thẳng hơn hay nghiêng hơn đối với mặt đất.

Chúng ta đã biết trái đất xoay quanh mặt trời theo một quỹ đạo tròn mỗi năm một vòng. Nếu giả sử trục quay của trái đất không ngả nghiêng mà luôn thẳng góc với mặt phẳng đó, mặt trời sẽ luôn luôn chiếu thẳng góc (90 độ) trên mặt đất những nơi dọc theo đường xích đạo và sẽ chiếu nghiêng tối đa (0 độ) ở Bắc Cực và Nam Cực. Trong trường hợp này, tại một nơi nào đó, Sài Gòn chẳng hạn (vĩ tuyến 10), góc hợp bởi tia nắng mặt trời với mặt đất vào một giờ nào đó, 12 giờ trưa chẳng hạn, sẽ bất biến (80 độ). Góc ở Hà Nội, vĩ tuyến 21, luôn luôn là 69 độ. Ở Bắc Kinh, vĩ tuyến 40, là 50 độ và như thế nhiệt độ vào buổi trưa của bất cứ ngày nào trong năm cũng sẽ giống nhau. Trái đất vẫn có những nơi khí hậu nóng lạnh khác nhau nhưng sẽ không có bốn mùa.

Theo một số các nhà khoa học, sau khi được khai sinh ra năm tỷ năm trước, trái đất đã quay một cách nghiêm chỉnh (trục quay luôn thẳng góc với mặt phẳng quỹ đạo hay nói cách khác. mặt phẳng của vòng tròn xích đạo trùng với mặt phẳng của quỹ đạo) được vài trăm triệu năm. Sau đó, một khối thiên thạch khổng lồ lớn bằng một phần ba trái đất từ đâu lao xuống, làm lệch cả càn khôn. Một khối lượng đất đá, hơi và nham thạch bị bắn tung lên không, tạo nên mặt trăng. Đồng thời, trục quay trái đất bị lệch đi khoảng 20 độ (hiện tại là 23 độ rưỡi). Vì thế, dù ánh sáng mặt trời luôn luôn song song, nhưng vì trục quay trái đất bị lệch, cho nên trong suốt 6 tháng, từ tháng 3 đến tháng 9, Bắc bán cầu nghiêng nhiều về phía mặt trời và nhận ánh sáng mặt trời thẳng góc hơn, do đó mà khí hậu nóng hơn. Trong thời gian đó, Nam Bán Cầu sẽ bị lệch xa mặt trời, ánh sáng cũng chiếu nghiêng nhiều hơn, khí hậu lạnh hơn. Từ tháng 9 đến 6 tháng sau, điều này xảy ra ngược lại.

Mùa xuân:

Trong bốn mùa, mùa xuân được coi như một mùa tươi đẹp nhất. Sau mùa đông lạnh lẽo, cây cối đâm chồi nảy lộc, những đàn chim thiên di trở về, lòng người như cũng nở hoa:

Xuân hồng có chàng tới hỏi

*Em thơ chị đẹp em đâu
Chị tôi khăn thắt quàng đầu
Đi đuối bướm vàng bên nội*

Đa số người Tây phương cho là mùa xuân bắt đầu từ ngày 21 tháng 3 dương lịch. Ngày đó là ngày *xuân phân* là ngày mà mặt trời chiếu thẳng góc ngay trên đường xích đạo. Ngày đó, khắp nơi trên cả Nam và Bắc bán cầu, ngày và đêm dài bằng nhau (12 giờ). Từ ngày xuân phân này, do trái đất di chuyển, Bắc Bán Cầu mỗi ngày một nghiêng hơn về hướng mặt trời, và từ xích đạo, ánh sáng mặt trời sẽ từ từ chiếu thẳng góc với mặt đất với những vĩ tuyến cao hơn về phía bắc, và sẽ chiếu thẳng góc với mặt đất của thành phố Sài gòn (vĩ tuyến 10) vào buổi trưa ngày 15 tháng tư, tại Hà Nội (vĩ tuyến 21) vào cuối tháng 5, và tới ngày 21 tháng 6, ánh sáng mặt trời buổi trưa sẽ chiếu thẳng góc với mặt đất tỉnh Hà giang, cực bắc của Việt Nam, sát bên vĩ tuyến 23 độ rưỡi. Ngày đó là ngày chấm dứt mùa xuân và bắt đầu mùa hạ

Mùa hạ:

Ngày 21 tháng 6 này được gọi là ngày *hạ chí*, bắt đầu mùa hạ, là ngày mà Bắc bán cầu nghiêng về hướng mặt trời nhiều nhất, khiến cho thời gian ban ngày trên Bắc bán cầu dài nhất (Sài gòn dài 13 tiếng, Hà Nội dài 13 tiếng rưỡi, Montreal hơn 15 tiếng...). Vĩ tuyến 23 độ rưỡi ở Bắc bán cầu, đi sát cực Bắc của Việt Nam được gọi là *Nhiệt Tuyến Bắc Giải (Tropic of Cancer)*. Đó là giới hạn xa nhất về phía bắc của những nơi được ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc với mặt đất. Những người sống ở phía trên vĩ tuyến 23 độ rưỡi (như ở Bắc Kinh, vĩ tuyến 40) không bao giờ được mặt trời chiếu thẳng trên đầu. Dù cho là vào ngày hạ chí, họ vẫn chỉ thấy mặt trời buổi trưa chênh chéch ở phía nam.

Sau khi đã ngả nghiêng tới đa 23 độ rưỡi về hướng bắc, trái đất bắt đầu nghiêng trở lại về hướng bên kia. Từ ngày hạ chí 21 tháng 6, những vị trí trên mặt đất được ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc lại từ từ di chuyển trở về hướng nam, ngược từ Hà Giang về Hà Nội qua Bến Hải vào Sài gòn xuống Cà Mau vượt Bidong và khoảng ngày 22 tháng 9 lại trở về đến Xích Đạo. Ban ngày trên Bắc bán cầu cũng từ từ ngắn dần cho đến ngày 22 tháng 9, thì ngày và đêm tại Bắc hay Nam bán cầu lại dài bằng nhau (12 giờ). Tuy trong 3 tháng hè, mặt trời đã gửi tới mặt Bắc bán cầu một số năng lượng bằng số lượng mà mặt trời đã gửi tới trong mùa xuân, nhưng sở dĩ trong mùa hè đã có những ngày

“Ai xui con quốc gọi vào hè.

Cái nóng nung người nóng nóng ghê”

nóng hơn mùa xuân vì mặt đất trên Bắc bán cầu vẫn còn tích tụ nhiệt lượng nhận được từ mùa xuân lại cho tới mấy tháng hè.

Mùa thu:

Khi Tản Đà làm mấy câu thơ:

Từ vào thu đến nay

Trăng thu bạch

Khói thu xây thành

thì ngày 22 tháng 9 là ngày chính thức “vào thu”. Theo Tây phương, đó là ngày *thu phân*.

Trong bốn mùa, mùa thu là mùa thơ mộng nhất. Chúng ta có trăng thu, đêm thu, mây mùa thu, lá thu, rừng thu, mưa thu... mà ít khi có trăng mùa đông, lá mùa xuân, rừng mùa hè.

Tuy rằng sau ngày thu phân, đến lượt Nam bán cầu dần dần nghiêng nhiều hơn về hướng mặt trời và Bắc bán cầu nghiêng xa hơn, nhưng nhờ nhiệt lượng tàn dư lại của mấy tháng trước, khí hậu mùa thu cũng không lạnh lắm. Ngày tại Nam bán cầu bắt đầu dài ra, ngày Bắc bán cầu ngắn đi. Khí hậu tại Nam bán cầu nóng dần và Bắc bán cầu lạnh dần. Địa điểm mà ánh sáng

mặt trời chiếu thẳng xuống mặt đất cũng di chuyển sâu về phía Nam. Cho đến khoảng ngày 22 tháng 12 thì ánh sáng mặt trời sẽ chiếu thẳng góc với vùng đất quanh vĩ tuyến 23 rưỡi ở phía nam. Đó là ngày dài nhất ở Nam bán cầu nhưng đối với Bắc bán cầu, ngày 21 tháng 12 đó lại là ngày ngắn nhất trong năm, được gọi là ngày *đông chí*.

Mùa đông:

Ngày đông chí, khoảng ngày 21 tháng 12, là ngày chính thức bắt đầu mùa đông, một mùa gây nên những ấn tượng sâu đậm tại Bắc bán cầu. Ánh sáng chiếu nghiêng tối đa trên mặt đất, số nhiệt lượng tích tụ từ mùa hè đã tan đi nên khí hậu lạnh lẽo dần. Nhìn cây cối rụng lá trơ trọi, lòng người như cũng sâu thẳm hơn. Nhưng mùa đông cũng chỉ kéo dài đến ba tháng, và mùa đông cũng không đến nỗi quá bi thảm như tưởng tượng, vì thật ra, hoa đào và hoa mai đã nở vào lúc tàn đông (*hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*).

Các vùng nhiệt đới, ôn đới:

Vĩ tuyến 23 độ rưỡi phía nam được gọi là *Nhiệt Tuyến Nam Dương* (*Tropic of Capricorn*). Vùng đất giữa Nhiệt Tuyến Bắc Giải và Nhiệt Tuyến Nam Dương quanh xích đạo được gọi là vùng *nhật đới* (có lẽ đới đây là đai, vùng nhiệt đới như một cái đai bao quanh trái đất, là vùng đất nhận được nhiều năng lượng mặt trời nhất trong năm). Cũng trên vùng đất này, những thay đổi về nhiệt độ và thời gian ngắn dài của ngày và đêm không nhiều lắm. Cái tên vĩ tuyến Nhiệt tuyến Bắc Giải hay Nhiệt tuyến Nam Dương đã có là vì khi hai vĩ tuyến đặc biệt này được tìm ra vào 2000 năm trước, vào ngày Hạ chí 21 tháng 6, mặt trời đứng gần chòm sao Bắc Giải và vào ngày Đông chí 21 tháng 12, mặt trời đứng gần chòm sao Nam Dương..

Cũng như khi ta chiếu nghiêng một đèn bầm trên một trái banh dưới đất, dù trái banh xoay quanh chính nó, sẽ có một khoảng trên một cực của trái banh luôn luôn được chiếu sáng và có một vùng luôn tối đen. Tương tự như thế, vì trục đất nghiêng 23 độ rưỡi, vào ngày hạ chí, vùng đất từ vĩ tuyến 66 độ rưỡi bắc của Bắc bán cầu trở lên bắc cực (vùng đất này được gọi là *Vòng Bắc cực – Arctic Circle*) sẽ không có đêm, ngày sẽ dài 24 tiếng, và vùng đất từ vĩ tuyến 66 độ rưỡi của Nam bán cầu trở xuống Nam cực (*Vòng Nam cực – Arc of Antarctic*) sẽ không có ngày. Sáu tháng sau, vào ngày đông chí, điều này xảy ra ngược lại.

Hai vùng đất giữa Nhiệt tuyến Bắc giải với Vòng Bắc Cực và giữa Nhiệt tuyến Nam Dương với Vòng Nam Cực được gọi là vùng *ôn đới* (temperate zones)

Tuy nhiên, mùa được bắt đầu vào những ngày Xuân phân, Thu phân, Hạ chí hay Đông chí về phương diện khí hậu thật ra không được chính xác. Vì cách đặt mùa này căn cứ vào sự chuyển vận của trái đất nên những mùa này được gọi là "*mùa thiên văn học*", khác với "*mùa khí tượng học*", bắt đầu vào những ngày đầu tháng 3, 6, 9, 12.

Riêng đối với người Trung Hoa, thật ra những ngày đầu mùa là những ngày Lập Xuân (5 tháng 2), Lập Hạ (5 tháng 5), Lập Thu (7 tháng 8) và Lập Đông (7 tháng 11). Người Trung Hoa thời cổ, sống ở lưu vực sông Hoàng Hà còn đặt ra những ngày tiết khí như tiết Thanh Minh (*Thanh minh trong tiết tháng ba - Lễ là tảo mộ hội là đạp thanh*). Ngày đất trời trong sáng này, ở tháng 3 ta, trùng với ngày 5 tháng tư dương lịch,. Một vài tiết khác như tiết Đại Thử (trời nắng gắt) là ngày 23 tháng 7, tiết Đại Hàn (trời thật rét) ngày 21 tháng 1, hay Tiểu Hàn (*Trời không nắng cũng không mưa. Chỉ gầy gầy rét cho vừa nhớ thương*) là vào ngày 6 tháng 1.... Trong mùa hè, người Tây phương có những ngày "dog days". Đó là những ngày nóng nhất. Sở dĩ có tên này là vì ngôi sao sáng nhất trên bầu trời là sao Sirius được người Ai Cập gọi là sao Thiên cầu.

Vào mùa hè, vì sao Sirius này mọc cùng với mặt trời và người Ai Cập cho là trời đã nóng hơn vì trái đất đã nhận thêm sức nóng của sao Thiên cầu đang đi kèm với mặt trời.

Những thay đổi khí hậu trong lịch sử trái đất:

Ngoài những thay đổi khí hậu trong ngày, trong năm, trái đất trong đời sống năm tỷ năm qua cũng đã trải qua những giai đoạn nóng lạnh kéo dài hàng trăm triệu năm. Sau khi được thành lập, trái đất còn nóng bỏng và phải chờ đến hơn hai tỷ năm sau, "mùa đông" đầu tiên của trái

đất mới xuất hiện. “Mùa đông” này được gọi là “niên đại băng đá” (Ice age), kéo dài khoảng từ 10 đến 100 triệu năm. Trong niên đại băng đá, nước biển đóng băng cao hàng cây số ở Nam Cực, Bắc Cực, Bắc Mỹ và Bắc Âu Châu rồi lại tan dần. Sau đó, trong suốt gần 3 tỷ năm qua, trái đất đã trải qua nhiều niên đại băng giá, và hiện tại, dù cho chúng ta đã có những trưa hè có “*cái nóng nung người nóng nóng ghê*”, nhưng thật ra chúng ta cũng đang ở trong một niên đại băng giá. Nhưng mỗi niên đại băng đá lại có những giai đoạn giá lạnh (glacial) và “liên giá lạnh” (interglacial), ấm hơn một chút. Niên đại băng đá của chúng ta, bắt đầu xảy ra cách nay 50 triệu năm, nước biển đóng băng cao hàng cây số ở Bắc và Nam cực, khiến mực nước biển xuống thấp hàng trăm thước, giúp cho loài người sơ khai erectus khoảng 500 ngàn năm trước có thể đi bộ từ Việt Nam tới Nam Dương. Tuy nhiên, cách nay gần 20 ngàn năm, giai đoạn liên giá lạnh của niên đại này bắt đầu, nhiệt độ ấm dần lên, băng đá ở các nơi tan bớt đi, mực nước biển lại dâng cao, và chúng ta đã phải dùng thuyền bè để vượt biên.

Có nhiều nguyên nhân đã đưa đến sự thay đổi khí hậu toàn cầu trong những niên đại lâu dài đó. Thứ nhất là nguồn nhiệt lượng của mặt trời không phải lúc nào cũng đồng đều. Thứ hai là chuyển động quay của trái đất cũng không được thập phần hoàn mỹ. Quỹ đạo trái đất quanh mặt trời không phải hoàn toàn tròn mà là một hình trái soan hơi nở ra và co lại một chút mỗi 100 ngàn năm. Trái đất là một tiêu điểm của quỹ đạo hình trái soan nên có lúc vị trí ở xa mặt trời nhất dài hơn vị trí gần nhất đến 16 triệu cây số (khoảng cách trung bình là 150 triệu). Hơn nữa, độ nghiêng của trái đất so với mặt phẳng quỹ đạo không phải lúc nào cũng là 23 độ rưỡi như hiện nay mà thay đổi từ 22 độ đến 24 độ rưỡi mỗi 41 ngàn năm. Vì thế, hiện tại, hướng Bắc Nam của chúng ta hiện tại đang hướng về sao Bắc Đẩu, nhưng dần dần, khoảng 13 ngàn năm sau, nó sẽ hướng về phía sao Khuê (Vega).

Trên đây là những ý niệm căn bản về những đổi thay khí hậu trên mặt địa cầu. Dù chúng ta có những mùa hè rất nóng và mùa đông rất lạnh, nhưng trên tất cả những hành tinh mà loài người biết đến, trái đất vẫn là hành tinh duy nhất có nhiệt độ thích hợp với sự sống.

Saint Petersburg và Pushkin

Thi hào Pushkin không sinh ra ở Petersburg, nhưng ông đã cùng gia đình chuyển đến đây sinh sống từ thuở niên thiếu vào năm 1814. Những năm tháng trưởng thành, sáng tác và tạo nên tên tuổi của ông gắn bó chặt chẽ với thành phố này...

Vào dịp Sankt Petersburg tròn 300 tuổi người ta làm một cuộc thăm dò ý kiến dân chúng Moskva và vùng ngoại ô để biết họ đánh giá ai là người vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga. Người được đánh giá cao nhất trong toàn bộ lịch sử nước Nga là Nga Hoàng Pie Đại đế, còn người đứng thứ 2 là thi hào Pushkin. Tên tuổi của cả hai người đều gắn bó với lịch sử xuất hiện và phát triển của thành phố Sankt Petersburg. Một người đã được nổi tiếng nhờ thành phố Sankt Petersburg, còn một người đã góp phần không nhỏ làm cho thành phố được nổi tiếng với một tâm hồn thơ mộng, sâu sắc, dễ thương như bây giờ. Người thứ nhất đã có công khai sinh và tạo điều kiện để mở ra một thành phố tráng lệ và nổi tiếng Châu Âu, còn một người đã trao cho thành phố một linh hồn, một tình thần hào hiệp, tạo nên một nét rất đặc biệt của thành phố này.

Thi hào Pushkin không sinh ra ở Petersburg, nhưng ông đã cùng gia đình chuyển đến đây sinh sống từ thuở niên thiếu vào năm 1814. Những năm tháng trưởng thành, sáng tác và tạo nên tên tuổi của ông gắn bó chặt chẽ với thành phố này. Biết bao những công trình, sự kiện của thành phố đã được thể hiện trong những bài thơ, những dòng văn mượt mà của ông, và ngược lại,

trong các sáng tác của ông người ta tìm thấy rất nhiều dấu ấn của thành phố Sankt Petersburg. Pushkin sáng tác nhất nhiều. Ông không chỉ là một nhà thơ nổi tiếng mọi thời đại của nước Nga, ông còn là một nhà văn, một nhà sử học. Pushkin mang trong mình dòng máu da đen của một người con nuôi rất được Nga Hoàng Pie Đại đế yêu mến, người mà sau này trở thành một viên tướng lừng danh trong quân đội của Nga hoàng. Pushkin rất tự hào với dòng máu đặc biệt của mình. Ông có viết một truyện ngắn mang tên “Người da đen của Pie Đại đế” để viết về ông tổ của mình và ông cũng viết nhiều tác phẩm ca ngợi Pie Đại đế. Trong đó ấn tượng nhất là vở trường ca “Người cưỡi ngựa đồng”, ông sáng tác vào năm 1830. Chính nhờ vở trường ca này mà bức tượng Pie Đại đế đang phi trên lưng ngựa nổi tiếng ở trung tâm thành phố Sankt Petersburg được dân chúng gọi một cách âu yếm là người cưỡi ngựa đồng.

Người cưỡi ngựa đồng là biểu tượng của Sankt Petersburg. Nhưng đó không chỉ là Pie Đại đế vị Nga hoàng dũng mãnh trên lưng ngựa, đó còn là hình bóng của Pushkin, người được coi là mặt trời trong thi ca Nga bao nhiêu thế kỷ qua.

Bức tượng Người cưỡi ngựa đồng tọa lạc ngay trên quảng trường Nghị viện hay còn gọi là quảng trường Những người tháng chạp để kỷ niệm cuộc khởi nghĩa không thành của quân sỹ Nga chống lại chế độ quân chủ ở Nga lúc đó. Rất nhiều người trong số họ là những người bạn hết sức thân thiết của Pushkin. Ông đã gửi đến những chiến sỹ tháng Chạp bị lưu đày ở Sibiri rất nhiều những vần thơ ca ngợi của mình:

*Thăm sâu giữa chốn rừng Sibiri
Tiềm tàng lòng chịu đựng kiên hãnh
Công sức của các anh sẽ chẳng hề phí uổng
Sẽ sáng mãi khát vọng thanh cao*

Dạo quanh thành phố, người ta thấy rất nhiều ngôi nhà, nhiều địa danh gắn bó với cuộc sống và sáng tác của Pushkin. Đây ngôi nhà 185 trên phố Phantanka, nơi gia đình ông sống nhiều năm sau khi dọn về Sankt Petersburg. Đây cũng là nơi ông đã sáng tác vở trường ca nổi tiếng Ruslan và Liumila khi mới tròn 21 tuổi. Vở trường ca này được coi là một cuộc cách mạng trong thơ ca tiếng Nga. Và cũng sau vở trường ca này ông bị Nga hoàng Aleksandr đệ nhất đày đi phương Nam 6 năm.

Và đây nữa, ngôi nhà 97 cũng trên phố Phantanka, nơi đây đã diễn ra cuộc gặp gỡ kỳ diệu giữa Pushkin và người đẹp Anna Kern, để rồi thi ca Nga có được một tuyệt tác mà bây giờ bất cứ người Nga yêu thơ nào cũng thuộc nằm lòng.

Phút giây huyền diệu

*Anh nhớ mãi phút giây huyền diệu
Trước mắt anh, em bỗng hiện lên
Như hư ảnh mong manh, vụt biến
Như thiên thần sắc đẹp trắng trong*

...

*Giữa cô quạnh, âm u tù hãm
Dòng đời trôi quẩn quại, hắt hiu
Chẳng tiên thân, chẳng nguồn cảm xúc
Chẳng đời, chẳng lệ, chẳng tình yêu*

...

*Tôi yêu em đến nay chừng có thể
Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai
Nhưng không muốn em bận lòng thêm nữa
Hay hồn em phải bận sóng u hoài*

*Tôi yêu em âm thầm không hy vọng
Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen
Tôi yêu em, yêu chân thành đắm thắm
Cầu cho em được người tình như tôi đã yêu em.*

Và có ai đứng bên bờ biển Baltic ngắm những buổi hoàng hôn hay những đêm trắng mà không bồi hồi nhớ những vần thơ của Pushkin dành cho biển:

*Em thân yêu đã bao giờ thấy biển
Khi ánh chiều tắt dần trên bến
Và sóng rì rào ngoài bãi cát xa xôi
Một cánh buồn say sóng biển khơi
Cùng những cánh hải âu trở về trên bến
Mới hiểu lòng anh thảng ngàng xao xuyến
Nhớ thương em dào dạt trong lòng
Em thân yêu đã bao giờ thấy biển
Khi trắng lên rắc vàng sóng biếc
Núi ngủ trong mơ nghe biếm tâm tình
Một tiếng còi tàu chìm giữa đêm thanh
Một khúc hát buồn mênh mông trên bãi cảng
Mới hiểu lòng anh rung lên xao xuyến
Giây phút êm đềm gần gũi bên em...*

Cuộc đời sáng tác của Pushkin không dài, ông bị bắn chết trong một cuộc đấu súng để bảo vệ danh dự cho bản thân và người vợ của mình khi chỉ vừa 37 tuổi. Nhưng kho tàng sáng tác ông để lại thì vô cùng đồ sộ. Ngôi nhà 12 trên phố Moika, nơi cuối cùng ông đã sống giờ trở thành viện bảo tàng Pushkin. Nơi đây hiện đang cất giữ hơn 3,5 ngàn cuốn bản thảo và sách của ông.

Những vần thơ của Pushkin gần 200 năm qua đã đi qua rất nhiều thế hệ người Nga để vẫn sống mãi cho đến ngày hôm nay. Hàng năm vào ngày sinh, ngày mất của Pushkin, dưới chân các tượng đài của ông ở khắp nơi vẫn luôn trải đầy hoa tươi, còn những người yêu thơ của ông vẫn nồng nhiệt đọc vang những bài thơ bất hủ. Pushkin quả xứng đáng là Mặt trời thi ca Nga như người ta đã đánh giá về ông từ gần 200 năm trước.

Ba cuộc chiến. Hai cuốn sách. Đọc Hoàng Dung Nguyễn Mạnh Trinh

“Chiến Tranh Đông Dương III:

Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên 1979-1989” và “Sau Bức Màn Đỏ”, hai tác phẩm của tác giả Hoàng Dung đã chuyên chở nhiều thông điệp của những vấn đề liên quan chẳng chỉ đến nhiều thế lực siêu cường của những ý thức hệ làm binh phong cho những âm mưu khuynh đảo chính trị trong cuộc chiến ở Việt Nam. Từ một thời gian dài, tiếp tục những âm mưu bành trướng, tác động từ những tham vọng điên cuồng sử dụng lý thuyết ngoại lai thế giới đại đồng của những người Cộng sản Việt Nam. Hậu quả là hiện nay nảy sinh ra những thành phần lãnh đạo quên đi quyền lợi của đất nước mà mưu toan bán nước cầu vinh. Cuốn sách phân tích và khai triển trên nhiều bình diện chính trị, ngoại giao, quân sự đầy những chi tiết phức tạp. Những người ưu thời mẫn thế đã tự đặt cho mình những câu hỏi và câu trả lời sẽ không đơn giản nếu không có cái nhìn rộng khắp về chiến thuật ngắn hạn và chiến lược lâu dài. Nổi ưu tư về một hiểm họa mất nước từ đế quốc phương bắc càng ngày càng rõ. Tôi đọc lại hai tác phẩm trên đã lâu từ lúc

xuất bản lần đầu tiên và cảm giác là hai cuốn sách vẫn nêu ra những vấn đề thời sự nóng hổi mà tất cả những người Việt Nam ở trong nước hay hải ngoại phải quan tâm. Có lúc tôi tự hỏi. Tại sao tác phẩm “Bên Thắng Cuộc”, của tác giả Huy Đức một ký giả sống trong nước viết về hậu trường chính trị Việt Nam hiện nay, được in ở hải ngoại thì “Sau Bức Màn Đỏ” và “Chiến Tranh Đông Dương III: Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miền 1979-1989” không được in ở trong nước? Với nội dung chứa đựng nhiều khám phá từ tổng hợp tài liệu báo chí từ những nguồn truyền thông khác nhau sẽ làm độc giả trong nước thích thú. Nhưng, tôi lại “mê ngủ” khi ý nghĩ ấy chợt qua. Bởi vì, một chế độ độc tài chuyên chế như chính quyền Cộng sản Việt Nam đời nào lại chấp nhận chuyện đó...

Đọc “Sau Bức Màn Đỏ” và “Chiến Tranh Đông Dương III:

Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miền 1979-1989” tôi có cảm giác như tác giả Hoàng Dung đã cố gắng tìm tòi trong sách vở cũng như theo dõi tình trạng thời sự trên thế giới để trả lời những thắc mắc tôi nghĩ không phải của riêng ông mà là của chung nhiều người Việt Nam trước tình cảnh ngả nghiêng của đất nước.

Theo bài tựa sách của nhà văn Hoàng Khởi Phong, người bạn nối khố từ lúc hai người còn thơ ấu, thì tác giả vì sống và làm việc ở một thành phố nhỏ nên nhân rồi có thời giờ đọc sách và sưu tầm tài liệu để viết hai tác phẩm này. Nhưng theo tôi, ở vị trí rất chủ quan của người đọc, thì nhân rồi không phải là nguyên nhân chính để cầm bút. Mà phải là sự thôi thúc rất mãnh liệt của một tấm lòng vẫn còn nghĩ đến đất nước vì chính đó là vấn nạn chung của dân tộc và đất nước chúng ta. Trong những trang sách ông đã tự mình làm mờ đi cái chủ quan của mình để trình bày những sự kiện khách quan hầu để có những nhận định dễ dàng cho người đọc.

Sách về chiến tranh Việt Nam rất nhiều, nên sự tham khảo cũng phải cẩn thận để chọn lựa. Sẽ có trường hợp hai cuốn sách trình bày chung một vấn đề, một sự kiện lịch sử, nhưng lại trình bày theo chủ kiến trái ngược nhau, khiến nhận xét có thể bị thiên lệch không giữ được sự chân thực của lịch sử. Chiến tranh ở Việt Nam có nhiều giai đoạn và vị trí địa lý đã là nguyên nhân căn bản. Thời chiến tranh lạnh với chủ thuyết domino, thì Việt Nam là một tiền đồn của thế giới tự do để ngăn chặn đà phát triển của Cộng sản Trung Hoa xuống phía nam sau khi vị trí tiền đồn ở Lào bị trung lập hóa. Nhưng khi Hoa Kỳ và Trung Hoa bắt tay nhau thì vị trí tiền đồn không còn là chính yếu và Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam. Sau khi Cộng sản Bắc Việt chiếm được cả nước thì lại nảy sinh những xung đột về lãnh thổ giữa ba nước Việt, Miên và Trung Hoa. Đã có nhiều cuốn sách viết về những sự kiện xảy ra từ thế kỷ 20, và tới bây giờ, thế kỷ 21, thì ngòi nổ chiến tranh vẫn còn tiếp tục đe dọa và hệ quả của nó sẽ còn gây nhiều biến động cho an ninh khu vực Đông Nam Á Châu. Việt Nam hiện đang phải đối phó với tham vọng xâm chiếm từng bước của Trung Hoa. Và bài học của Tổng thống Putin xâm lăng Ukraine hiện nay có rút tía kinh nghiệm nào để Tập Cận Bình và Đảng Cộng sản Trung Hoa khổng chế và thôn tính Việt Nam?

Tác giả Hoàng Dung (tức bác sĩ Hoàng Xuân Trường) đã viết “Sau Bức Màn Đỏ” và “Chiến Tranh Đông Dương III: Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miền 1979-1989”

như một cách chứng minh chính cái lý thuyết quái gở Mác Lênin của chủ nghĩa thế giới đại đồng là nguyên nhân chính gây ra những cuộc núi xương sông máu cho dân tộc Việt Nam. Có người nói khi đọc lại “Sau Bức Màn Đỏ” mà tác giả viết cách nay hơn chục năm rồi đọc “Bên Thắng Cuộc” của Huy Đức một thời gây xáo động trong dư luận, họ thấy quả thật trong lịch sử Việt Nam có nhiều sự kiện được lý giải và nhận xét theo những chiều hướng khác nhau. Huy Đức thì viết từ nhận định chủ quan của một người sống ở trong xã hội đó, thời thế đó và đưa ra ánh sáng nhiều uẩn khúc lịch sử và hình như đối tượng độc giả là những người Việt ở hải ngoại. Có lẽ là sự thích thú tạo ra được từ hiếu kỳ nên có khi nguồn gốc của dữ kiện ấy nhiều khi chỉ là tin đồn trong dân gian. Huy Đức là một người viết ở trong nước có sự hấp dẫn của một văn phong khác lạ của một ký giả tay nghề cao. Có người khen, có người chê, nhưng phần đông đều coi như là một cuốn sách đặt ra nhiều vấn đề mà những người Việt Nam cần

quan tâm. Một cuộc chiến tuy đã qua bốn chục năm nhưng vẫn còn để lại những vết thương. Bên thắng cuộc và bên thua cuộc, vẫn còn hiển hiện giới tuyến ngăn cách. Có người vượt qua để nhìn lại nhưng có người vẫn còn nguyên vị trí đối kháng ở bên trong nhưng bề ngoài thì tỏ ra “hiểu biết” với một lý do nào đó... Tùy cách nhận định, phản cảm hay chia sẻ, sự thực lịch sử vẫn là những ẩn số đi tìm. Bên này hay bên kia, vẫn chỉ là một góc cạnh nhìn ngắm. Còn ở toàn phần thì hình như “sự thực lịch sử” vẫn là đích đến chưa đạt?

Tác giả Hoàng Dung, cũng có một thời sống ở trong nước cả trong thời gian những cuộc biến động như cuộc chiến Việt Nam với Miền Cộng và Trung Cộng, cũng đã đọc báo chí trong nước thời ấy nên hiểu được sự thiếu chính xác và lý luận một chiều của những cơ quan truyền thông này. Do đó, ông đã có sự cẩn trọng để những chi tiết được chính xác hơn và phản ảnh đúng thực tại lịch sử. Thực ra tài liệu để khai thác theo chủ đề này thì rất nhiều và bằng nhiều ngoại ngữ khác nhau, nhưng nguồn gốc thì phải chọn lọc để có thể khả tín, bởi vì một sự kiện lịch sử nhiều khi bị nhìn ngắm với con mắt quan sát khác nhau và vị trí, chỗ đứng khác nhau nên sự so sánh mức độ hợp lý là điều cần thiết. Chuyện đó là yếu tố quan trọng và nếu người nghiên cứu sơ ý sẽ bị lọt vào khu rừng rậm rạp khó định phương hướng để có đường ra.

Nội dung “Sau Bức Màn Đỏ” bao gồm những diễn tiến sinh hoạt chủ yếu của Đảng Cộng Sản Việt Nam từ năm 1976 qua 7 kỳ đại hội toàn đảng vào các năm 1976, 1981, 1986, 1991, 1997, 2001, 2006. Mỗi một kỳ đại hội đảng là thời điểm kết thúc một giai đoạn để mở ra một giai đoạn kế tiếp khác trong tương lai. Tại Việt Nam, chính quyền chỉ là một bộ phận tuân hành sự chỉ đạo của đảng nên guồng máy lãnh đạo quốc gia thực sự chính là guồng máy của đảng. Qua bảy lần đại hội đảng, chính tình Việt Nam đã có nhiều giai đoạn nhân sự điều hành những chính sách khác nhau. Mỗi khi tiến hành đại hội là một sự tranh giành địa vị khốc liệt và nhiều khi đồng chí đối xử với nhau như kẻ thù truyền kiếp. Nhưng dù phe phái nào, nhóm lợi ích nào, thì quyền lợi của quốc gia của đất nước vẫn được đặt dưới quyền lợi của đảng. Vì lợi ích cá nhân, nên đảng là bình phong cho những nhân vật của thời thế lộng hành với những hành động trắng trợn không còn nghĩ gì đến lẽ phải đến đạo lý.

Đọc “Sau Bức Màn Đỏ”, độc giả thấy được ý định của một người viết muốn có một tác phẩm nêu lên được những uẩn khúc của thời thế để có sự xác định chân thực những diễn biến của chính tình Việt Nam. Với thái độ không thiên kiến, với tinh thần của một trí thức luôn đi tìm kiếm chân lý, để may ra có thể đạt được mục đích cho tác phẩm. Là giải đáp được những câu hỏi của vấn nạn đang đè nặng lên suy tư của những người Việt Nam yêu nước và mong mỗi một nền độc lập vững bền cũng như tự do dân chủ cho cả đất nước và dân tộc.

Đọc hai tác phẩm của tác giả Hoàng Dung thấy sự thoải mái trong cảm nhận chủ quan của tôi. Không phải là vấn đề nhức đầu nặng nề có tính giáo khoa nữa mà tôi thấy như đang được nghe một câu chuyện tuy dài nhưng nhiều lôi kéo hấp dẫn để đọc từ trang đầu đến trang cuối. Những vấn đề được trình bày một cách trong sáng với một bố cục rõ ràng có tính khách quan làm người đọc lãnh hội được chủ đích của tác giả. Nhưng, không phải trình tự tìm hiểu ấy là kết quả của thái độ xốc nổi dễ dàng. Mà là sự thâm cứu. Một điều chứng minh như phần cước chú sau một chương sách gói ghém và trình bày về những nhân vật, những chi tiết để làm hậu thuẫn cho những điều đã viết. Phần cước chú này phải là của công trình nghiên cứu cẩn trọng.

Nhà xuất bản Tiếng Quê Hương đã viết về “Sau Bức Màn Đỏ”:

“Tác giả không chuyên nghiệp cầm bút mà là một bác sĩ y khoa. Với tư cách này tác giả đã có mặt bên cạnh những chiến binh miền Nam trước 30-4-1975 và có mặt trong nhiều trại tù cải tạo sau 30-4-1975, trải nghiệm không ít cảnh huống thực tế mà hầu hết người dân Việt Nam từng gánh chịu, sau đó còn trải nghiệm các bất trắc khó lường của hành động vượt biển và chia sẻ nhiều tháng ngày lạc lõng của kiếp sống lưu vong.

Các trải nghiệm này đã thúc đẩy nỗi khát khao nhìn rõ những bước đường mà đất nước phải qua...

Con tim luôn luôn quặn thắt trước cảnh sống oan khiên của đồng loại đã không ngừng đặt tác giả ở vị thế liên tục đối diện với những thăng trầm của đất nước, trong đó in hằn hình bóng cả người đã nằm xuống lẫn người đang vùng vẫy giữa trăm nghìn thử thách gian nan ở quê nhà. “Sau Bức Màn Đỏ” vì thế, hình thành không chỉ để góp thêm lời giải đáp cho một thắc mắc đã kéo quá dài về vấn đề Việt Nam mà còn biểu hiện sự tưởng niệm những người đã nằm xuống đồng thời là sự bày tỏ lời cảm ơn và cảm phục những người đang chấp nhận mọi gian nguy để mưu tìm một cuộc đổi đời cho dân tộc”.

Với “Chiến Tranh Đông Dương III: Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên 1979-1989”, một khoảng thời gian được vẽ lại. Hai mươi năm không phải là dài đối với lịch sử nhưng ở Đông Dương đã có biết bao biến cố xảy ra và liên quan đến cả tình hình thế giới. Chiến tranh lần thứ nhất bắt đầu từ 1945 đến 1954, giữa quân đội Liên Hiệp Pháp và quân đội Cộng sản Việt Minh, chấm dứt với trận Điện Biên Phủ và Việt Nam bị chia đôi thành hai quốc gia, Việt Nam Cộng Hòa ở miền nam vĩ tuyến 17 và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ở miền Bắc. Chiến tranh Đông Dương lần thứ hai từ năm 1960 đến 1975, giữa hai bên Nam Bắc với sự hỗ trợ của hai phe Thế Giới Tự Do và Cộng Sản cho mỗi bên trong chiến tranh lạnh. Mỹ rút quân khỏi Việt Nam và không tôn trọng những cam kết với đồng minh trong khi phe Cộng Sản do Nga và Trung Hoa tích cực yểm trợ vũ khí tiếp liệu nên Cộng sản Bắc Việt chiếm được cả nước. Chiến tranh Đông Dương lần thứ ba, giữa những nước đã là đồng minh của nhau thời kỳ trước. Vì hận thù dân tộc giữa người Việt và người Miên, Khờ Me Đỏ gây ra chiến tranh ở vùng biên giới năm 1979 khiến Việt Nam xua quân qua biên giới và tấn chiếm cả nước Cam Bốt một cách dễ dàng. Cộng Sản Trung Hoa yểm trợ Khờ Me Đỏ và tung quân tràn xuống biên giới Việt Hoa để “dạy cho Cộng Sản Việt Nam một bài học”. Sau khi tàn phá tất cả những lãnh thổ chiếm được, quân Trung Hoa rút về với những thiệt hại khá nặng, chiến tranh vẫn tiếp diễn ở biên giới với những cuộc pháo kích hoặc tấn chiếm từng vùng tương đối nhỏ. Nhưng khi chế độ Cộng Sản Nga Xô Viết bị giải thể thì Cộng Sản Việt Nam thay đổi đường lối hòa hoãn với Trung Hoa và chiến tranh lắng dịu đi. Sau đó Việt Nam phải chịu những ức hiếp của Trung Hoa, bị mất một phần lãnh thổ, bị chiếm các đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Trung Hoa muốn độc chiếm Biển Đông nhằm ngó những tài nguyên thiên nhiên dưới đáy biển nên vẽ ra vùng biển hình lưỡi bò, áp dụng luật của kẻ mạnh coi thường qui luật quốc tế. Việt Nam đã không có một phản ứng nào và đó là một nỗi nhục nhã cho dân tộc Việt. Một chế độ bán nước đàn áp dân chúng trong nước nhưng hèn kém với ngoại bang. Dù có hai khuynh hướng theo Tàu hay theo Mỹ, nhưng hình như chế độ ấy đã chọn Đảng làm mục tiêu bảo vệ hơn là bảo vệ đất nước.

Tác giả đã viết theo một bố cục trải dài theo thời gian. Những biến cố về quân sự, chính trị, ngoại giao được đan kết lại theo một trình tự hợp lý. Không những tác giả chỉ kể lại diễn biến cuộc chiến mà còn muốn đi sâu hơn vào những nguyên do và cả những tình huống khiến các bên tham chiến có những ảnh hưởng quyết định. Ông muốn lý giải thời thế theo những định hướng khoa học theo luật nhân quả. Việt Nam lúc thắng trận năm 1975 thì kiêu căng và có tham vọng bành trướng tới Thái Lan. Dựa vào hậu thuẫn của Nga nên đã gây nhiều va chạm với Trung Hoa, đuổi người Hoa ra khỏi Việt Nam và có mưu toan tạo một nước Cam Bốt chư hầu. Cam Bốt, không ưa Việt Nam vì thái độ kẻ cả cũng như vì mối thù dân tộc truyền kiếp, nên đã gây ra cuộc chiến ở biên giới Tây Nam và rút cuộc quân Khờ Me Đỏ bị quân đội Việt Nam đuổi khỏi Nam Vang. Và tiếp theo mười năm đóng quân trên lãnh thổ Miên quân đội Việt Nam Cộng Sản bị một trận chiến tiêu hao và kéo dài nên phải lui về. Khi chiếm Cam Bốt, Việt Nam bị cả thế giới lên án và cấm vận. Kinh tế trì trệ, ngoại quốc không giúp đỡ viện trợ, không đầu tư, lại thêm chính sách kinh tế theo chủ nghĩa xã hội khiến cho Việt Nam bắt buộc phải đổi mới chấp nhận nền kinh tế thị trường và vận động ngoại giao để khỏi bị cấm vận...

Sau năm 1975, tình đồng chí giữa Việt Nam và Trung Hoa có nhiều rạn nứt. Nga thì muốn Việt Nam về phe mình làm một ví trí chống giữ Trung Hoa ở phía nam và có những căn cứ quân sự để khống chế vùng Đông Nam Á. Trung Hoa thì chính sách ngoại giao với Hoa Kỳ đã có tiến

triển nên coi Nga như là kẻ thù số một nên đã cắt viện trợ cho Việt Nam và hậu thuẫn cho Cộng Sản Cam Bốt chống lại Việt Nam. Có lúc, Việt Nam đã chơi trò đu giầy giữa Nga và Trung Hoa. Năm 1977, khi sang Bắc Kinh trong phát biểu Lê Duẩn nói: “Chúng tôi như những đứa em nhỏ, luôn luôn sát cánh bên những người anh”. Tuy nhiên ý định này bị thất bại. Khác biệt giữa hai bên trở nên công khai thù địch trong buổi tiếp tân do Hoa Quốc Phong khoản đãi trong đó Hoa Quốc Phong tuyên bố sẽ liên minh với tất cả những quốc gia chống bá quyền. Đáp từ, Lê Duẩn cũng tuyên bố cương quyết không cho bất cứ một lực lượng đế quốc hay phản động nào vi phạm đến độc lập quốc gia, đồng thời Lê Duẩn cũng công khai ca ngợi Liên Xô. Như vậy, Việt Nam đã đứng hẳn vào quỹ đạo của Liên Xô, tìm kế hoạch trục xuất người Việt gốc Hoa và tấn công Campuchia một cách quyết liệt bằng quân sự.

Đường lối thân Liên Xô và thái độ thách đố qua chính sách đối xử với Hoa Kiều cũng như tấn công chiếm đóng Cam Bốt khiến Trung Hoa bị mất mặt cần thiết phải dạy cho Việt Nam “một bài học”. Khi đã đổ hơn 20 tỉ Mỹ Kim viện trợ trong cuộc chiến vừa qua mà bị trở mặt thì Trung Hoa cho là rõ ràng bị phản bội thô bạo. Do đó tấn công trừng phạt được sự đồng tình của tất cả nhân vật của Chính Trị Bộ và kế hoạch “phản công tự vệ giới hạn” của Đặng Tiểu Bình được thực hiện với mục tiêu làm suy yếu Việt Nam, hạ thấp tiềm năng chính trị, quân sự, kinh tế. Và mục đích khác cũng nhằm đoàn kết nội bộ trước nguy cơ bị đe dọa từ biên giới phương nam. Cũng như để chứng tỏ cho thế giới biết Liên Xô chỉ là con hổ giấy khi Trung Hoa thách thức liên minh quân sự Việt Nam-Liên Xô.

Cuộc chiến giữa Miên-Việt và Việt-Hoa đã được tác giả nêu lên từng chi tiết từ diễn biến mặt trận, từ hồ sơ trận liệt đến kết quả trận đánh. Tác giả Hoàng Dung đã tổng hợp từ nhiều tài liệu, từ sách vở báo chí đến những tài liệu ngoại giao và quân sự đã được giải mật. Người bình thường không có nhiều kiến thức về quân sự cũng mừng tượng được trận chiến như thế nào và hậu quả sẽ ra sao. Những câu hỏi không những chỉ xuất hiện cho người đọc sau khi đóng lại những trang sách mà nó còn là nỗi ám ảnh thúc đẩy cho người đọc tìm kiếm cho ra đáp số của những vấn nạn mà từ mấy thập niên nay vẫn còn ray rứt trong suy tư độc giả. Tích cực hơn là câu hỏi chúng ta phải làm gì trong tình thế này. Chúng ta có đành cam chịu sự ức hiếp của một kẻ thù truyền kiếp phương Bắc mà hiện giờ bọn bạo quyền trong nước vẫn phải bị bắt buộc gọi là “người bạn tốt”?

Viết hai cuốn sách có đủ để giải quyết được vấn đề sinh tử của đất nước không? Tôi không nghĩ lạc quan đến độ như vậy. Nhưng ít nhất, cũng tỏ bày được cái tâm của một kẻ sĩ yêu nước, tự mình đặt ra những câu hỏi có khi cho mình nhưng cũng có khi cho những người đồng tâm đồng chí còn ưu tư đến vận nước. Tác giả không phải là người cầm bút chuyên nghiệp? Nhưng thế nào là chuyên nghiệp, mấy ai có được căn bản nghề nghiệp từ trường ốc hay sinh sống toàn thời gian bằng cây bút của mình? Đọc hai tác phẩm của Hoàng Dung, khi đến trang cuối cùng, tôi hiểu được rõ ràng vấn đề đến những chi tiết và rút ra được nhiều điều mà trước đây tôi còn thắc mắc.

Tác giả Hoàng Dung có sự trải nghiệm của riêng ông từ đời sống và nhận thức có được giải bày trên trang sách không phải chỉ là của phút giây nghĩ ngợi mà là một chuỗi suy tưởng kéo dài nhiều năm nhiều tháng. Như người chơi cờ thế một mình, ít nhất cũng phải nghĩ đến và đối phó ít nhất là năm bảy thế liên tiếp cho cuộc cờ đã xảy ra, biết đâu đọc xong những trang sách, thế cờ sẽ sáng sủa hơn.

Chúng ta phải làm gì? Khi: “Có nhiều nguyên nhân đưa tới phản ứng thụ động và tình trạng gần như bất lực của Việt Nam. Dĩ nhiên là có những nguyên nhân khách quan như hoàn cảnh của một nước nhỏ yếu hơn bên cạnh một nước đông dân cư và hùng mạnh, hay nhu cầu cần chiếm đóng một vùng biển nhiều tài nguyên có vị trí chiến lược quan trọng của Trung Hoa. Tuy nhiên có những nguyên nhân chủ quan cũng rất quan trọng, là chính quyền Việt Nam đã tự đặt mình vào một thế hạ phong và bất lợi, mà căn bản là sự du nhập và áp đặt chủ nghĩa Cộng Sản

vào đất nước Việt Nam đưa đến một chính sách đối ngoại thụ động, khép nép cầu cạnh, nhường nhịn một cách đầy nghịch lý đối với Trung Hoa.

Chính sách đối ngoại khép nép này bắt đầu được thể hiện từ năm 1988 khi Hải Quân Việt Nam được đưa ra bảo vệ Trường Sa nhưng lại “không được phép nổ súng” và trở nên rõ ràng chính thức năm 1990 khi Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Phạm Văn Đồng sang Thành Đô muối mặt cầu hòa”.

Những cấp lãnh đạo của Việt Nam sau này từ chủ tịch nước đến thủ tướng Việt Nam mỗi khi gặp những nhân vật đối tác ngang hàng đều chỉ luôn nhắc đến “mười sáu chữ vàng” hay “bốn tốt” mà Giang Trạch Dân đã chỉ dạy. Với chủ trương coi trọng sự sống còn của Đảng hơn là sự toàn vẹn lãnh thổ, các lãnh tụ Việt Nam đã có một thái độ hèn kém quy phục đối với Trung Hoa. Nhưng đối với nhân dân trong nước, họ lại có thái độ của đường lối quyết liệt đàn áp. Họ che giấu thông tin, bản đồ chi tiết biên giới lãnh hải vịnh Bắc Bộ được ca tụng một cách hàm hồ khó hiểu là “thắng lợi cho cả hai bên” hoặc những tàu Trung Hoa bắt bớ và tàn sát ngư dân Việt Nam suốt hai chục năm nay chỉ được gọi là “tàu lạ”. Họ còn bắt bớ giam cầm những người biểu tình yêu nước chống đối Trung Hoa, gán tội vu vơ không căn bản pháp lý...

Tác giả đã kết luận cuốn sách bằng lời tuyên bố của hai nhân vật tượng trưng cho đường lối bán nước của chính quyền Cộng Sản Việt Nam. Một là đại tá quân đội Cộng sản Nguyễn Đăng Thanh, phó tiến sĩ, nhà giáo nhân dân, giáo sư học viện Chính trị của Tổng cục Chính Trị. Ngày 19 tháng 12 năm 2012, trước những khoa trưởng, giáo sư đại học, trưởng phòng công tác chính trị, quản lý sinh viên, các bí thư đoàn,... ông đã dạy mọi người phải đòi đòi nhớ ơn Trung Hoa, phải bỏ qua những va chạm hay bất đồng đáng tiếc và ông đe dọa là những cấp lãnh đạo của trường sẽ phải chịu trách nhiệm nếu để sinh viên biểu tình chống Trung Hoa. Cuối cùng là lời khuyên: “Phải làm mọi cách để bảo vệ bằng được tổ quốc Việt Nam thời xã hội chủ nghĩa và có thể mới bảo vệ được số hưu khi về già”! Hai là thượng tướng Bùi Văn Huấn, Phó Chủ Nhiệm Tổng Cục Chính Trị trong một bài phỏng vấn đăng trên mạng lưới của Trung tâm Phát Triển Văn học Nghệ Thuật ngày 18/3/2012 khi trả lời về mưu toan chiếm đoạt Biển Đông của Trung Hoa, ông dăm chiêu một lúc rồi nói với giọng thật buồn: “Trung Quốc lấy cái gì của ta thì ta phải chịu thôi”.

Bọn bán nước cầu vinh tay sai giặc kiêu Lê Chiêu Thống như hai tên này “bỏ nước cứu đảng” sẽ tồn tại mãi sao? Chắc có ngày hồn thiêng sông núi run rủi để có những anh hùng dân tộc như Quang Trung Đại Đế quét sạch quân thù xâm lược phương Bắc?

Ngày đó chắc không xa...

Sau bức màn đỏ

(...trích đoạn chương đầu)

Sau Đại Hội Đảng Lần thứ IV (1976-1982)

Tháng tám năm 1976, tại hội nghị thượng đỉnh các quốc gia không liên kết ở Tích Lan, một người da ngăm đen, miệng luôn mỉm cười bước lên diễn đàn đọc diễn văn. Những lãnh tụ của khối trung lập vỗ tay tán thưởng nồng nhiệt vì ông ta là thủ tướng của một nước Việt Nam vừa chiến thắng và thống nhất.

Tuy nhiên, chỉ vài phút sau, những lời lẽ trong bài diễn văn của con người có bề ngoài hòa nhã này đã gây kinh ngạc và tức giận cho tất cả các nhà lãnh đạo quốc gia trong vùng. Ông tuyên bố Việt Nam vẫn coi hết thấy quốc gia ASEAN lân bang như công cụ của đế quốc và sẽ không bao giờ quên là những quốc gia này đã giúp Hoa Kỳ trong những năm chiến tranh. Ông còn nói tiếp là Việt Nam có nghĩa vụ giúp đỡ nhân dân những quốc gia này đạt được một nền “*độc lập thật sự*” (1)

Bài diễn văn hàm ý đe dọa và ngạo mạn của Phạm Văn Đồng tại đại hội thượng đỉnh kể trên biểu hiện cái khí thế đang lên của những nhà lãnh đạo CSVN nói riêng và phong trào cộng sản nói chung lúc đó.

Chiến thắng 1975 của Bắc Việt Nam đã được coi như một minh chứng cho tính ưu việt của chủ nghĩa Marx và sự suy yếu của phe tư bản. Vì thế, theo họ, đường lối xã hội chủ nghĩa là một đường lối sáng suốt, đúng đắn, tiên tiến và Việt Nam sẽ cương quyết đi theo con đường đó, về đối nội cũng như đối ngoại.

Cho tới năm cuối của thập niên 70, quyền cai trị Việt Nam vẫn nằm trong tay các ủy viên Bộ Chính Trị già nua được bầu từ đại hội Đảng lần thứ ba năm 1960. Ủy viên được bầu năm đó gồm Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Duy Trinh, Hoàng Văn Hoan, Nguyễn Chí Thanh, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ và Lê Thanh Nghị.

Trong số những người này, Hồ Chí Minh, Nguyễn Chí Thanh đã chết, Hoàng Văn Hoan bị cô lập vì chủ trương thân Trung Quốc quá lộ liễu. Võ Nguyên Giáp luôn bị Lê Duẩn chèn ép, nên sau cái chết của Hồ Chí Minh, dần dần bị mất uy thế. Trường Chinh mất chức sau Cải Cách Ruộng Đất, xuống vị trí thứ 2 phải nhấn nhện để yên phận. Thực quyền lãnh đạo đảng CSVN nằm trong tay Lê Duẩn và Lê Đức Thọ.

Sự liên kết giữa Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đã có từ nhiều năm. Lê Duẩn là cán bộ kỳ cựu hoạt động tại miền Nam cùng thời với Lê Hồng Phong, Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai... và đã bị Pháp bắt đày ra Côn Đảo. Năm 1945, khi phong trào kháng chiến nổi lên chiếm chính quyền tại Sài Gòn, những người trong Ủy ban Hành Chính Kháng Chiến Nam Bộ đã không cho người ra đón Lê Duẩn ngay mà phải chờ tới mấy tuần sau. Được đón về Sài Gòn, Lê Duẩn vẫn bị bỏ quên, không được trọng dụng cho đến khi Lê Đức Thọ vào Nam.

Sau hiệp định Genève, Lê Duẩn tập kết ra Hà Nội và khi Trường Chinh bị mất chức tổng bí thư, Lê Duẩn được cất nhắc lên làm bí thư thứ nhất.

Thời gian đó, nhờ chiến thắng Điện Biên Phủ, uy tín Võ Nguyên Giáp rất cao, nhưng Hồ Chí Minh chọn Lê Duẩn có lẽ vì đảng cộng sản đang mưu toan xâm nhập và khởi sự gây loạn ở miền Nam. Lê Duẩn tuy sinh đẻ tại miền Trung nhưng đã hoạt động lâu năm tại miền Nam. Đề cử Lê Duẩn làm bí thư thứ nhất là một biện pháp lấy lòng nhân dân miền Nam, chứng tỏ họ vẫn coi nước Việt Nam là một. Một lý do khác là có thể Hồ Chí Minh cũng e ngại uy tín của Võ Nguyên Giáp sau trận Điện Biên Phủ. Đồng thời với sự thăng tiến của Lê Duẩn năm 1956, Lê Đức Thọ cũng được cử thay Lê Văn Lương giữ trọng trách trưởng ban tổ chức đảng.

Mới từ miền Nam ra, không có hậu thuẫn mạnh trong đảng cũng như uy tín đối với nhân dân miền Bắc, Lê Duẩn phải dựa vào Lê Đức Thọ, để mặc cho Lê Đức Thọ thao túng về nhân sự của đảng và nhà nước. Suốt hơn hai chục năm sau 1960, vì lý do chiến tranh, không có đại hội đảng nào được triệu tập nên Lê Đức Thọ với cương vị trưởng ban tổ chức được toàn quyền sắp xếp và thay đổi nhân sự trong đảng cũng như trong chính phủ. Dưới tay Lê Đức Thọ có Nguyễn Đức Tâm giữ ban chỉ đạo trung ương, Trần Quyết trưởng ban kiểm tra, Hoàng Thao

trưởng ban nội chính, Nguyễn Đình Hương ban bảo vệ chính trị, Nguyễn Trung Thành ban bảo vệ đảng. Những người này cùng Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng công an, tạo nên một bộ máy hữu hiệu kiểm soát tất cả sinh hoạt của nhân dân cũng như cán bộ.⁽²⁾

Người được coi như cái gai trước mắt Lê Duẩn là Võ Nguyên Giáp. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, uy tín của Võ Nguyên Giáp đối với thế giới bên ngoài rất lớn, ngang với Hồ Chí Minh nên giữa Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp đã có sự ghen ghét.

Dù Lê Duẩn được cử làm bí thư thứ nhất, nhưng Hồ Chí Minh vẫn để Võ Nguyên Giáp làm bí thư quân ủy còn Lê Duẩn, dù là bí thư thứ nhất của đảng, chỉ được làm phó bí thư cho Võ Nguyên Giáp trong quân ủy. Vì thế, Lê Duẩn luôn tìm cách nâng đỡ Nguyễn Chí Thanh⁽³⁾, lúc đó là chủ nhiệm tổng cục Chính trị quân đội, giúp cho Nguyễn Chí Thanh có một uy thế ngang ngửa với Võ Nguyên Giáp trong quân đội.

Trong thời gian Khrushchev cầm quyền ở Nga Xô, chủ trương xét lại và mâu thuẫn với Trung Quốc, lập trường của Lê Duẩn nghiêng về Trung Quốc. Trước thái độ của Lê Duẩn và biết được sự bất hòa giữa Duẩn - Giáp, Khrushchev đã gửi một thư riêng cho Võ Nguyên Giáp. Nhưng Võ Nguyên Giáp, biết mình đang bị Lê Duẩn, Lê Đức Thọ rình rập, đã trình ngay lá thư đó cho Hồ Chí Minh. Việc này khiến Lê Duẩn và Lê Đức Thọ không yên tâm, sợ Võ Nguyên Giáp có thể dựa vào uy thế Nga Xô để lật lại mình nên vào năm 1967, sau khi Khrushchev đã hạ bệ, cả hai tạo ra “vụ án xét lại”, bắt giữ hàng trăm người gồm đủ mọi thành phần có quan hệ hoặc có khuynh hướng thân Nga Xô hay có dính líu với Võ Nguyên Giáp.

Tuy Võ Nguyên Giáp được Hồ Chí Minh che chở nên yên thân nhưng một số người thân tín dưới quyền đã bị bắt và Võ Nguyên Giáp cũng không dám lên tiếng bênh vực. Dù Võ Nguyên Giáp vẫn còn là bộ trưởng Quốc phòng và tổng tham mưu trưởng quân đội, Lê Duẩn vẫn thường công khai chê trách tài cầm quân của Võ Nguyên Giáp.⁽⁴⁾ Sau khi Võ Nguyên Giáp bị mất vây cánh và bị cô lập, quyền lực của Hồ Chí Minh cũng dần dần yếu đi, bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lấn lướt, đành an phận đứng ngoài những tranh chấp để còn được giữ nguyên hình tượng “bác”. Sau khi Hồ Chí Minh chết, không còn chỗ dựa, Võ Nguyên Giáp bị Lê Duẩn và Lê Đức Thọ hạ tâng công tác và cuối cùng mất hết chức vụ.

Năm 1975, sau khi chiếm miền Nam, đảng CSVN tổ chức đại hội đảng lần thứ tư từ ngày 14 đến 20-12-1976 để thích ứng với tình hình mới.

Vì mới thống nhất, số ủy viên trung ương đảng được tăng từ 77 lên 133 người, số ủy viên bộ Chính Trị cũng tăng từ 11 lên 14 người cùng với 3 ủy viên dự khuyết, xếp theo thứ tự gồm có:

1. Lê Duẩn, cải danh bí thư thứ nhất lên tổng bí thư.
2. Trường Chinh, kiêm nhiệm chủ tịch Quốc Hội.
3. Phạm Văn Đồng, thủ tướng.
4. Phạm Hùng, phó thủ tướng.
5. Lê Đức Thọ, trưởng ban tổ chức T.Ư đảng.
6. Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng Quốc Phòng.
7. Nguyễn Duy Trinh, bộ trưởng Ngoại Giao.
8. Lê Thanh Nghị, chủ nhiệm UB Kế Hoạch Nhà Nước.
9. Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng Công An.
10. Văn Tiến Dũng, tổng tham mưu trưởng quân đội.
11. Lê Văn Lương, bí thư thành ủy Hà Nội.
12. Nguyễn Văn Linh, bí thư thành ủy TP.HCM.
13. Võ Chí Công, kiêm bộ trưởng bộ Hải Sản.

14. Chu Huy Mân, chủ nhiệm Tổng Cục Chính Trị thay Song Hào. Song Hào mất chức vì trong cuộc chiến 1972, quân cộng sản chết quá nhiều ở Quảng Trị và theo *Nhật Ký Trần Quỳnh*, Song Hào đã đổ lỗi làm này cho Lê Duẩn. Tuy nhiên, lý do chính có lẽ là Song Hào từng chiến đấu và gần gũi với Võ Nguyên Giáp.

Người thay Song Hào là Chu Huy Mân, trước 1954 là một trung đoàn trưởng tham dự trận Đông Khê, sau vào Nam đóng ở mật khu An Lão, vùng Bình Định, từng tham dự trận Ia Drang. Sự lên chức mau lẹ của Chu Huy Mân vượt qua khỏi nhiều tướng lĩnh có chức vụ cao và thâm niên hơn như Hoàng Văn Thái, Lê Trọng Tấn, Hoàng Minh Thảo... cho thấy quyết tâm của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ muốn loại trừ những người từng phục vụ lâu năm dưới sự chỉ huy của Võ Nguyên Giáp để dùng những người thân tín.

Ba ủy viên dự khuyết trong bộ Chính Trị lần này là Tố Hữu, Võ Văn Kiệt và Đỗ Mười.

Sau chiến thắng 1975, không còn cần che giấu, đại hội đảng lần này cũng quyết định bỏ tên đảng Lao Động và lấy lại tên là đảng Cộng Sản Việt Nam. Để chứng tỏ quyết tâm theo đuổi chủ nghĩa cộng sản, tên nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa được đổi thành Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Tạp chí *Học Tập*, tạp chí chính thức của đảng cũng trở nên tạp chí *Cộng Sản*.

Tôn Đức Thắng tiếp tục giữ chức chủ tịch nước.⁽⁵⁾

Hai phó chủ tịch là Nguyễn Lương Bằng và Nguyễn Hữu Thọ.

Trong thành phần bộ Chính Trị được bầu lần này, Hoàng Văn Hoan bị loại, sau đó trốn sang Trung Quốc. Võ Nguyên Giáp còn được giữ lại do uy tín trong quân đội nhưng bị đẩy xuống đứng sau Lê Đức Thọ.

Tuy bộ Chính Trị có thêm một số nhân vật từ miền Nam ra như Phạm Hùng, Nguyễn Văn Linh, Võ Chí Công... nhưng thực quyền vẫn nằm trong tay những ủy viên cao cấp đã nắm quyền suốt hơn hai chục năm qua, nhất là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Vì thế, đường lối chính sách của đảng CSVN không có gì thay đổi.

Trong những ủy viên cao cấp bộ Chính Trị lúc đó, Phạm Văn Đồng luôn luôn thủ phận để được yên vị ở chức thủ tướng, Trường Chinh dù là cán bộ lão thành nhưng uy tín bị suy giảm sau vụ Cải Cách Ruộng Đất cũng được yên thân vì sau khi mất chức tổng bí thư năm 1956, đã không bao giờ tỏ ra bất mãn hay đối nghịch với Lê Duẩn. Thêm nữa, Trường Chinh là người miền Bắc duy nhất trong số lãnh tụ cao cấp của bộ Chính Trị. (trong đảng, ba người thứ tự cao cấp nhất của bộ Chính Trị thường từ ba miền Bắc, Trung, Nam — Lê Duẩn người miền Trung, Phạm Hùng, miền Nam). Vì thế phe cánh của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ trong bộ Chính Trị sau đại hội đảng lần thứ tư được thêm vào Văn Tiến Dũng và Chu Huy Mân lại càng được củng cố...

Những người thuộc Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam chỉ có Nguyễn Hữu Thọ, Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Thị Bình được cho giữ những chức vụ không có quyền hành, còn những người khác như Trịnh Đình Thảo, Lâm Văn Tấn, Trương Như Tảng... bị gạt ra ngoài.⁽⁶⁾

Các nhân vật thân cộng như Ngô Công Đức, Lý Quý Chung, Lý Chánh Trung, Trần Thúc Linh, Nguyễn Hữu Hạnh, Dương Văn Ba, Hồ Ngọc Cự⁽⁷⁾ ... phải học một lớp học chính trị mà người dạy là Vũ Khiêu, xuất thân là một giáo viên ở Lạng Sơn. Bài “thu hoạch” của họ, nội dung chỉ là phản tỉnh và công lưng qui thuận được đăng lại trên báo *Đại Đoàn Kết* để làm công cụ tuyên truyền.

Nghị quyết của đại hội đảng cộng sản lần thứ tư sau 1975 xác định phương hướng của chính quyền cộng sản là “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kỹ thuật, cách mạng tư tưởng văn hóa.*” Dĩ nhiên, việc “nắm vững chuyên chính vô sản” để kiểm soát toàn bộ nhân dân kể cả về kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng là quan trọng nhất. Bộ máy công an được thiết lập rất chặt chẽ, nhân dân bị kiểm soát từ khu vực, phường, quận, tỉnh... đến trung ương và được sự hỗ trợ của những tổ dân phố, các đoàn thể phụ nữ, thiếu nhi, công đoàn....

Ngoài ra những biện pháp như sổ hộ khẩu, giấy thông hành (đi sang một tỉnh lân cận là phải xin giấy thông hành) sổ tạm trú (ngủ ở nhà người khác dù một đêm cũng phải khai báo), sổ lương thực (chỉ tạm đủ ăn cho mỗi nhân khẩu, mỗi căn hộ) đã giúp cho sự kiểm soát của công an rất hữu hiệu. Nhưng biện pháp kiểm soát hữu hiệu nhất của chế độ là tạo nên bầu không khí trong đó những người thân thuộc dù là anh em hay bạn bè... bị đe dọa, hoặc vì tị hiềm, hoặc để lập công, hoặc bị khuyến dụ, dễ dàng tố cáo lẫn nhau.

Tố cáo lẫn nhau được coi như một biểu hiện tốt trong quá trình phấn đấu bản thân, là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng phẩm chất “đạo đức cách mạng”. Những phần tử khả nghi dễ dàng bị thanh lọc, bắt bớ hay giam cầm không cần tòa xét xử.

Giống như ở các nước cộng sản khác, để bảo vệ chế độ, tất cả những người thuộc “thành phần khả nghi” đều bị bắt giữ, tù đày. Ngoài hàng trăm ngàn sĩ quan và viên chức miền Nam bị giam trong nhiều trại tù rải rác khắp nước, các văn nghệ sĩ, các tu sĩ như hoà thượng Huyền Quang⁽⁸⁾, hoà thượng Quảng Độ⁽⁹⁾, giám mục Nguyễn Văn Thuận⁽¹⁰⁾... Người từng chống đối chế độ cũ ở miền Nam như Trương Đình Dzu cũng bị bắt. Trương Đình Dzu bị chính quyền VNCH giam và sau 30-4-1975 được thả ra lại bị cộng sản bắt lại ngay vì bị nghi có thể thuộc nhóm người muốn xây dựng một đoàn thể đối lập. Vì ông ở tù, con trai là David Trương (Trương Đình Hùng) đang ở Hoa Kỳ, mưu toan cùng một viên chức ngoại giao Mỹ làm gián điệp cho Việt Nam để lập công. Vụ này vỡ lở, Trương Đình Hùng bị bắt, đại sứ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc là Đinh Bá Thi bị trục xuất. Do vụ án gián điệp này, cuộc hội đàm để thiết lập bang giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ của Phan Hiền và Holbrook vào thời gian đó bị trở ngại⁽¹¹⁾

Ngoài hai hoà thượng Huyền Quang và Quảng Độ, hai học giả Phật học uyên thâm là Trí Siêu và Tuệ Sĩ⁽¹²⁾ bị lên án tử hình vì tội “*âm mưu lật đổ chính phủ*”. Nhiều tu sĩ Phật giáo khác, trong đó có ni sư Trí Hải, người đã dịch cuốn *Catcher in the Rye* của Salinger (*Bắt Trẻ Đồng Xanh*) dưới bút hiệu Phùng Khánh cũng bị bắt và bỏ tù nhiều năm.

Năm 1978, chính quyền bắt giam bác sĩ Nguyễn Đan Quế cùng 47 người khác vì đã thành lập phong trào đòi nhân quyền. Những người này bị giam giữ, tra tấn, cấm cố, biệt giam nhiều năm, sau đó thả ra rồi bắt lại bằng những “biện pháp hành chánh”, không cần xét xử.

Một số người khác như Trần Văn Bá, con của cụ Trần Văn Văn, đang dạy học bên Pháp lén trở về Việt Nam năm 1980 tổ chức một phong trào nổi dậy, nhưng bị bắt và bị xử tử vào tháng 1-1985 cùng hai đồng chí khác của ông là Lê Quốc Quân và Hồ Thái Bạch.⁽¹³⁾ Người phụ trách tìm bắt ông là Cao Đăng Chiếm, Nguyễn Khánh Toàn... Có nguồn tin Nguyễn Tấn Dũng, lúc đó đang ở Kiên Giang, có thể cũng tham dự đợt bắt giữ này.

Ngoài Trần Văn Bá, ông Võ Đại Tôn⁽¹⁴⁾ từ bên Úc trở về mưu vận động chống lại chế độ nhưng cũng bị bắt. Ông bị bỏ tù vài năm sau đó được thả về Úc.

Một người khác, cựu phó đề đốc Hoàng Cơ Minh⁽¹⁵⁾ của quân đội VNCH, cũng thành lập Mặt

Trần Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam và lập mật khu tại biên giới Thái. Năm 1987, khi ông và các đồng chí trên đường về nước thì bị phục kích bên Lào và tử trận.

Về thông tin báo chí, dĩ nhiên tất cả đều do đảng cộng sản hoàn toàn kiểm soát⁽¹⁶⁾ Những tổng biên tập nhật báo hay tạp chí nhà nước này đều phải là đảng viên. Hai tờ báo trước kia ngầm hỗ trợ Cộng Sản là *Tin Sáng* và *Đứng Dậy*, sau 1975 được phép tồn tại với điều kiện trong tòa soạn phải có đảng viên cộng sản làm “cố vấn chính trị” nhưng cũng lần lượt bị dẹp bỏ. Tờ *Tin Sáng* của Ngô Công Đức, dù đã hết sức nịnh bợ chính quyền mới⁽¹⁷⁾ cuối cùng cũng phải tuyên bố “hoàn thành nhiệm vụ”(?) vào ngày 30-6-1980, còn tờ *Đứng Dậy* của linh mục Chân Tín thì “tự biệt độc giả” vào tháng 12-1978. Việc làm báo ở Việt Nam khôn mẩu đến nỗi mỗi năm, ngày 26-12, đều có tin về đức tổng giám mục Nguyễn Văn Bình làm lễ tối Giáng Sinh. Đến năm 1992, đức tổng giám mục bị bệnh, giám mục Phạm Văn Nam thay thế, nhưng tất cả các báo nhà nước đều vẫn đăng tin tổng giám mục Nguyễn Văn Bình làm chủ lễ và sau đó cũng không có báo nào đính chính.

Về đối ngoại, chiến thắng quân sự của CSVN năm 1975 đã làm bộc lộ nhiều mâu thuẫn giữa các quốc gia cộng sản từng âm ỉ trong những năm chiến tranh. Lúc đó, cả Nga Xô và Trung Quốc đều viện trợ dồi dào cho Việt Nam để tỏ cho các nước cộng sản đàn em khác thấy thái độ tích cực chống đế quốc, đồng thời cũng để lôi kéo Việt Nam về phe mình. Cộng sản Bắc Việt cũng cố gắng giữ vị thế quân bình để chiều lòng cả hai nước.

Trong nỗ lực tiếp tục chính sách đu dây để hưởng lợi như những năm trước, cuối tháng 9-1975, Lê Duẩn và Lê Thanh Nghị sang Trung Quốc xin viện trợ. Nhưng cục diện đã đổi thay, Trung Quốc sau khi kết thân được với Hoa Kỳ đang coi Nga Xô là kẻ thù số một, và muốn Việt Nam phải nằm hẳn trong ảnh hưởng của mình để chống lại Nga Xô. Ngoài ra, Trung Quốc cũng không muốn Việt Nam liên minh chặt chẽ với Ai Lao và Campuchia để tạo nên một thế lực có thể thách đố hay làm nguy hại tới an ninh và quyền lợi của họ. Vì thế, Đặng Tiểu Bình trong buổi tiếp tân phái đoàn đã đề cập đến chủ nghĩa bá quyền (ám chỉ Nga Xô) và khuyến cáo Việt Nam nên đứng hẳn về phía Trung Quốc để chống lại Nga Xô. Tuy nhiên, khi đáp từ, Lê Duẩn không nói gì đến bá quyền mà còn ngỏ lời cảm ơn tất cả các nước xã hội chủ nghĩa (trong đó có cả Trung Quốc lẫn Nga Xô) trong công cuộc đấu tranh chống đế quốc. Kết quả là Trung Quốc từ chối viện trợ và Lê Duẩn từ chối thảo thông cáo chung, hủy bỏ tiệc liên hoan đáp lễ. Kể từ đó, quan hệ giữa hai nước bắt đầu rạn nứt.

Ba tháng sau, Lê Duẩn bay sang Nga Xô. Tại đây, khác với khi ở Trung Quốc, Việt Nam công khai cho thấy lập trường của họ đã thiên về Nga Xô khi Lê Duẩn cùng Brezhnev ký một thông cáo chung trong đó Việt Nam nhất trí với Nga Xô trong vấn đề đối ngoại. Sau khi Lê Duẩn về nước, những cán bộ cao cấp có khuynh hướng thân Trung Quốc đều lần lượt bị loại, trong đó có Hoàng Văn Hoan⁽¹⁸⁾, ủy viên bộ Chính Trị), Chu Văn Tấn⁽¹⁹⁾, bộ trưởng Quốc Phòng năm 1945), Lý Ban (thứ trưởng Ngoại Thương), Lê Quảng Ba (phó chủ tịch quốc hội)....

Tuy nhiên, do tình trạng bang giao với Campuchia ngày càng căng thẳng, chính quyền CSVN đã cố gắng có vài biện pháp tỏ ra còn độc lập với Nga Xô để khỏi phải trực tiếp đương đầu với Trung Quốc. Họ từ chối không gia nhập liên minh kinh tế COMECON của đế quốc Nga Xô, không cho Nga Xô đặt tòa lãnh sự ở thành phố HCM, sau đó họ còn gửi nhiều phái đoàn thiện chí khác sang Trung Quốc cầu hòa.

Trước hết, vào ngày 21-4-1977, Lê Duẩn trở lại Trung Quốc. Lần này, Lê Duẩn không còn có thái độ đương đầu với Trung Quốc như lần trước mà phải xuống giọng với Hoa Quốc Phong “*chúng tôi như những đứa em nhỏ, luôn luôn sát cánh bên những người anh*”⁽²⁰⁾. Dù vậy, chuyến đi không đem lại kết quả nào.

Chuyến đi thứ hai vào tháng 6-1977 do Võ Nguyên Giáp, bộ trưởng quốc phòng lúc đó làm trưởng phái đoàn còn tệ hại hơn. Nhân vật tương đương của Trung Quốc là Diệp Kiếm Anh không ra phi trường tiếp đón, cũng không tham dự những cuộc hội đàm.

Mấy ngày sau, một phái đoàn khác của Phạm Văn Đồng từ Nga Xô trở về cũng ghé ngang Bắc Kinh. Lần này Phạm Văn Đồng được thủ tướng Trung Quốc là Lý Tiên Niệm tiếp. Nhưng trong buổi họp, Phạm Văn Đồng chưa kịp lên tiếng thì Lý Tiên Niệm đã lên tiếng phản kháng về chính sách đối với người Hoa và việc Việt Nam tiếp quản những đảo nhỏ thuộc quần đảo Trường Sa trong khi năm 1958, Phạm Văn Đồng đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên quần đảo đó. Phạm Văn Đồng chỉ có thể trả lời gượng gạo rồi trở về tay không.

Trước viễn ảnh không thể hòa giải với Trung Quốc, Việt Nam bắt đầu những biện pháp phòng ngừa Trung Quốc trả đũa. Trước hết, họ bắt tất cả cư dân người Hoa nhập Việt tịch, nếu không sẽ mất quyền lợi mua lương thực. Sau đó, ngày 24-3-1978, chính phủ Việt Nam mở đợt đánh tư sản mại bản đầu tiên (ám số là kế hoạch X1), nhắm vào khối người Hoa để tịch thu gia sản của họ, đồng thời cũng ép buộc và khuyến dụ những người này rời Việt Nam để một mặt, tránh hiểm họa đạo quân thứ năm, mặt khác tịch thu thêm vàng bạc. Từ đó, phong trào thuyền nhân ra đời. Nhiều người đến được những trại ty nạn rải rác ở Mã Lai, Thái Lan, Nam Dương, Phi Luật Tân, Hồng Kông, Nhật Bản..., nhưng cũng có hàng trăm ngàn người khác phải bỏ mình ngoài biển khơi hay làm nạn nhân cho hải tặc.⁽²¹⁾

Dĩ nhiên, chính quyền Trung Quốc phản kháng, gọi những Hoa Kiều ở Việt Nam là “nạn kiều” và ngưng mọi dự án Trung Quốc đang viện trợ cho Việt Nam, rút hết chuyên viên về nước. Sự tranh chấp giữa hai nước trở nên mãnh liệt đến nỗi nghị quyết số 9 của trung ương đảng năm 1978 đã ghi rõ Trung Quốc là kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất (trong khi Hoa Kỳ được coi như kẻ thù cơ bản và lâu dài). Điều này đến 1982 còn được ghi vào hiến pháp. Sau cuộc chiến với Campuchia và Trung Quốc, năm 1981, nghị quyết 39 của bộ Chính Trị ghi là CSVN sẽ “*đấu tranh chống chủ nghĩa Mao trên mọi hình thái*”. Điều này khác hẳn với lời mở đầu trong điều lệ đảng năm 1951 “*đảng Lao Động Việt Nam lấy học thuyết Mác, Ăng ghen, Lê nin và tư tưởng Mao trạch Đông kết hợp với thực tế cách mạng Việt Nam làm nền tảng tư tưởng*”.⁽²²⁾

Đồng thời với những bất đồng nghiêm trọng với Trung Quốc, những mâu thuẫn giữa hai phong trào CSVN và Campuchia sau 1975 càng trầm trọng hơn. Thật ra sự mâu thuẫn này đã có từ lâu. Tuy đảng cộng sản Campuchia được thành lập và đỡ đầu bởi đảng CSVN, nhưng cũng chính vì điều này, cộng thêm bản chất tự tôn của những người cộng sản tự coi mình thuộc giai cấp tiên tiến, đang mang nghĩa vụ giải phóng toàn thể nhân loại, khiến cho những cán bộ Việt Nam mặc nhiên tự coi như giữ vai trò lãnh đạo, đàn anh đối với hai nước Lào và Campuchia. Do mối thù hận bị mất đất và bị cai trị khắc nghiệt trong lịch sử, cộng thêm mối nghi kỵ sẽ bị sát nhập với Việt Nam thành một “Liên bang Đông Dương”, các lãnh tụ cộng sản Campuchia, vốn đã cuồng tín, càng trở nên đa nghi hơn và kết quả là hai bên đã phải giải quyết những mâu thuẫn bằng vũ lực trong một trận chiến cộng sản tương tàn.⁽²³⁾

Ngay trong tháng tư 1975, sau khi cướp được chính quyền, quân Khmer Đỏ đã tấn công các đảo Thổ Châu, Hòn Trọc (Wai) và Phú Quốc của Việt Nam, mở đầu những đợt xung đột vũ trang dọc theo biên giới hai nước. Những xung đột bùng nổ dữ dội vào hai năm sau. Đứng đêm 30-4-1977, quân Khmer Đỏ tấn công qui mô nhiều làng xã thuộc tỉnh An Giang, tàn sát nhiều người vô tội. Tháng 9-1977, đến lượt vùng biên giới Tây Ninh bị đánh.

Chịu trách nhiệm phòng thủ Tây Ninh là Trần Văn Trà, tư lệnh quân khu VII. Trần Văn Trà đang dự định hành quân qui mô để trả đũa thì bị mất chức và kéo về trung ương, để Lê Đức Anh đang làm tư lệnh quân khu IX lên thay.⁽²⁴⁾

Trần Văn Trà mất chức giữa giai đoạn nghiêm trọng này với lý do sơ hở về phòng thủ, không bảo vệ được dân chúng, nhưng lý do chính là sau 1975, những cán bộ người miền Nam trong MTGPMN không còn được tin dùng và dần dần bị tước đoạt hết quyền lực. Điều này đã gây ra bất mãn và chính quyền trung ương không thể để cho một người cốt cán của Mặt Trận nắm binh quyền ở một quân khu quan trọng. Ngoài ra, Trần Văn Trà cũng làm mất lòng Văn Tiến Dũng và Lê Đức Thọ khi viết hồi ký nhận phần lớn công trạng là của mình trong chiến thắng 1975.

Do thay đổi chỉ huy, phải chờ mấy tháng sau, cuối 1977, quân Việt Nam mới tràn qua biên giới phản công. Bị quân Việt Nam tràn ngập, hai sư đoàn 3 và 4 của Khmer Đỏ coi như bị tiêu diệt. Campuchia lên tiếng tố cáo Việt Nam xâm lăng và chính thức cắt đứt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Để tránh dư luận quốc tế, quân Việt Nam phải rút về nước.

Thất bại do không thể chặn đứng được cuộc tấn công của quân Việt Nam, Pol Pot đổ lỗi cho quân khu Đông ở sát biên giới Việt Nam và mở một cuộc thanh trừng đẫm máu. Cuộc thanh trừng này một mặt làm suy yếu lực lượng quân đội Campuchia, mặt khác đẩy một số cán bộ lãnh đạo Khmer Đỏ như Heng Samrin, Hun Sen trốn sang Việt Nam, tạo cơ hội cho Việt Nam thành lập một Mặt Trận Giải Phóng bù nhìn để xâm lăng.

Không thể để cho Khmer Đỏ tiếp tục gây rối, chính quyền CSVN cần giải quyết dứt khoát, nhưng lại sợ phản ứng của Trung Quốc nên phải đi tìm một hậu thuẫn vững mạnh. Cuối cùng, Việt Nam chính thức đứng vào quỹ đạo Nga Xô.

Ngày 1-11-1978, Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng dẫn đầu một phái đoàn đảng và chính phủ sang Mạc Tư Khoa để cùng Brezhnev ký bản hiệp ước “hợp tác và hữu nghị”, theo đó hai nước sẽ liên minh với nhau cả về chính trị, kinh tế lẫn quân sự. Điều 6 của hiệp ước này nói rõ nếu một trong hai nước bị tấn công, cả hai nước sẽ dùng những biện pháp thích hợp đối phó.

Từ đó, Nga Xô hết lòng viện trợ cho Việt Nam. Số tiền viện trợ và cho vay lên tới nhiều tỷ mỹ kim. Bù lại, Việt Nam để cho Nga Xô sử dụng hải cảng Cam Ranh và có thể Đà Nẵng làm đầu cầu quân sự để kèm chế Trung Quốc và đối đầu với hạm đội thứ 7 của Hoa Kỳ trong vùng Thái Bình Dương.⁽²⁵⁾

Hợp tác hữu nghị giữa Việt Nam - Nga Xô đã gây ra một phản ứng mạnh mẽ tại các nước ASEAN và Hoa Kỳ, đem lại kết quả thuận lợi cho Trung Quốc.

Trước đó hai tháng, Việt Nam đã cử Phạm Văn Đồng sang Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba để ve vãn những nước này. Tại Thái Lan, Phạm Văn Đồng hứa chấm dứt yểm trợ đảng cộng sản Thái. Tại Mã Lai, Phạm Văn Đồng đến đặt vòng hoa tại đài chiến sĩ tưởng niệm những binh sĩ đã bỏ mình trong cuộc chiến tranh chống Mã cộng. Riêng đối với Hoa Kỳ, Việt Nam đã bỏ lỡ nhiều cơ hội thiết lập bang giao nhưng khi cần đến thì quá trễ.

Sự chậm trễ thiết lập bang giao với Hoa Kỳ bắt nguồn từ thái độ kiêu căng của các lãnh tụ CSVN sau chiến thắng. Năm 1976, khi tổng thống Carter được bầu lên, ông muốn lật trang sử đã qua nên đã cử một phái đoàn thiện chí sang Hà Nội thăm dò về việc thiết lập bang giao. Thiện chí này càng làm giới lãnh đạo Việt Nam thêm phần cao ngạo. Họ nhất định đòi có được ba tỷ mỹ kim tiền bồi thường chiến tranh như một điều kiện tiên quyết.

Những cuộc hội đàm ở Hà Nội và Paris giữa thứ trưởng ngoại giao Phan Hiền với Woodcock và Holbrook lần lượt tan vỡ.

Tháng 9-1978, khi Nguyễn Cơ Thạch, lúc đó là thứ trưởng, gặp Holbrook và bằng lòng bỏ đi điều kiện đòi số tiền ba tỷ thì lúc đó, Hoa Kỳ đã bắt đầu thương thuyết với Trung Quốc. Phải lựa chọn giữa hai nước đang đối nghịch nhau, Carter chọn bang giao với Trung Quốc trước và từ đó, do việc Việt Nam đứng vào khối Nga Xô rồi xâm lăng Campuchia, bang giao giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã chậm đi mất gần 20 năm.

Sau khi ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác, tin tưởng vào hậu thuẫn và sức mạnh của Nga Xô, bất chấp mọi phản ứng từ Trung Quốc và thế giới, ngay sau đêm Giáng Sinh năm 1978, dưới quyền chỉ huy tổng quát của Lê Trọng Tấn⁽²⁶⁾, quân đội Việt Nam ồ ạt mở một cuộc tấn công toàn diện vào lãnh thổ Campuchia. Chỉ trong vòng hơn một tuần, quân Việt Nam đã lấy được Nam Vang và khoảng bốn tháng sau, coi như làm chủ toàn lãnh thổ Campuchia. Lê Đức Anh được cử làm tư lệnh đội quân chiếm đóng. Nhưng cũng từ đó, Việt Nam bắt đầu phải gánh chịu một cuộc chiến tranh tiêu hao nặng nề cả về sinh mạng lẫn kinh tế, ngoại giao.

Cuộc xâm lăng Campuchia kể trên là một xúc phạm nặng nề cho uy tín nước lớn và lòng tự tôn Đại Hán của Trung Quốc cho nên Đặng Tiểu Bình cần phải có biện pháp trả đũa. Một mặt, ông ta tiếp xúc với Thái Lan để tiếp tục giúp đỡ Khmer Đỏ chống lại Việt Nam. Mặt khác, ông ta không còn khó khăn với Hoa Kỳ về vấn đề Hoa Kỳ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan nữa mà bằng lòng thiết lập bang giao chính thức một cách gấp rút vào ngày 15-12-1978. Hai tháng sau, Đặng Tiểu Bình lên đường sang thăm Hoa Kỳ, chuẩn bị dư luận cho cuộc tấn công Việt Nam. Khi Đặng Tiểu Bình cho biết về cuộc tấn công, tổng thống Carter không tán thành cũng không phản đối.

Ngày 17-2-1979, quân đội Trung Quốc bắt đầu tấn công vào những tỉnh biên giới Việt-Hoa, dọc theo chiều dài hơn 1000 cây số của biên giới Việt-Hoa từ Lai Châu đến Quảng Ninh.

Dù sao Trung Quốc cũng e sợ phản ứng của Nga Xô nên cuộc chiến tranh này đã được Trung Quốc gián tiếp thông báo trước giới hạn về qui mô thời gian và không gian. Tuy trận đánh chỉ kéo dài có hơn một tháng, sự tổn hại nhân mạng mỗi bên (cả hai bên đều dấu kín, khi loan báo chính thức đều giảm thiểu tổn thất của mình và thổi phồng tổn thất của địch) cũng phải lên tới nhiều chục ngàn và hầu hết những thị xã của Việt Nam dọc biên giới đều bị tàn phá.

Nhìn vào cuộc chiến, quân đội Việt Nam chứng tỏ khả năng phòng thủ bền bỉ và khả năng chiến đấu cao hơn, trong khi quân đội Trung Quốc bộc lộ nhiều nhược điểm và đã phải trả giá khá đắt cho “bài học” mà họ muốn dạy.

Tuy nhiên, theo thời gian, Việt Nam đã phải gánh chịu một hậu quả tai hại hơn. Về chính trị, kinh tế, quân sự gần như hoàn toàn lệ thuộc vào Nga Xô, về ngoại giao thì bị cô lập... Nhưng thời gian đó là thời gian mà đế quốc Nga Xô đang hồi cực thịnh. Trên bề mặt, đế quốc đó đang bành trướng không những ở Á Châu mà còn ở Phi Châu và Nam Mỹ. Việt Nam, theo như Lê Duẩn nói với Brezhnev khi ký thỏa ước hợp tác và hữu nghị, đã chấp nhận “*nghĩa vụ quốc tế cao cả*”, làm người lính tiên phong cho sự phát triển chủ nghĩa cộng sản, đúng hơn là cho đế quốc Nga Xô ở Á Châu.

Việc xâm lăng Campuchia thực ra chỉ là một bài học mà cộng sản Việt Nam học từ Nga Xô để áp dụng chủ thuyết Brezhnev, theo đó, một nước cộng sản có quyền đem quân vào một nước cộng sản khác, như Nga Xô từng đem quân vào Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc hay Afghanistan.

Ngoài ra, giống như ở Nga Xô, các lãnh tụ cộng đảng Việt Nam cũng muốn duy trì tình trạng “giữ nguyên trạng” (các cán bộ lãnh đạo cứ giữ nguyên địa vị cho đến lúc chết nếu không bị thanh trừng vì chống đối hay tranh giành quyền lực với những lãnh tụ đương thời).

Nếu những ủy viên bộ Chính Trị của Nga Xô như Brezhnev (tổng bí thư), Gromyko (ngoại giao), Ustinov (quốc phòng), Suslov (lý thuyết gia), và Andropov (công an)... đều đã ở li chức vụ lãnh đạo trên dưới hai mươi năm thì ở Việt Nam, lãnh đạo đảng cộng sản từ hơn ba mươi năm trước vẫn là những khuôn mặt Duẩn, Chinh, Đồng, Thọ, Giáp....

Ở ngoài mặt, đế quốc Nga Xô đang phát triển nhanh chóng trên toàn thế giới nhưng điều này đã che dấu sự mục nát từ hạ tầng cơ sở của chế độ xã hội chủ nghĩa và của cơ chế kinh tế chỉ huy khiến cho những lãnh tụ CSVN vẫn tin tưởng rằng đường lối kinh tế đó là một đường lối siêu việt và họ vẫn nhất tâm theo đuổi.

Vì đất nước bị chia đôi năm 1954 nên từ 1954 đến 1975, họ chỉ có thể thi hành chính sách kinh tế chỉ huy ở miền Bắc. Tất cả những hình thức kinh doanh tư nhân bị xóa bỏ. Những ngành sản xuất hay thương mại đều được điều hành bởi nhà nước.

Chính sách kinh tế tập trung này đều lấy theo khuôn mẫu Nga Xô, theo đó, cơ quan quan trọng nhất để điều hành kinh tế quốc gia là ủy ban Kế Hoạch Nhà Nước mà công việc bao trùm lên tất cả các bộ có liên quan đến kinh tế hay sản xuất. Ủy ban đặt một kế hoạch toàn bộ từ trên xuống dưới cho tất cả những ngành trực thuộc, tính toán tiền bạc, vật dụng được phân phối, sản lượng xuất cảng, nhập cảng...

Dựa theo kế hoạch chung đó, ủy ban Vật Giá định giá cả hàng hóa, bộ Tài Chánh phân phối ngân sách, các bộ Nội Thương, Ngoại Thương, Lương Thực thu nhập hay phân phối sản phẩm từ trung ương tới địa phương. Các bộ Kỹ Nghệ hay Nông Nghiệp có trách nhiệm sản xuất đúng chỉ tiêu trong kế hoạch.

Ngân sách chi thu của những bộ không liên quan đến kinh tế như Y Tế, Quốc Phòng hay Giáo Dục cũng phải dựa theo kế hoạch chung của ủy ban Kế Hoạch. Vì thế, chủ tịch ủy ban Kế Hoạch thường là một phó thủ tướng kiêm ủy viên bộ Chính Trị đứng đầu một ủy ban trên 10 người thuộc hàng bộ trưởng hay thứ trưởng.

Thường thì kế hoạch hàng năm được soạn thảo xong vào tháng 9 để đưa cho thủ tướng và bộ Chính Trị duyệt xét cho năm sau.

Vì những nước cộng sản giao thương mật thiết với nhau, kế hoạch của những nước này phải liên quan mật thiết với những nước trong khối cộng sản, chẳng hạn số lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam phải ăn khớp với nhu cầu nhập khẩu của những nước khác.

Nước đứng đầu khối cộng là Nga Xô phải nghiên cứu khả năng của những nước đàn em, hoạch định một kế hoạch chính cho cả khối rồi Nga Xô và những nước Đông Âu theo đó mà đặt kế hoạch của mình.

So với các nước cộng sản khác, kế hoạch kinh tế của nhà nước CSVN trước năm 1975 tương đối giản dị, vì ngoài nông nghiệp và các mỏ than, mỏ sắt thì mức sản xuất rất giới hạn. Kinh tế và ngân sách của Việt Nam lúc đó phần lớn nhờ vào ngoại viện. Mỗi năm, họ làm một danh sách những vật dụng kể cả vũ khí, bom đạn hay tiền bạc cần thiết và cử Lê Thanh Nghị, chủ tịch ủy ban Kế hoạch Nhà nước sang Nga Xô, Trung Quốc hay các nước Đông Âu để xin.

Lê Thanh Nghị giữ chức vụ này nhiều năm, trở nên một chuyên viên xin viện trợ vì ông ta có thể nhìn nhận chịu đựng được khi bị các nước viện trợ bày tỏ những thái độ hay lời lẽ khinh thường, nhất là những nước Đông Âu. Những nước này dù nhiều năm gặp khó khăn cũng vẫn phải viện trợ cho Việt Nam do áp lực của Nga Xô. Còn Trung Quốc thì tệ hơn, Mao Trạch Đông từng có lúc gọi Lê Thanh Nghị là “*tên ăn mày, lúc nào cũng ngửa bát đòi xin thêm*”. (27)

Từ 1954, việc xây dựng hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa ở Bắc Việt bắt đầu bằng một kế hoạch ngũ niên từ 1960 đến 1965, gọi là kế hoạch ngũ niên lần thứ nhất để quốc hữu hóa tất cả các hãng, xưởng, công ty tư nhân và bắt tất cả nông dân vào hợp tác.

Trước đó, những tư nhân tương đối có ít nhiều của cải hay ruộng vườn đã bị đấu tố tàn nhẫn. Dù vào cuối năm 1956, đảng đã hạ tầng công tác của Trường Chinh và Lê Văn Lương, cho Võ Nguyên Giáp công khai xin lỗi về những lỗi lầm, nhưng nhiều người hoặc đã chết, hoặc bị tù đầy oan uổng.

Sau kế hoạch ngũ niên lần thứ nhất này, tất cả các ngành kinh tế tại miền Bắc đều được tập trung, chỉ huy và qui hoạch bởi chính phủ. Dù hệ thống kinh tế đó chẳng sản xuất được bao nhiêu, luôn phải nhờ vào ngoại viện và nhân dân luôn luôn nghèo đói, họ đổ thừa thất bại đó là do chiến tranh và do đế quốc phá hoại.

Sau năm 1975, những biện pháp tập thể hóa các ngành kinh tế kể trên lại được áp dụng tại miền Nam⁽²⁸⁾ gọi là kế hoạch ngũ niên thứ hai (từ 1976 đến 1980), là một giai đoạn chuyển tiếp để “cải tạo” công nghiệp nông nghiệp miền Nam vào chiều hướng xã hội chủ nghĩa ngõ hầu kết hợp được với kinh tế miền Bắc.

Do chính sách “Người Cày Có Ruộng” của chính phủ Cộng Hòa trước 1975, lúc đó tại miền Nam hầu như không còn giai cấp địa chủ, những cảnh đấu tố hai mươi năm trước đã không xảy ra, nhưng những thương gia thì qua các đợt đánh “tư sản mại bản” nếu không khéo chạy chọt, đứt lót đều bị trắng tay.

Kế hoạch ngũ niên lần thứ hai này được đề ra và chấp thuận trong đại hội đảng lần thứ tư.

Vì mục tiêu của kinh tế xã hội chủ nghĩa đặt ưu tiên vào kỹ nghệ nặng. Lý luận của các kinh tế gia CSVN là kỹ nghệ nặng sẽ hỗ trợ để nông nghiệp tăng gia sản xuất. Một khi mức sản xuất nông nghiệp gia tăng sẽ hỗ trợ ngược lại để phát triển kỹ nghệ. Tuy nghị quyết ghi như thế, nhưng thật ra những lãnh tụ CSVN đã chủ định rằng trong thời gian đầu sẽ chỉ nhờ vào sức sản xuất của vựa lúa đồng bằng Cửu Long để hỗ trợ cho kỹ nghệ. Họ nghĩ rằng sau khi tập thể hóa, biến miền đồng bằng Cửu Long thành những nông trường hay những tập thể hợp tác, mức sản xuất của nông nghiệp sẽ tăng gia gấp bội.

Trong tính toán chủ quan, họ đã đặt ra những chỉ tiêu rất cao, chẳng hạn kỹ nghệ sẽ phát triển 16 đến 18% mỗi năm, nông nghiệp phát triển từ 8 đến 10%, lợi tức bình quân người dân tăng lên từ 13 đến 14%.

Người đầu tiên được giao trọng trách cải tạo kinh tế miền Nam để theo kịp khuôn mẫu kinh tế xã hội chủ nghĩa giống như ở miền Bắc là Nguyễn Văn Linh, sau đó chuyển qua Đỗ Mười, cùng với sự trợ giúp của quân đội (do Trần Văn Danh, tư lệnh phó quân khu VII) và công an (do Cao Đăng Chiếm chỉ huy).

Hiển nhiên là tiến trình tập thể hóa đó đã đưa đến thất bại. Những chỉ tiêu phát triển kinh tế nêu trên đều không thực hiện được.

Về nông nghiệp, trong khi những tập thể và hợp tác nông nghiệp tại miền Bắc vẫn chỉ sản xuất tạm vừa đủ ăn thì tại miền Nam, nông dân, phần lớn đều đã có ruộng đất nên không ai muốn vào tập thể. Mới đầu, chính quyền còn khuyến dụ để nông dân tự ý xung phong vào hợp tác, nhưng vì không có kết quả nên đã dùng các biện pháp cưỡng bách. Cán bộ được quyền trút hữu ruộng đất, tịch thu máy cày, máy bơm nước, trâu bò... Kết quả là nông dân giết trâu bò gia súc trước khi bị tịch thu, và khi phải vào hợp tác đã không chịu làm tích cực việc cho nên lương thực vào những năm 1978 và 1979 bị thiếu hụt.

Theo thống kê chính thức của chính phủ, tổng sản lượng lúa gạo sản xuất năm 1976 là 11.83 triệu tấn, năm 1977 còn 10.60 triệu tấn, năm 1978 là 9.79 triệu tấn. Đại đa số nhân dân phải ăn độn cơm với khoai hay bo bo (được nhà nước gọi là cao lương). Nhiều nơi gần như bị nạn đói. Mức sản xuất giảm sút trầm trọng đến nỗi hội nghị trung ương đảng vào tháng 8-1979 đã phải tạm thời nói lỏng việc tập thể hóa, theo đó, miền Bắc sẽ cho phép ngoài hệ thống kinh tế nhà nước, còn có một phần nhỏ kinh tế cá thể. Riêng miền Nam, còn cho phép kinh tế tư doanh cỡ nhỏ, tạo điều kiện gia tăng sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp. Một số tỉnh miền Nam như An Giang, Long An đã làm lơ trong việc bắt nông dân vào hợp tác.⁽²⁹⁾

Về công nghiệp, những năm đầu sau chiến tranh, mức sản xuất có tăng đôi chút, vì các hãng xưởng ở miền Bắc không còn bị sơ tán và ở miền Nam, việc kiểm soát của chính quyền chưa chặt chẽ lắm. Tuy nhiên, sau 1977, khi chính quyền đẩy mạnh "cải tạo công thương nghiệp", mức sản xuất sa sút hẳn. Tổng sản lượng sản xuất công nghiệp năm 1980 so với 1976 thấp hơn 3%.

Nhằm tiêu diệt giai cấp tư sản, chính quyền mở hai đợt đánh tư sản mại bản được gọi theo ám số là X1 và X2. Ba mươi năm sau, trùm công an Mai Chí Thọ hồi đó đã thú nhận: "*Đợt X1 còn tạm được, nhưng đến đợt X2, xét lại gần 2000 đối tượng thì chỉ đúng có 3 đối tượng, còn ngoài ra, tiêu diệt hết nhà giàu đồng thời xóa đi hết những ưu thế, cơ sở vật chất sẵn có của Hòn Ngọc Viễn Đông. Những tài sản của các đối tượng X1, X2 đem về đổ dồn chất đống đầy các kho... sau một thời gian ngắn, những tài sản này từ từ biến mất... Từ một thành phố hưởng thụ, một trung tâm công nghiệp lớn nhất, vậy mà chỉ mấy năm sau khi chiến dịch X1, X2 đi qua, toàn bộ nền sản xuất công nghiệp của thành phố bị tê liệt đến cạn cùng*".⁽³⁰⁾

Không những công nghiệp miền Nam bị chính quyền tiêu diệt, kỹ nghệ nặng miền Bắc cũng bị tổn hại sau khi quân Trung Quốc tấn công và tàn phá những tỉnh biên giới phía Bắc. Vì nạn thất nghiệp gia tăng, Việt Nam phải gửi hàng trăm ngàn nhân công đi lao động tại Nga Xô và các nước Đông Âu.

Khi đặt chỉ tiêu phát triển kinh tế thật cao, CSVN cũng lạc quan trông đợi vào sự giúp đỡ của những cường quốc. Tuy nhiên, số tiền ngoại viện đã không được như ý muốn. Tiền bồi thường chiến tranh 3 tỷ mỹ kim của Mỹ không có, các nước Tây phương chỉ viện trợ nhỏ giọt, viện trợ của Trung Quốc nửa chừng bị cắt.

Sau khi Việt Nam ký hiệp ước hữu nghị với Nga Xô và gia nhập khối kinh tế COMECON của khối cộng sản do Nga Xô chủ xướng, Việt Nam chỉ nhận được viện trợ của Nga Xô và các nước Đông Âu, nhưng số viện trợ này không đủ bù đắp vào những khuyết điểm của một hệ thống kinh tế cứng nhắc, thiếu sáng kiến.

Ngoài ra, sự viện trợ của những nước cộng sản anh em (khoảng trên dưới ba tỷ mỹ kim mỗi năm) không phải không có điều kiện. Việt Nam phải đứng hẳn vào phe Nga Xô để chống lại Trung Quốc và phải để cho Nga Xô sử dụng hải cảng Cam Ranh và Đà Nẵng. Ngay sau trận

chiến biên giới Việt-Hoa, những chiến hạm trang bị dụng cụ điện tử để thu thập tin tức tình báo của Nga Xô bắt đầu cập bến Đà Nẵng.

Sau đó, ngày 27-3-1979, một chiến hạm, một hộ tống hạm, một tàu vớt mìn Nga Xô tiến vào trú đóng tại cảng Cam Ranh. Số chiến hạm này tăng dần tới năm 1986 thì có tất cả 25 chiến hạm, kể cả tàu ngầm. Cùng với khoảng 16 oanh tạc cơ Badger, một phi đội Mig 23 và những phi cơ chuyên chở và quan sát tầm xa, Nga Xô đã có một đầu cầu quân sự quan trọng đe dọa Trung Quốc cũng như toàn vùng nam Thái Bình Dương. ⁽³¹⁾

Cũng sau cuộc chiến trên vùng biên giới, để đối phó với sự đe dọa liên tục của Trung Quốc và để có đủ quân số bình định Campuchia, ngày 5-3-1979, Việt Nam ra lệnh tổng động viên, tăng quân số từ nửa triệu lên hơn 1 triệu, biên chế thành 51 sư đoàn, trong đó có 38 sư đoàn bộ binh (19 sư đoàn đóng ở Campuchia, 16 sư đoàn ở Việt Nam, 3 sư đoàn ở Lào). Số quân đoàn chính qui (mỗi quân đoàn có 3 hay 4 sư đoàn dùng như những lực lượng tổng trừ bị) cũng tăng từ 4 lên 6 rồi 8 ⁽³²⁾. Sự bành trướng quân đội này được thực hiện nhờ sự trợ giúp lớn lao của Nga Xô. Trước 1975, Nga Xô chỉ cung cấp khoảng 75% trang bị và tiếp liệu của quân đội CSVN, số còn lại là của Trung Quốc và những nước Đông Âu giúp đỡ. Sau 1975, tỷ số này tăng lên 97%. Mỗi năm, Nga Xô gửi khoảng 15 ngàn cố vấn quân sự sang Việt Nam. Trị giá viện trợ quân sự Nga Xô cho Việt Nam được ước khoảng 1 tỷ rưỡi mỹ kim mỗi năm. Đó là cái giá cần thiết trong mục tiêu chiến lược của Nga Xô để một mặt, dùng Việt Nam cầm chân và bao vây Trung Quốc và mặt khác, có được một đầu cầu chiến lược đối đầu với Hoa Kỳ tại vùng biển Thái Bình Dương, đe dọa Nam Dương và Úc Châu.

Dù được Nga Xô và các nước Đông Âu viện trợ dồi dào như thế, do gánh nặng của cuộc chiến Campuchia và vì phải đề phòng “bài học thứ hai” từ Trung Quốc, ngân sách của Việt Nam bị thiếu hụt trầm trọng. Riêng chiến phí quân sự tại Campuchia đã chiếm hơn 40% ngân sách. Ngoài ra, trong thời gian đó, Trung Quốc vẫn cố gắng phát động một cuộc “chiến tranh phá hoại đa diện” khiến cho nền kinh tế Việt Nam càng thêm cùng quẫn.

So với Việt Nam, Trung Quốc không thua về kiên nhẫn và thủ đoạn. Họ giúp đỡ Khmer Đỏ tiếp tục cuộc chiến tranh phá hoại, thường xuyên gây rối ở biên giới, đe dọa về “bài học thứ hai”, ve vãn những chính khách thất sủng như Hoàng Văn Hoan, Trương Như Tảng của Việt Nam, Khong Le của Ai Lao... thành lập những “Mặt Trận Giải Phóng” chống lại Việt Nam. Họ áp lực và mua chuộc để những công ty ở Hồng Kông, Thái Lan, Mã Lai hay Tân Gia Ba không mua hàng hóa của Việt Nam...

Những điều này đã khiến kinh tế Việt Nam càng thêm sa sút. Dù căn bản đưa tới sự sa sút kinh tế này là do việc tập thể hóa nông nghiệp và “cải tạo công thương nghiệp” miền Nam, nhưng nhóm cầm quyền vẫn một lòng trung thành với chủ nghĩa Mác, vẫn cho chính sách kinh tế tập trung là siêu việt, và biện giải về những thất bại là do các lý do khách quan như bị những thế lực thù địch phá hoại, do “tàn dư Mỹ Ngụy” hay do cán bộ quản lý yếu kém. Vì thế, năm 1980, đảng cộng sản cầm quyền cải tổ chính phủ để thay đổi nhân sự điều hành:

- Thủ tướng vẫn là Phạm Văn Đồng.⁽³³⁾

- Tố Hữu được cử làm phó thủ tướng đặc trách kinh tế. Tố Hữu tên thật Nguyễn Kim Thành, bí danh Lành, sinh tại Huế năm 1920, xuất thân là một nhà thơ, nổi tiếng với bài thơ ca tụng Stalin trong đó có những câu “*Thương cha, thương mẹ, thương chồng. Thương mình thương một, thương ông (Staline) thương mười*”.

Tố Hữu suốt mấy chục năm trước thường công tác trong đảng với các nhiệm vụ văn hóa hay

tuyên huấn, đã được chỉ định đặc trách kinh tế vì tỏ ra rất trung kiên về ý thức hệ, rất tôn phục Nga Xô, và trong giai đoạn này, bộ Chính Trị quyết tâm xã hội chủ nghĩa hóa kinh tế theo khuôn mẫu Nga Xô một cách cứng rắn. Tố Hữu còn được Lê Duẩn và Lê Đức Thọ nâng đỡ, nên hai năm sau, được đưa vào bộ Chính Trị, dự trù để thay Phạm Văn Đồng làm thủ tướng khi ông này về hưu. Dù ở chức vụ cao, nhiều quyền hành, thơ được chính quyền bắt học sinh học nhiều nhất, nhưng Tố Hữu và đảng Cộng sản sau này cũng biết tự chế để không bao giờ in lại hay phổ biến bài thơ thương mến Staline gấp mười cha mẹ của ông.

- Phạm Hùng thay Trần Quốc Hoàn làm bộ trưởng Công An. Phạm Hùng, bí danh Bảy Cường, người Bến Tre. Sau hiệp định Genève, đóng vai đại tá phục vụ trong phái đoàn Bắc Việt tại Ủy Hội Kiểm Soát Đình Chiến, sau đó trốn vào bưng làm chủ tịch Trung Ương Cục miền Nam, là ủy viên bộ Chính Trị duy nhất phục vụ tại miền Nam.

- Nguyễn Cơ Thạch thay Nguyễn Duy Trinh ở chức vụ bộ trưởng Ngoại Giao. Nguyễn Cơ Thạch là nhà ngoại giao giỏi tiếng Anh, tiếp xúc nhiều với thế giới bên ngoài nên đầu óc tương đối cởi mở, được cử lên thay Nguyễn Duy Trinh trong thời gian Việt Nam bị cô lập sau khi đem quân chiếm đóng Campuchia

- Văn Tiến Dũng thay Võ Nguyên Giáp làm bộ trưởng Quốc Phòng. Võ Nguyên Giáp bị Lê Duẩn đổ kị đã bị chèn ép và mất dần uy thế. Năm 1973, nhân thất bại của trận chiến 1972, Lê Duẩn gạt Võ Nguyên Giáp ra khỏi chức tổng tham mưu trưởng quân đội. Năm 1980, Võ Nguyên Giáp mất luôn chức ủy viên bộ Chính Trị và bộ trưởng bộ Quốc Phòng nên từ đó, chỉ còn được giao cho những chức vụ không quan trọng như chủ nhiệm ủy ban Khoa Học hay chủ nhiệm ủy ban Phòng Ngừa Sinh Sản.

- Nguyễn Lâm thay Lê Thanh Nghị làm chủ nhiệm ủy ban Kế Hoạch Nhà Nước. Khả năng chính của Lê Thanh Nghị là trong thời gian chiến tranh, mỗi năm cầm danh sách những vật dụng hay quân dụng cần thiết sang Trung Quốc xin viện trợ. Sau 1975, Trung Quốc đã trở nên thù nghịch nên Lê Thanh Nghị không còn cần thiết

- Đinh Đức Thiện (em trai Lê Đức Thọ) ⁽³⁴⁾ thay Phan Trọng Tuệ làm bộ trưởng bộ Giao Thông Vận Tải. Phan Trọng Tuệ từng là chính ủy quân khu IX ở miền Nam trước 1954. Con rể Phan Trọng Tuệ là Nguyễn Khánh Toàn, sau này là thứ trưởng công an. Vào những năm cuối thập niên 1940, phòng chính trị của quân khu IX dưới quyền Phan Trọng Tuệ đã ký thông tư đặc biệt cho phép các cán bộ xa nhà trên 300 km được lấy thêm vợ, hợp thức hóa tình trạng đa thê của Phan Trọng Tuệ, Lê Đức Thọ và Lê Duẩn.

- Trần Hữu Dực thay Vũ Tuân giữ chức bộ trưởng bộ Công Nghiệp Nhẹ.

Ngoài ra, các bộ khác cũng có thay đổi như:

- Xây Dựng: Đồng Sĩ Nguyên thay Đỗ Mười từ 1977 để Đỗ Mười vào Nam, chỉ đạo phụ trách việc cải tạo công thương nghiệp.

- Lương Thực: Hồ Viết Thắng ⁽³⁵⁾ thay Ngô Minh Loan từ 1979.

- Nội Thương: Trần Phương (từng là trợ lý của Lê Duẩn) thay Hoàng Quốc Việt từ 1981.

- Thông Tin Văn Hóa: Nguyễn Văn Hiếu (Trần Độ là thứ trưởng ⁽³⁶⁾) kiêm nhiệm bí thư đảng ủy)

- Thương Binh Xã Hội: Dương Quốc Chính, từng là bộ trưởng nông nghiệp trước 1965 và là 1 trong 11 người được phong tướng đầu tiên, dưới tên Lê Hiến Mai. ⁽³⁷⁾

- Huỳnh Tấn Phát của MTGPMN cũ được làm chủ nhiệm ủy ban Xây Dựng Cơ Bản Nhà Nước.

Nội các này gần như không thay đổi cho đến đại hội đảng lần thứ V.

Đại hội IV được cử hành trong khí thế đang lên sau chiến thắng 1975, cùng một lúc với sự

bành trướng thế lực của Nga Xô trên toàn thế giới. Vì thế, những nhà lãnh đạo CSVN lúc đó hoàn toàn tin tưởng rằng chủ nghĩa Mác-xít — Lê-nin-nít bách chiến bách thắng, sức mạnh của “ba dòng thác cách mạng” dưới sự lãnh đạo của Nga Xô là một “sức mạnh long trời lở đất” đang trên đường nhuộm đỏ toàn cầu. Tin tưởng vào hậu thuẫn Nga Xô, họ đe dọa các nước lân bang, đặt điều kiện khi Hoa Kỳ ngó ý muốn bang giao, coi thường dư luận thế giới để chiếm đóng Campuchia và ngang nhiên thách đố, đương đầu với Trung Quốc.

Tất cả những chính sách đó đã đưa kinh tế Việt Nam vào một tình trạng thảm hại, đời sống nhân dân khổ cực, nhưng chính quyền Việt Nam vẫn cuồng tin tin rằng khó khăn chỉ là tạm thời, thuận lợi là chủ yếu và với tinh thần cương quyết xây dựng xã hội chủ nghĩa, đảng CSVN chuẩn bị họp đại hội đảng lần thứ V.

Chú thích

(1)— *Thái độ tự cao của Phạm Văn Đồng khi dự hội nghị Tích Lan: trích trong bài Passing Of An Area của Seah Chiang Nee từ www.littlespeck.com/The Past/Cpast-Viet-870102.htm*

(2)— *Bộ máy cai trị của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ: tài liệu của Trần Nhu, một nhà sử học ở Hà Nội hiện định cư tại Hoa Kỳ (trích website Vietnamexodus). Trưởng ban trong trung ương đảng ăn lương bậc 9, cấp bậc ngang bộ trưởng nhưng quyền thế nhiều khi lớn hơn bộ trưởng, chẳng hạn trưởng ban thông tin văn hóa đảng quyền thế hơn bộ trưởng thông tin văn hóa. Trong số những người phụ tá cho Lê Đức Thọ lúc đó, ông Nguyễn Trung Thành trong những năm 1960 đã cùng đại tá Kinh Chi thuộc cục bảo vệ quân đội, đại tá Dương Thông (sau là trung tướng) thuộc bộ công an theo lệnh Lê Duẩn và Lê Đức Thọ bắt bớ, giam hãm nhiều người trong vụ án xét lại. Dương Thông là em vợ của Lê Duẩn. Về chi tiết vụ án xét lại, xin đọc Mặt Thật (Thành Tín), Đêm Giữa Ban Ngày (Vũ Thư Hiên), Từ Tù Tự Xứ Lý (Trần Thư).*

(3)— *Nguyễn Chí Thanh từng là xú ỉu Trung kỳ. Tới 1948 được cử làm chủ nhiệm tổng cục Chính trị quân đội, rất thân cận với Lê Duẩn và Tố Hữu. Vào Nam chỉ đạo chiến tranh từ 1964 đến 1967 thì chết sau khi về Bắc. Có lẽ trong hồ sơ lý lịch xét sau năm 1975, cho thấy Nguyễn Chí Thanh khi bị Pháp bắt thời trước 1945 đã cung khai ra đồng bọn nên sau này Nguyễn Chí Thanh không được vinh danh rầm rộ như những người khác. (Chỉ có 1 con đường ở Sài Gòn ngay sau 1975 lỡ đặt tên Nguyễn Chí Thanh được giữ lại).*

(4)— *Sự ganh ghét giữa Lê Duẩn và Võ Nguyên Giáp, theo tác phẩm Mặt Thật của Bùi Tín thì Lê Duẩn có lần chê Võ Nguyên Giáp “nhát như thỏ đẻ”. Không những dè dặt và hạ nhục Võ Nguyên Giáp, Duẩn và Thọ còn coi thường cả Hồ Chí Minh. Nhật ký của Nguyễn Văn Trấn, ủy viên trung ương đảng, kể lại lời Bùi Công Trừng nói là trong một hội nghị, Hồ Chí Minh muốn có ý kiến đều bị Lê Đức Thọ gạt đi “bác hãy để cho anh em người ta nói đã mà”. Ung Văn Khiêm, cựu bộ trưởng ngoại giao, vì ký thông cáo chung với Novotny của Tiệp Khắc thiên về lập trường Nga Xô nên bị phê bình phân trần là trước đó Hồ Chí Minh chẳng những đồng ý với ông ta mà còn viết thêm lời bàn trên bản thảo. Ung Văn Khiêm nói với Bùi Công Trừng “tao nghĩ bản thảo ấy đưa ra không phân bua được gì cho tao, mà chỉ làm thớt cho Sáu Thọ bằm ông cụ”. Nhà văn Vũ Thư Hiên cũng kể lại là Lê Liêm, cựu chủ nhiệm tổng cục chính trị, có lần dự định đề ra một kế hoạch, hỏi ý Hồ Chí Minh và được đồng ý. Hồ Chí Minh còn nhắc cứ đưa ra hội nghị, ông ta sẽ hỗ trợ, nhưng khi Lê Liêm đưa ra, bị nhóm Duẩn-Thọ chỉ trích thì Hồ Chí Minh làm lơ, ngó qua chỗ khác. Với danh vị của Hồ Chí Minh, chắc ban tổ chức của Lê Đức Thọ đã nắm được điều gì trong lý lịch (có thể là vụ cụ Phan Bội Châu bị Pháp bắt, những lằng lằng tình ái...) khiến Hồ Chí Minh phải ngồi yên để nhóm Duẩn, Thọ thao túng.*

(5)— *Tôn Đức Thắng nhờ tuổi tác và không tham vọng nên được làm chủ tịch Nhà Nước sau khi Hồ Chí Minh chết. Xuất thân công nhân, trong thế chiến I làm thủy thủ trên một tàu chiến Pháp,*

được đảng CSVN mô tả là người “giản dị, vĩ đại”. Sử gia Christoph Giebal khi viết về Tôn Đức Thắng công nhận ông là một người giản dị, không tham vọng, nhưng chưa chắc vĩ đại, vì mỗi ngày bộ máy tuyên truyền càng tạo thêm chi tiết về tiểu sử của ông. Mới đầu, đảng CSVN nói ông tham dự cuộc nổi loạn ở Hải Hải (năm 1907, Tôn Đức Thắng ở trên một tàu chiến Pháp, tàu này đã từ chối không chịu nghe lệnh cấp trên để trợ giúp đàn áp phong trào công nhân nổi loạn ở Nga Xô). Những năm 1950, thì đảng nói thêm rằng ông là người đã cầm cờ cộng sản trên con tàu đó, bây giờ đảng lại đôn ông lên làm một người lãnh đạo nổi loạn trên tàu. Suốt mấy chục năm, nhiều phóng viên Nga Xô đã nhiều lần hỏi ông về các chi tiết trong vụ này nhưng ông đều trả lời là ông không nhớ.

(6)— Mai Chí Thọ, sau 1975 là trùm công an ở miền Nam, chiếm hữu một biệt thự lớn ở Sài Gòn (tòa đại sứ Thụy Sĩ trước kia). Đến 2006, khi không còn quyền hành, mới viết thư góp ý trong dịp chuẩn bị đại hội đảng lần thứ X là những người trong Liên Minh Dân Chủ “khi cần chúng ta lấy ra dùng, khi không cần, chúng ta gạt ra”. Thật ra những người này, khi chính quyền tịch thu nhà của những người di tản hay bị đuổi đi kinh tế mới đều được cấp cho mỗi người một căn nhà khang trang hơn, kể cả đám Vũ Hạnh, Lữ Phương, Thái Bạch....

(7)— Hơn 10 năm sau, Lý Quý Chung có viết một bài báo, kể lại chuyện học tập chính trị. Khi làm bài, Lý Quý Chung gò lưng so sánh Mác với người này người kia để cuối cùng kết luận Mác là số 1, nhưng kết quả điểm lúc nào cũng hạng chót. Lý Quý Chung hỏi mấy cô sinh viên làm bài ra sao, mấy cô cười phá lên và nói là tài liệu đưa ra sao, mấy cô chép y trang lại là được điểm hoàn toàn. Giọng văn của Lý Quý Chung trong bài này là để phân trần thiện chí học tập của mình chứ không phải chê trách lối giảng dạy. Cụm đại tá Dương Hiếu Nghĩa kể lại là mấy ngày sau 30-4-1975, ông đến nhà Ngô Công Đức, đúng lúc công an đến bắt Ngô Công Đức vì tội “phải làm lớn với Mỹ Ngụy nên trong nhà mới có đài (điện thoại)”. Nhờ người nhà chạy chọt nên Đức được thả ra.

(8)— Thích Huyền Quang, tên thật Lê Đình Nhân sinh năm 1919. Bị bắt năm 1977 vì phản đối chính sách đàn áp tôn giáo và chống việc sát nhập Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất vào giáo hội nhà nước. Năm 1982 bị đày ra chùa Hội Phước, Quảng Ngãi. Năm 1992, được hòa thượng Thích Đôn Hậu viết chúc thư công nhận là Tăng Thống Viện Hóa Đạo nhưng công an vào chùa tịch thu và giấu chúc thư. Mấy năm trước, Phan Văn Khải, và mới đây, Lê Hồng Anh có ghé thăm hòa thượng Huyền Quang mà theo nhận định chung là nhằm mục đích tuyên truyền và tìm cách ly gián với hòa thượng Quảng Độ.

(9)— Thích Quảng Độ, tên thật Đặng Phúc Tuệ, sinh năm 1928 là tổng thư ký Viện Hóa Đạo, bị bắt lần đầu ngày 6-7-1977, lúc đó, Mặt Trận Tổ Quốc Bình Trị Thiên họp và tổng giám mục Nguyễn Kim Điền lên tiếng than phiền về chính sách đàn áp tôn giáo, linh mục Nguyễn Văn Lý phổ biến lời chỉ trích đó đã bị bắt tù 1 năm. Năm 1982, hòa thượng bị đày ra Thái Bình, quản chế tại ngôi chùa Long Khánh. Ông tự ý trở lại Sài Gòn năm 1992, tiếp tục đòi tự do tôn giáo và lại bị kết án tù 5 năm. Trong đêm đầu tiên ở chùa Long Khánh, hòa thượng đã làm mấy câu thơ:

Dưới án quyền kinh sâu cuộn tổ
Trên tòa tượng Phật nhện giăng tơ
Câu đối mới xông mùn đắp kín
Hoành phi một đực bụi che mờ

(10)— Nguyễn Văn Thuận là cháu của tổng thống Ngô Đình Diệm, trước 1975 phụ tá tổng giám mục Nguyễn Văn Bình, sau đó bị đưa ra Bắc và ở tù 12 năm. Khi giám mục qua La Mã công tác, chính quyền không cho ông trở về. Tòa thánh giữ ông lại, sau đó được thăng Hồng Y trước khi ông mất.

(11)— *Vu David Trương* làm gián điệp chỉ ăn cắp được những tài liệu không quan trọng và vì không quan trọng nên có thể công khai đưa ra tòa làm bằng chứng. Sau khi bị kết tội, *David Trương* sang định cư ở Hòa Lan. Một người giúp vào việc phá vỡ ổ gián điệp này là bà *Yung Krall* (Đặng Mỹ Dung), tác giả tập hồi ký *A Thousand tears falling*. Đại sứ Việt Nam ở Liên Hiệp Quốc là *Đình Bá Thi* bị triệu hồi và sau đó chết một cách ám muội ở VN.

(12)— *Thích Trí Siêu*, tên thật *Lê Mạnh Thát*, đi tu năm 15 tuổi. Đỗ tiến sĩ triết học tại đại học Wisconsin, trở về dạy đại học Vạn Hạnh, cùng *Thích Tuệ Sĩ* soạn cuốn *Tự Điển Phật Giáo Việt Nam*. Bị bắt giam ở Chí Hòa từ 1984 đến 1988 mới ra tòa và bị lên án tử hình. Nhờ quốc tế can thiệp, án giam còn 20 năm tù, bị giam ở Z30A, mấy năm sau được thả ra nhưng bị quản thúc, theo dõi. *Thích Tuệ Sĩ*, tên thật *Phạm Văn Thương*, đi tu từ nhỏ, tốt nghiệp đại học Vạn Hạnh năm 1965. Rất giỏi tiếng Pháp, Anh, Hán, Đức, Phạn. Tác giả những cuốn: *Tô Đông Pha, Những Phương Trời Viễn Mộng, Đại Cương Về Thiên Quán...* Cùng với *Trí Siêu, Tuệ Sĩ* bị bắt năm 1984 và bị kết án tử hình năm 1988 với tội danh mưu toan lật đổ chính phủ. Do áp lực quốc tế, án được giảm xuống 20 năm tù và bị giam tại trại A, Phú Yên. *Tuệ Sĩ* là một tấm gương kiên cường. Tháng 8-1998, chính quyền bảo ông xin ân xá. Ông trả lời “Không ai có quyền xét xử tôi. Không ai có quyền ân xá tôi”. Hãy đọc những lời thơ xanh mượt của ông:

Tang thương một giải tóc huyền

Bãi dâu ngàn tuổi mấy miền hoang vu

Gửi thân gió cuốn sa mù

Áo xanh cát trắng trời thu muôn màng

Đến khi ở trong tù thì thơ của ông đầy cảm khái:

Phụng thử ngục tù phạn

Cúng dường Tối Thắng Tôn

Thế gian trường huyết hận

Bình bát lệ vô ngôn

(13)— Theo báo *Công An*, nhóm của ông *Trần Văn Bá* bị nội tuyến nên sự di chuyển của nhóm đều bị công an biết rõ và chặn bắt hết. Người duy nhất được tha trở về Pháp là ông *Mai Văn Hạnh*, nhờ là bạn học của thủ tướng Pháp lúc đó.

(14)— *Võ Đại Tôn*, cựu đại tá VNCH, sau năm 1975 định cư bên Úc, khoảng 1980 cùng một số đồng chí vượt biên trở về Việt Nam và bị bắt. Ông giữ bộ hợp tác và được chính quyền cộng sản đem ra trình diện báo chí. Nhưng trong cuộc họp báo, ông lớn tiếng tố cáo chế độ độc tài và đàn áp nhân dân. Thủ trưởng nội vụ *Lê Thanh Công* và trung tướng công an *Dương Thông* phải vội vàng kết thúc ngay cuộc họp báo.

(15)— *Hoàng Cơ Minh*, cựu phó đề đốc, trước 1975 là tư lệnh vùng II duyên hải. Sau khi di tản, năm 1981 thành lập *Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam*, đặt mặt khu ở biên giới Thái Lan. Tháng 7 năm 1987, khi cùng chiến hữu trên đường xâm nhập vào Việt Nam thì bị chặn đánh ở biên giới Việt Lào. Trong trận đánh, bộ đội CSVN huy động cả pháo binh và phi cơ. Ông *Hoàng Cơ Minh* bị tử trận cùng một số chiến hữu.

(16)— Hiện tại, ở VN có khoảng 600 tờ báo, đều do chính quyền kiểm soát. Tổng biên tập phải là đảng viên. Hai tờ báo chính của chính quyền là *Nhân Dân*, chỉ đăng các nghị quyết, thông cáo hay tuyên bố của các lãnh tụ, và tờ *Quân Đội Nhân Dân*, đăng tin quốc tế quốc nội nhưng chỉ nhấn mạnh về quân sự. Tờ *Học Tập*, sau 1976 đổi tên là *Tạp Chí Cộng Sản* ra hàng tháng là tiếng nói của đảng. Một số báo ngoại ngữ Anh, Pháp, Hoa... như *Vietnam Courier* về chính trị, văn hóa, *Vietnam Foreign Trade* về thương mại. Ngoài ra là báo của đoàn thể (*Phụ Nữ, Công Đoàn*), địa phương hoặc ngành nghề. Tờ báo tương đối mạnh dạn là tờ *Tuổi Trẻ*. Tờ báo có nhiều độc giả là tờ *Công An* nhờ khai thác và ly kỳ hóa những vụ án tống tiền, lường gạt, hiếp

dâm... Tờ báo bán ế nhất là Nhân Dân dù các cơ quan đoàn thể đều bị buộc phải mua và trong thời kỳ khan hiếm giấy, người dân mua chỉ để gói hàng hay vệ sinh cá nhân (theo cựu linh mục Nguyễn Ngọc Lan trong *Shadows and Wind* của Robert Templer).

(17)— Khi tác giả còn ở VN thì tờ Tin Sáng ca tụng mọi việc chính quyền làm, từ cải tạo công thương nghiệp đến xây nhà vệ sinh. Cả đến đề tài khoa học về khoai lang, khoai mì, rau muống... cũng được giáo sư Phạm Hoàng Hộ ca tụng là bổ dưỡng vô song. Các tác giả thi nhau bợ đỡ chính quyền, chẳng hạn ông Trần Kim Thạch, trước 1975, khi các hãng dầu bắt đầu tìm kiếm dầu ở ngoài khơi biển Đông, có viết một bài nói là về phương diện địa chất không thể có dầu ở biển Đông. Dĩ nhiên các hãng dầu không biết về bài “khảo cứu” này và đã tìm ra 2 giếng dầu Thanh Long và Bạch Hổ. Sau này, trên báo Tin Sáng, ông phân trần là ông biết rõ ngoài biển Đông có dầu nhưng phải viết vậy để “đế quốc Mỹ không khai thác”.

(18)— Hoàng Văn Hoan vào tháng 7 năm 1979, đã mất chức ủy viên bộ Chính Trị nhưng còn chức phó chủ tịch quốc hội, viện cố sang Đông Đức chữa bệnh, khi máy bay tạm ngừng ở Karachi, Hồi Quốc, bỏ trốn sang Trung Quốc, được Trung Quốc giúp thành lập một “Mặt Trận Giải Phóng” chống lại Lê Duẩn. Viết cuốn hồi ký Giọt Nước Trong Biển Cả. Sau đó chết vì ung.

(19) - Chu Văn Tấn, gốc Tây, bộ trưởng quốc phòng một thời gian trước Võ Nguyên Giáp. Sau bị bắt và tự tử chết trong tù.

(20) - Thái độ khúm núm của Lê Duẩn (nhận làm em nhỏ đối với Trung Quốc, khom lưng cúi đầu chào Brezhnev hai lần): Brother Enemy, Nayan Chanda.

(21) - Chính sách trục xuất người Hoa và tổ chức vượt biên lấy vàng được gọi là “phương án 2”. Trong số thuyền nhân có Trương Như Tảng, cựu bộ trưởng tư pháp của MTGPMN và Nguyễn Công Hoan, một dân biểu năm vùng trước 1975, sau 1975 cũng được chính quyền cộng sản cho ra làm đại biểu quốc hội một nhiệm kỳ.

(22) - Tài liệu về hội nghị đảng CSVN năm 1951 được ghi nhận trong cuốn Việt Nam Máu Lửa của Nghiêm Kế Tổ in trong thập niên 1950. Nghiêm Kế Tổ là một đảng viên Quốc Dân Đảng rất có uy tín với Quốc Dân Đảng Trung Quốc. Tuy ông đã giúp đỡ nhiều cán bộ cộng sản (kể cả Hồ Chí Minh) để được tha khỏi tù, nhưng vẫn bị gán tội “phản động” và bị Hoàng Văn Hoan gọi là “đặc vụ của Tưởng Giới Thạch”. Khác hẳn với người Cộng Sản, khi viết về các nhân vật đối nghịch, ông vẫn có một thái độ khách quan và vô tư.

(23) - Về chi tiết trong cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc (Hoa Việt) và Tây Nam (với Campuchia), xin đọc Chiến Tranh Đông Dương III của cùng tác giả, nhà xuất bản Văn Nghệ, California.

(24) - Về phương diện quân sự, Việt Nam được chia làm tám quân khu: quân khu I vùng Cao Bằng, Thái Nguyên, quân khu II vùng Lai Châu, Lào Kay, quân khu III vùng châu thổ sông Hồng, quân khu IV vùng Nghệ Tĩnh, Huế, Quân khu V vùng cao nguyên và duyên hải Nha Trang, quân khu VII vùng Sài Gòn, quân khu IX vùng châu thổ Cửu Long. Ngoài ra còn có những đặc khu thủ đô, đặc khu thành phố HCM, đặc khu Quảng Ninh

(25)— Việc Việt Nam để Nga Xô sử dụng căn cứ Cam Ranh đã gián tiếp giúp Trung Quốc kỹ thuật để canh tân hải quân. Do cảm thấy bị đe dọa vì sự hiện diện của Nga Xô ở Cam Ranh, Úc đã bằng lòng bán cho Trung Quốc hàng không mẫu hạm HMAS Melbourne đã phế thải. Trung Quốc, vì không có đủ kỹ thuật chế tạo hàng không mẫu hạm, hiện nay đang tháo rời các cơ phận của mẫu hạm này để nghiên cứu và bắt chước, trong khi sàn mẫu hạm thì được dùng để huấn luyện sẵn phi công cho hải quân.

(26)— Theo Nayan Chanda, trong chiến tranh với Căm Pu Chia, Lê Trọng Tấn là tổng tham mưu phó quân đội, đóng bộ tư lệnh ở MACV cũ trong Tân Sơn Nhất, giám sát cuộc hành quân, nhưng theo ông Lê Tùng Minh (website Hưng Việt), tư lệnh là Lê Đức Thọ, Phạm Hùng chính

ủy, Trần Xuân Bách phó chính ủy, Lê Đức Anh là tham mưu trưởng, Chu Huy Mân tư lệnh phó. Có lẽ Lê Đức Thọ giám sát cả về chính trị lẫn quân sự, còn Lê Trọng Tấn là tư lệnh về quân sự một thời gian ngắn. Khi Trung Quốc tấn công VN, cả Tấn lẫn Mân đều trở về Bắc, giao trách nhiệm cho Lê Đức Anh. Thời gian này, Đỗ Mười cũng phụ tá cho Lê Đức Thọ.

(27)— Việc Cộng Sản Bắc Việt cho Lê Thanh Nghị mỗi năm muối mặt đi xin viện trợ và bị coi thường: Nayan Chanda trong Brother Enemy.

(28)— Tuy Nguyễn Văn Linh được giao trách nhiệm cải tạo kinh tế miền Nam, nhưng Lê Đức Thọ còn gửi thêm em ruột là Đinh Đức Thiện vào giám sát. Theo giáo sư Nguyễn Như Cương, Đinh Đức Thiện đã lập một ban tư vấn kinh tế gồm những giáo sư đại học miền Nam như Vũ Quốc Thúc, Lê Văn Sĩ, Châu Tiến Khương, Dương Kích Nhưỡng... Nhưng cũng như hội Trí Thức Yêu Nước, ban này chỉ để tỏ ra nhà nước coi trọng trí thức, và những người tham dự, thật ra cũng chỉ để kiếm “ô dù” che thân. Nguyễn Văn Hào không tham dự những nhóm này, vì kiếm được một ô dù khác. Sau đó vài tháng, Thiện được triệu hồi về Hà Nội làm bộ Giao Thông

(29)— Hơn hai chục năm sau, chính cựu chủ tịch tỉnh An Giang là Nguyễn Minh Nhị mới thú nhận là dù biết nhiều huyện, xã báo cáo láo trong việc hợp tác hóa nhưng vẫn nhắm mắt làm như không biết mà còn gửi giấy khen là đã đạt được chỉ.

(30)— Trích trong loạt bài Những Nhân Chứng Của Cuộc Xé Rào Lịch Sử, báo Tiền Phong từ 19-6-2006 đến 25-6-2006.

(31)— Căn cứ Nga Xô ở Cam Ranh, theo Nayan Chanda.

(32)— Vietnam People Army của Douglas Pike.

(33)— Phạm Văn Đồng là thủ tướng lâu nhất thế giới tuy tự biết không làm được việc gì và nhiều lúc đã nói là thấy “xấu hổ”, nhưng vẫn ngồi lì ở chức vụ đến nỗi một cán bộ cộng sản lâu năm là Trần Văn Giàu đã mai mỉa “cái đít nó biết nhớ cái ghế”.

(34)— Đinh Đức Thiện (tên thật Phan Đình Dinh) là em ruột Lê Đức Thọ, sau chết vì súng bị cướp cò khi đang đi săn nhưng cũng có tin là bị con trai bắn chết (người con trai này hồi nhỏ bị ông ta đánh đập tàn nhẫn nên bị hư mắt và tâm thần). Tin chính thức thì nói bộ trưởng giao thông này chết vì tai nạn “giao thông”.

(35)— Hồ Viết Thắng là đại diện Tổng Bộ Việt Minh trong Nam trước 1954, bị hạ tầng công tác cùng với Trường Chinh trong Cải Cách Ruộng Đất. Dù thuộc phe Trường Chinh, sau này được phục hồi làm bộ trưởng lương thực vì có con gái là Hồ Thị Nghia, một bác sĩ, đã tặng tịu và có con với Lê Duẩn.

(36)— Trần Độ, tên thật Tạ Ngọc Phách, trước 1954 làm chính ủy trung đoàn Sông Lô, rồi sư đoàn 312, sau 1954 là chính ủy quân khu hữu ngạn sông Hồng trước khi vào Nam.

(37)— Bí danh Lê Hiến Mai của Dương Quốc Chính rất lý thú. Tác giả Vy Thanh, cựu đảng viên CS, trong cuốn Lớn Lên Với Đất Nước, kể là tại một buổi họp ở quân khu IX miền Nam, dưới sự chủ tọa của Lê Duẩn và Lê Đức Thọ, Dương Quốc Chính muốn có một bí danh họ Lê cho giống hai người nên đã nhờ một người ngồi bên cạnh đặt dùm. Người này nhìn thấy bộ răng của Dương Quốc Chính mới đặt cho cái bí danh Lê Hiến Mai. Nhiều năm sau, Dương Quốc Chính mới biết thâm ý của người kia nên đã từ bỏ bí danh này. Lê Hiến Mai là một trong 11 cán bộ quân sự được phong tướng đầu tiên.

Sau bức màn đỏ

(...trích đoạn chương cuối)

Sau Đại Hội Đảng

Lần thứ X Tới Nay (2006 - ...)

Đại hội X của đảng CSVN tiến hành tại Hà Nội từ ngày 18 đến 25-4-2006 với sự tham dự của 1176 đại biểu nhằm quyết định những chính sách quan trọng cho 5 năm tới, đồng thời bầu nhân sự lãnh đạo mới. Cũng như các đại hội khác, đại hội X gần như chỉ là hình thức, vì việc thay đổi nhân sự cùng chính sách đã được hoạch định sẵn từ hội nghị trung ương đảng thứ 15 của khóa IX họp một tuần trước đó.

Như thường trực ban bí thư Phan Diễn hứa hẹn khi trả lời báo *Thanh Niên* trước ngày đại hội: “*Một thể hiện của dân chủ hơn là ban chấp hành trung ương khóa IX cũng sẽ giới thiệu số ứng cử viên vào ban chấp hành trung ương khóa X với đại hội đôi ra, có thể là 175 lấy 160*”, đại hội lần thứ X đã có nhiều (!) chọn lựa hơn khi chọn 160 ủy viên trung ương đảng trong danh sách 174 người của hội nghị trung ương đảng thứ 15 đưa ra. Để có vẻ dân chủ, ngoài 174 người kể trên, còn 33 ứng viên khác do đại hội đề cử và 2 người tự ứng cử là Nguyễn Xuân Hãn và Nguyễn Phú Bình.

Nguyễn Xuân Hãn là giáo sư đại học còn Nguyễn Phú Bình trước là đại sứ tại Đại Hàn sau làm vụ trưởng vụ Việt kiều trong bộ Ngoại giao. Tất cả 35 người không do đảng lựa chọn đều không được bầu (phải được trên 64%).

Hai ông Bình và Hãn bị loại với lý do quá tuổi.

Theo thông lệ, tất cả các bộ trong chính phủ đều có bộ trưởng và một vài thứ trưởng được bầu làm ủy viên trung ương trong số những ủy viên trung ương đảng mới, nhưng riêng hai bộ Ngoại giao và Giáo dục cũng như bộ Giao thông Vận tải kỳ này lại không có ai.

Ở bộ Ngoại giao, Nguyễn Dy Niên đến tuổi về hưu, tất cả những thứ trưởng đều không được bầu. Cả bộ Ngoại giao, chỉ có Phạm Bình Minh, một vụ trưởng, được cử làm ủy viên dự khuyết (Phạm Bình Minh là con Nguyễn Cơ Thạch, bí danh của Phạm Văn Thương).

Lý do Lê Công Phụng, thứ trưởng thường trực bộ ngoại giao (chức vụ được coi như chuẩn bị lên bộ trưởng) không được bầu có lẽ vì trách nhiệm của ông ta trong hiệp định biên giới. Vũ Dũng bị loại có thể vì sự bất lực của bộ ngoại giao khi mấy tháng trước đó, tàu Trung Quốc bắn chết 9 ngư phủ Việt Nam và bắt giữ hơn 80 người, vu cho tội hải tặc. Dù tòa án Trung Quốc tuyên án những người bị bắt vô tội và thả về nước, nhưng những người bị giết không được bồi thường và không được một lời xin lỗi. Vũ Dũng là người vẫn thường xuyên tiếp xúc với thứ trưởng ngoại giao Trung Quốc Võ Đại Vỹ về vấn đề biên giới giữa hai nước. Bộ ngoại giao cũng bị tai tiếng khi lấy bớt tiền lệ phí làm Visa mà những tòa đại sứ thu (khoảng 16 triệu mỹ kim) để tiêu vào việc riêng.

Ngoài ra, năm 2006, khi một số tổ chức đòi tự do dân chủ cho Việt Nam định tổ chức cuộc hội thảo “*Cơm Áo và Tự Do*” ở Ba Lan, tòa đại sứ Việt Nam ở Ba Lan nhờ một dân biểu cộng sản là bà Anita Gut viết thư cho chính phủ để phản đối. Rủi thay, trong thư, bà Gut gửi kèm bản sao chép một điện thư (email) của ông Krzyszton gửi cho lãnh tụ Công Đoàn Đoàn Kết Ba Lan Sniadek nói là do tòa đại sứ Việt Nam cung cấp. Báo chí và đài truyền hình Ba Lan đã mạnh mẽ tố cáo tòa đại sứ Việt Nam hoạt động gián điệp, lén lút ăn cắp và đọc trộm thư riêng của công dân Ba Lan. Do việc này, dù mới đầu còn do dự, chính phủ Ba Lan đã lập tức chấp thuận cho buổi hội thảo được tổ chức.

Vì không có ai trong bộ được bầu làm ủy viên trung ương đảng, chức bộ trưởng bộ Ngoại giao được giao cho phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm kiêm nhiệm.

Tại bộ Giáo dục và Đào tạo, bộ trưởng Nguyễn Minh Hiền và những thứ trưởng cũng không ai được bầu vào trung ương đảng. Tình trạng bộ giáo dục với những vụ báo cáo láo, bằng cấp giả... tràn lan đến nỗi sau khi nhận chức vài tháng, cuối năm 2006, tân bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân đã tuyên bố với báo chí: *“Chúng tôi rất vui khi thấy báo cáo tỷ lệ học sinh giỏi giảm đi và học sinh kém tăng lên”* (!). Ông Lê Thu, giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Vĩnh Phúc phân trần rõ hơn: *“Tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm của học sinh trước kia là trên 90%, bây giờ được đánh giá đúng hơn nhưng cũng không thể vì thế mà giảm từ 90 xuống ngay 60 mà phải từ từ. Chúng tôi bị áp lực của địa phương khá lớn”*. Còn đại biểu quốc hội Nguyễn Lân Dũng thì khuyến cáo *“Đã đến lúc phải đánh trọt những em không chịu học”*.

Mặc dù vậy, bộ giáo dục cũng vẫn đặt ra những chỉ tiêu rất cao như mỗi năm sản xuất 2000 tiến sĩ (1000 trong nước và 1000 ở ngoại quốc). Bộ trưởng Giáo dục tiền nhiệm Nguyễn Minh Hiền khi về hưu được tân bộ trưởng cấp cho học bổng sang Anh quốc học Anh văn. Sau khi báo chí đăng tin này, học bổng cho Nguyễn Minh Hiền bị Nguyễn Tấn Dũng chặn lại.

Tuy thành phần bộ Chính Trị gồm nhiều người trẻ và cởi mở hơn, nhưng trước viễn ảnh phải hội nhập với thế giới đã khơi lên nỗi sợ hãi là bộ máy độc quyền của đảng sẽ lung lay, khi nhân dân được giao tiếp nhiều hơn với thế giới bên ngoài. Vì thế, trung ương đảng đã tăng cường nhân số và vị thế của hai bộ quốc phòng, công an.

Do mỗi quyết định quan trọng của đảng đều đòi hỏi điều kiện nhất trí mà muốn đạt được sự nhất trí trong các phe phái, cần phải có bàn cãi, mặc cả. Vì thế, để đạt được sự nhất trí về cởi mở kinh tế, nhóm đôi mới phải chấp nhận tăng cường thể lực của quân đội và công an. Do đó, bộ trưởng bộ Công An Lê Hồng Anh đã được đẩy lên hàng thứ hai trong bộ máy lãnh đạo, đồng thời sáu thứ trưởng bộ Công An đều được vào trung ương đảng (khóa trước tổng cộng chỉ có 5 người).

Để kiểm soát chặt chẽ mọi ngành sinh hoạt của nhân dân, tổ chức guồng máy công an của Cộng Sản Việt Nam là một guồng máy khổng lồ chằng chịt bao gồm nhiều tổng cục: Tổng Cục An Ninh (hiện tại Trịnh Lương Hy tổng cục trưởng), Tổng Cục Cảnh Sát (Trần Văn Thảo), Tổng Cục Tình Báo (Trần Quang Bình (?)), Tổng Cục Xây Dựng Lực Lượng (Lê Quý Vương), tổng cục Kỹ thuật (Nguyễn Viết Thê), Tổng Cục Hậu Cần (Đỗ Xuân Thọ)...

Mỗi tổng cục có nhiều cục, chẳng hạn Tổng Cục An Ninh — quan trọng nhất, hướng về chính trị để bảo vệ chuyên chính vô sản — có nhiều cục như cục A25 kiểm soát báo chí, cục A18 kiểm soát ngoại kiều và Việt kiều, cục 40 lo về hành chánh, cục A41 đối phó với tôn giáo, cục A24 chuyên về xét hỏi, cục A35 theo dõi người ngoại quốc, nhất là người Mỹ, cục A44 kiểm soát và theo dõi người gốc Khmer...Quan trọng nhất là cục A42, chuyên theo dõi và bắt bớ những người chống đối chế độ.

Ở tổng cục cảnh sát, những cục không được gọi là A mà là C như C14 về tội phạm xã hội, C15 về điều tra, C 17 về ma túy..., thí dụ Phạm Xuân Quắc người điều tra vụ PMU18 là cục trưởng cục C14 còn Cao Ngọc Oánh từng là cục trưởng cục C15. Cũng cần phân biệt C15 là cục Cảnh Sát Kinh Tế thuộc Tổng Cục Cảnh Sát trong khi A17 là cục bảo vệ An Ninh Kinh Tế lại thuộc Tổng Cục An Ninh.

Dưới cục là những phòng, ám ngữ là P. Tuy nhiên, những ám ngữ và ám số này cũng có thể thay đổi.

Những người chống đối để cục A 42 theo dõi bắt bớ cũng được phân biệt: thứ nhất, những tổ chức phản động lưu vong (Việt Tân, Nhân Dân Hành Động...), thứ hai, những người bị coi là cơ hội chính trị (từng là đảng viên cộng sản như ông Hoàng Minh Chính, Bùi Minh Quốc...), thứ ba, những người phản cách mạng (không bao giờ theo cộng sản như bác sĩ Nguyễn Đan Quế...)(¹)

Trong thành phần quân đội, ngoài Phùng Quang Thanh, còn 16 tướng lĩnh khác, trong đó có cả tổng cục trưởng và tổng cục phó tổng cục chính trị được vào trung ương đảng. Thay mặt các quân khu không phải là các tư lệnh mà đa số là chính ủy quân khu. Việc coi trọng bồi dưỡng chính trị quân đội còn được thể hiện qua việc tái lập qui chế chính ủy trong quân đội kể từ năm 2006, theo đó, cấp trung đoàn trở lên có chính ủy, cấp tiểu đoàn và đại đội có chính trị viên. Chế độ chính ủy này từng bị bãi bỏ nhiều năm trước.

Vì không thể đụng chạm đến Trung Quốc, những bài đăng trên báo *Quân Đội Nhân Dân* hay các phát biểu trong các buổi họp hay học tập, kế hoạch của quân đội vẫn chỉ là những thế lực thù nghịch đang mưu toan lật đổ chính quyền qua những diễn biến hòa bình. Quân đội vẫn bầu Nguyễn Chí Vịnh, tổng cục trưởng tổng cục 2, để dự đại hội đảng, nhưng trong những hội nghị trung ương, Nguyễn Chí Vịnh không được chọn làm ủy viên trung ương đảng. Nông Quốc Tuấn, con của Nông Đức Mạnh là chủ tịch tổng đoàn sinh viên học sinh, và Trần Anh Tuấn, con của Trần Đức Lương, lãnh sự ở San Francisco, cũng bị loại. Thất bại trong việc đưa con vào trung ương đảng, năm sau, 2007, Nông Đức Mạnh giúp cho Nông Đức Tuấn được ra ứng cử Quốc Hội.

Việc nâng đỡ con cháu là việc thường xảy ra ở chế độ cộng sản. Chẳng hạn: bố con Trường Chinh và Đặng Xuân Kỳ, Lê Đức Thọ và Lê Nam Tiến, Trần Đức Lương và Trần Anh Tuấn, Đào Duy Tùng và Đào Duy Quát, Nguyễn Cơ Thạch và Phạm Bình Minh... Ở tổng cục 2 ngoài Đặng Vũ Chính và Nguyễn Chí Vịnh, còn có Đặng Vũ Dũng (Vũ Quốc Dũng), và cả ba con gái Đặng Vũ Chính đều là sĩ quan tổng cục 2. Những người con cán bộ lớn không có khả năng học hành hay kiên nhẫn để làm cán bộ đều mở công ty để nhờ thế lực và quan hệ mà làm giàu, chẳng hạn con của Lê Duẩn (Lê Kiên Thành), con Võ Văn Kiệt (Phan Thành Nam), con Phan Văn Khải (Phan Văn Ty biệt danh Hoàng Ty), con tham mưu trưởng quân đội Phùng Quang Thanh là Phùng Quang Hải chủ công ty xây dựng cho quân đội, con thống đốc ngân hàng Lê Đức Thúy là Lê Đức Minh lập công ty in tiền, con Trần Văn Trà là Trần Nam mở công ty Lâm Viên, thầu công tác tại trường đào tạo sĩ quan Đà Lạt....Chỉ riêng con của Nguyễn Văn Linh là không có cơ hội vì bị bệnh.

Cũng như Nguyễn Khoa Điềm, Trần Đình Hoan còn muốn tiếp tục ở thêm một nhiệm kỳ nữa, nhưng cả hai đều không được đủ phiếu.

Do hậu thuẫn của Lê Đức Anh và Trần Đình Hoan, Nông Đức Mạnh trước kia định đưa Nguyễn Bắc Sơn, cựu trợ lý của Lê Đức Anh, vào làm phó ban tổ chức trung ương đảng nhưng không được nên đã xếp đặt cho làm tỉnh ủy Thái Nguyên thay Hồ Đức Việt. Nhờ vậy, Nguyễn Bắc Sơn đương nhiên trở nên ủy viên trung ương đảng, cũng giống như Nguyễn Văn Tự, tỉnh ủy Khánh Hòa, người từng bị tai tiếng vì tham nhũng. Còn tỉnh ủy Nguyễn Văn Thuận tỉnh Hải Phòng, dính líu vụ bán đất, vẫn được kiêm nhiệm chức phó chủ tịch Quốc Hội (Nguyễn Văn Thuận được coi như con nuôi Đỗ Mười).

Ngoài ba bí thư tỉnh ủy kể trên, một ủy viên trung ương đảng nổi tiếng khác là Đào Ngọc Dung, phụ trách đoàn thanh niên cộng sản. Đào Ngọc Dung là cháu vợ Nguyễn Văn An, khi Nguyễn Văn An làm trưởng ban tổ chức đảng đã sắp xếp cho Đào Ngọc Dung làm bí thư thứ nhất đoàn

thanh niên cộng sản và ủy viên trung ương đảng, còn trẻ và rất có triển vọng tiến xa. Mới mấy tháng trước, ngày 27-2-2006, Đào Ngọc Dung còn được thay mặt đảng trao tặng huy chương cho đại sứ Trung Quốc là Tề Kiến Quốc vì những “đóng góp to lớn” cho quan hệ Hoa-Việt. Vì qui luật mới do đảng đặt ra, các đảng viên muốn tiến thân và muốn được giữ trọng quyền đều phải có bằng cấp đại học, Đào Ngọc Dung đi dự thi nghiên cứu sinh ở học viện Quốc Gia Hành Chánh. Ông ta đã bị bắt quả tang về tội gian lận. Dù chức bí thư đoàn thanh niên cộng sản bị người khác thay thế nhưng Đào Ngọc Dung vẫn là ủy viên trung ương đảng, một trong khoảng 200 người có ưu quyền và được đảng cộng sản coi là những phần tử “ưu tú” nhất nước. Nếu không bị bắt về gian lận, Đào Ngọc Dung đã có bằng “tiến sĩ” về chính trị và sẽ tiến xa trên đường sự nghiệp. Hiện tại, Đào Ngọc Dung được chuyển qua coi phân bộ đảng viên ở nước ngoài.

Do sự quản lý của ngành giáo dục lỏng lẻo, Việt Nam hiện có rất nhiều tiến sĩ và thạc sĩ (chẳng hạn đề tài luận án của một tiến sĩ triết học là “bàn về cách giảng dạy chính trị ở trường trung học”)... Ông Nguyễn Văn Yên, trưởng ban thanh tra giáo dục Đà Nẵng đã nhận xét: *“Thuê mượn người khác làm luận văn luận án diễn ra chủ yếu ở các cán bộ làm công tác lãnh đạo, vì họ thường có một đội ngũ giúp đỡ”*. Vì thế thời gian gần đây, trong lý lịch của các cán bộ lãnh đạo cộng sản Việt Nam hiện nay đều khai có bằng cử nhân trở lên. Phó ban kiểm tra trung ương đảng của khóa IX là Vũ Quốc Hùng từng than phiền về tệ nạn chạy chức, chạy quyền, chạy bằng cấp, chạy tội và tố cáo Vũ Văn Hiền giám đốc các đài phát thanh Việt Nam tham những thì kết quả Vũ Văn Hiền vẫn vào trung ương đảng, còn Vũ Quốc Hùng thì mất chức.

Sau khi bầu xong những bí thư trung ương đảng, đại hội đã nhất trí tán thành đề nghị của trung ương đảng chấp thuận danh sách bộ Chính Trị gồm 14 người:

- 1- Nông Đức Mạnh, vẫn được giữ làm tổng bí thư
- 2- Lê Hồng Anh, từng là bí thư tỉnh ủy Kiên Giang, lên làm trưởng ban kiểm soát trung ương đảng, từ năm 2002 thay Lê Minh Hương làm bộ trưởng bộ Công an.
- 3- Nguyễn Tấn Dũng, mấy tháng sau kiêm nhiệm thủ tướng.
- 4- Nguyễn Minh Triết (Bình Dương), kiêm nhiệm chủ tịch Nhà nước.
- 5- Trương Tấn Sang (Long An), trưởng ban kinh tế đảng.
- 6- Nguyễn Phú Trọng, từng là bí thư thành ủy Hà Nội, chủ tịch ủy ban lý luận trung ương đảng, sau đại hội X chuyển qua làm chủ tịch quốc hội.
- 7- Phạm Gia Khiêm (Hà Nội), phó thủ tướng. Vì không có thứ trưởng ngoại giao nào được cử làm ủy viên trung ương — điều kiện phải có để làm bộ trưởng — nên Phạm Gia Khiêm kiêm nhiệm chức bộ trưởng Ngoại Giao.
- 8- Phùng Quang Thanh, thượng tướng, từng là tư lệnh quân khu I rồi tham mưu trưởng quân đội, sẽ thay Phạm Văn Trà làm bộ trưởng Quốc Phòng.
- 9- Trương Vĩnh Trọng, bí danh Hai Nghĩa, trưởng ban nội vụ trung ương đảng, từng là bí thư tỉnh Đồng Tháp
- 10- Lê Thanh Hải, chủ tịch UBND/TP.HCM.
- 11- Nguyễn Sinh Hùng, bộ trưởng Tài Chánh.
- 12- Nguyễn Văn Chi, trưởng ban nội an của đảng, năm 1986 là bí thư tỉnh ủy Quảng Nam, tới 1999 là phó chủ tịch UBND/TP.HCM
- 13- Hồ Đức Việt, chủ tịch ủy ban khoa học kỹ thuật và môi trường của quốc hội, sau được làm trưởng ban tổ chức trung ương đảng, từng là bí thư tỉnh ủy Thái Nguyên.
- 14- Phạm Quang Nghị, bộ trưởng Thông Tin Văn Hóa, sau đại hội đảng, được cử làm bí thư thành ủy Hà Nội. Phạm Quang Nghị cũng từng là trợ lý của Đào Duy Tùng.

Theo dự định, dự trù có từ 15 đến 17 ủy viên bộ Chính Trị nhưng chỉ có 14 người được bầu trong những buổi họp trung ương đảng trước đó. So với thành phần bộ Chính Trị cũ, trừ Lê

Minh Hương đã chết, chỉ còn 6 người là Nông Đức Mạnh, Lê Hồng Anh, Nguyễn Tấn Dũng, Nguyễn Minh Triết, Trương Vĩnh Trọng, Trương Tấn Sang và 8 người mới.

Ban bí thư để điều hành công việc nội bộ đảng trong khóa X dự định tăng từ 9 lên 11 cũng chỉ bầu được 8 người⁽²⁾ gồm có: Nông Đức Mạnh, Trương Tấn Sang, Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Văn Chi, Phạm Quang Nghị, Lê Văn Dũng, Tổng Thị Phóng (trưởng ban tuyên vận trung ương đảng, trước là bí thư tỉnh ủy tỉnh Sơn La) và Tô Huy Rứa, viện trưởng viện Nghiên cứu chính trị Hồ Chí Minh, từng là bí thư thành ủy Hải Phòng, sau này thăng trưởng ban thông tin văn hóa đảng (lý lịch khai có bằng tiến sĩ về “xây dựng đảng”)- Phụ tá của Rứa là Đào Duy Quát⁽³⁾

Cũng như danh sách những tân ủy viên trung ương đảng và danh sách bộ Chính Trị, thành phần chính phủ cũng được xếp đặt trước để quốc hội nhất trí chấp thuận vào tháng 6 năm 2006. Thành phần này ngoài chủ tịch và phó chủ tịch nhà nước là Nguyễn Minh Triết và Trương Mỹ Hoa còn có:

- Thủ tướng: Nguyễn Tấn Dũng.
- Ba phó thủ tướng là Trương Vĩnh Trọng, phó thủ tướng thường trực, đặc trách chống tham nhũng. Nguyễn Sinh Hùng, được nâng đỡ vì là cháu họ Hồ Chí Minh và Phạm Gia Khiêm kiêm bộ trưởng Ngoại Giao.
- Bộ trưởng Quốc Phòng: Phùng Quang Thanh
- Bộ trưởng Công An: Lê Hồng Anh
- Bộ trưởng Thương Mại: Trương Đình Tuyển
- Bộ trưởng Kế Hoạch và Đầu Tư: Võ Hồng Phúc
- Bộ trưởng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn: Cao Đức Phát
- Bộ trưởng Tài Chánh: Vũ Văn Ninh, trước đó là thứ trưởng cho Nguyễn Sinh Hùng.
- Bộ trưởng Tư Pháp: Uông Chu Lưu
- Bộ trưởng Kỹ Nghệ: Hoàng Trung Hải
- Bộ trưởng Ngư Nghiệp: Tạ Quang Ngọc
- Bộ trưởng Y Tế : Trần thị Trung Chiến
- Bộ trưởng Xây Dựng: Nguyễn Hồng Quân
- Bộ trưởng Thông Tin Văn Hóa: Lê Doãn Hợp, từng là bí thư tỉnh Nghệ An.
- Bộ trưởng Lao động và Thương binh xã hội: Nguyễn Thị Hằng.⁽⁴⁾
- Bộ trưởng Giáo Dục: Nguyễn Thiện Nhân, từng là chủ tịch UBND/TP.HCM.
- Bộ trưởng Giao Thông: Hồ Nghĩa Dũng (bí thư tỉnh Quảng Ngãi và chủ tịch công ty Thép)
- Bộ trưởng Môi Sinh: Mai Ái Trục
- Bộ trưởng Viễn Thông, Bưu Điện: Đỗ Trung Tá
- Bộ trưởng Nội Vụ: Đỗ Quang Trung.
- Thống đốc Ngân Hàng: Lê Đức Thúy
- Chủ nhiệm ủy Ban Sắc Tộc: Ksor Phước
- Viện kiểm sát: Quách Lê Thanh (mất chức vì vụ tham nhũng Lương Cao Khải. Trần Văn Truyền thay).
- Chủ nhiệm văn phòng chính phủ: Đoàn Mạnh Giao.
- Chánh án tòa án Nhân Dân Tối Cao: Nguyễn Văn Hiến. Ông Hiến từng mô tả về tình trạng ngành tư pháp ở Việt Nam “*Ngành ta đã phải vợ vét, đôn cả lái xe, đánh máy lên bỏ nhiệm thẩm phán rồi cho đi học để hoàn chỉnh trình độ*”

Lý lịch của tân thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng mù mờ. Theo một tài liệu chính thức, Nguyễn Tấn Dũng là con của một “*đảng viên lão thành, có uy tín*” quê ở Thanh Trì, Hà Nội vào Nam trong những năm 1940. Vì tài liệu không nêu tên, có thể người “đảng viên lão thành và uy tín” này đã có vợ chính thức ở miền Bắc, và khi vào Nam cũng giống như Lê Duẩn, Lê Đức Thọ, Phan Trọng Tuệ..., đã lấy thêm vợ khác.

Lấy lý do để các cán bộ cao cấp không bị bức xúc sinh lý hầu phục vụ tốt cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa nên để hợp thức hóa tình trạng quan hệ nam nữ lỏng lẻo này, mùa xuân năm 1951, phòng tổ chức quân khu IX trong Nam đã ra chỉ thị cho phép các cán bộ lãnh đạo xa nhà trên 300 cây số được lấy vợ khác, vì thế nhiều người đã có con rơi.⁽⁵⁾

Sau 1954, khi những cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc muốn lấy vợ khác nhưng không được phép, họ nêu trường hợp Lê Duẩn và Lê Đức Thọ thì Hồ Chí Minh nói là thời gian Lê Duẩn, Lê Đức Thọ và những cán bộ cao cấp lấy nhiều vợ chưa có luật nên xí xóa, còn các cán bộ miền Nam ra sau 1954 đã có luật nên không được. ⁽⁶⁾

Vì chủ trương duy vật, quan hệ vợ chồng theo chủ thuyết cộng sản không khắt khe như luân lý Á Đông. Lê Nin từng có tình nhân là vợ của một đồng chí, Mao Trạch Đông có nhiều vợ. Những cán bộ cao cấp của CSVN đầu tiên có nhiều vợ là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ...

Lê Duẩn có ba bà vợ (Cao Thị Khê, Đỗ Thị Sảnh, Nguyễn Thị Thụy Nga) và còn quan hệ với nhiều người khác trong số có Hồ Thị Nghĩa, một bác sĩ, con của Hồ Viết Thắng. Lê Đức Thọ có hai bà ở chung nhà. Phạm Văn Trà cũng có ba vợ. Trong thư của Nguyễn Đức Tâm gửi trung ương đảng, có nhắc đến Lê Khả Phiêu là tình nhân của Đặng Diệu Hà, con ông Đặng Kính, một đảng viên lão thành. Phạm Hùng từng bị tố cáo là đã “giao du thân mật” với Võ Thị Thắng, chủ tịch công ty du lịch (có chồng là Trần Quốc Thuận, đại biểu quốc hội), và sau đó là Trần Thị Trung Chiến.

Trần Đức Lương bị bà Phạm Thị Dần (xã Gia Lộc, Hải Dương, sinh năm 1958, chứng minh nhân dân số 070593590) tố cáo là bà từng là vợ của Trần Đức Lương hồi nhỏ và đã có mấy con, sau đó Trần Đức Lương bỏ đi biệt tích cho tới khi được làm chủ tịch nước bà mới biết.

Lê Đức Anh bịa ra chuyện vợ cũ thuộc thành phần không tốt và đã lấy chồng khác nên xin ly dị để lấy vợ khác, trong khi thật sự bà này vẫn sống một mình và lên tới chức thành ủy viên ở Bình Dương.

Ngoài ra, trong giới quyền thế ở Hà Nội, do quan điểm đạo đức cách mạng, theo đó quyền lợi của đảng mới là tối thượng nên quan hệ nam nữ ngoài khuôn khổ đạo lý Á Đông không cần giữ gìn nghiêm cấm.

Võ Nguyên Giáp bị tố cáo đã có quan hệ với vợ của nhà văn Đào Vũ khi bà này đến nhà dạy dương cầm, đồng thời cũng có tin vợ Võ Nguyên Giáp lại quan hệ với Phạm Huy Thông ⁽⁷⁾, viện trưởng viện Sử học, còn vợ của triết gia Trần Đức Thảo, sau khi ông bị vùi dập và sống khổ cực sau vụ Nhân Văn, đã bỏ ông mà lấy Đặng Thái Mai, bố vợ Võ Nguyên Giáp. Do những quan niệm về vợ chồng đối với những lãnh tụ cao cấp Cộng sản dễ dàng như vậy, lời đồn Nguyễn Tấn Dũng là con rơi của Nguyễn Chí Thanh không phải vô lý.⁽⁸⁾

Vì là con của một cán bộ cao cấp, Nguyễn Tấn Dũng được đặc biệt chú ý và cất nhắc từ hồi còn nhỏ. Sau khi làm y tá, y sĩ rồi chính ủy tiểu đoàn, trung đoàn ở vùng Cà Mau, Dũng thăng dần lên tỉnh ủy Kiên Giang, rồi thứ trưởng công an cho Bùi Thiện Ngộ (1995-1996)- Nguyễn Tấn Dũng được coi như có công trong việc bắt ông Trần Văn Bá, con cụ Trần Văn Văn và trong năm 1978-1979 khi làm tỉnh ủy Kiên Giang, đã tổ chức những vụ vượt biên bán chính thức để lấy tiền của người Hoa.

Năm 1996, khi Nguyễn Hà Phan mất chức, Nguyễn Tấn Dũng được cử sang thay làm trưởng ban kinh tế của đảng và vào bộ Chính Trị. Do kinh nghiệm công an, năm 1999, Dũng được chỉ

định làm chủ tịch ủy ban phụ trách giải quyết vấn đề Tây Nguyên. Lý lịch lúc đầu nói là y sĩ giải phẫu, sau là cử nhân luật, nhưng cũng có tin nói Dũng chỉ có trình độ trung học phổ thông. Không hiểu vì lý do gì, tại quốc nội có tin đồn là Ôn Gia Bảo đến Việt Nam trước đại hội đảng để vận động chức thủ tướng cho Nguyễn Tấn Dũng.

Sau khi được đề cử làm thủ tướng, ngày 15-11-06, Nguyễn Tấn Dũng sang Trung Quốc để gặp Ôn Gia Bảo và hai bên đã thảo luận về một dự án kinh tế liên hợp “hai hành lang, một vành đai” (một hành lang đi từ Côn Minh qua Lào Kay, Hà Nội tới Hải Phòng, hành lang thứ hai từ Nam Ninh qua Lạng Sơn, về Hà Nội đến Hải Phòng, còn vành đai là bờ biển dọc theo vịnh Bắc Việt).

Trước Nguyễn Tấn Dũng, Nông Đức Mạnh đã sang Trung Quốc ngày 23-8-2006 cùng một phái đoàn gồm Phạm Gia Khiêm, phó thủ tướng, Tô Huy Rứa, trưởng ban tư tưởng văn hóa và Nguyễn Văn Sơn, trưởng ban đối ngoại, nhưng theo thông tấn xã Việt Nam, dù phái đoàn được gặp Hồ Cẩm Đào, nhưng khi ra đón Nông Đức Mạnh ở phi trường, chỉ có Vương Gia Thụy, một ủy viên dự khuyết trung ương đảng của Trung Quốc kiêm trưởng ban đối ngoại là nhân vật cao cấp nhất.

Đặc biệt trong thời gian danh sách chính phủ chưa công bố, con của nhà thơ Cù Huy Cận trước kia là Cù Huy Hà Vũ nộp đơn xin làm bộ trưởng thông tin văn hóa. Ông nói tuy ông không là đảng viên cộng sản nhưng vì sinh trưởng trong một gia đình thâm nhuần văn học, từng du học và tốt nghiệp tại Pháp nên chắc chắn sẽ làm tốt công tác văn hóa. Dĩ nhiên đơn xin việc của ông bị bác. Khi được báo chí phỏng vấn về vụ Bùi Tiến Dũng, ông nhận xét *“nơi có khả năng tham nhũng nhiều nhất, lại phụ trách công tác chống tham nhũng thì đã triệt công tác này từ trong trứng”*.

Trung ương đảng và chính phủ CSVN sau khi được bầu lên bắt đầu thi hành những biện pháp nhằm dọn đường vào WTO và chuẩn bị tổ chức hội nghị thượng đỉnh những nước ven Thái Bình Dương APEC.

Trước hết, Việt Nam lần lượt mở hai đợt thả tù nhân, vào khoảng gần 7000 người trong đó có bác sĩ Phạm Hồng Sơn (riêng ông Nguyễn Vũ Bình vẫn bị giam giữ). Vào tháng 9-2006, tướng công an Nguyễn Khánh Toàn còn đến thăm hoà thượng Huyền Quang, người đã bị công an hành hạ, xách nhiễu nhiều năm. Vào ngày 5-9-2006, chính phủ ra nghị quyết 22/NQ-CP bãi bỏ nghị quyết quản chế hành chánh 31/CP cũ. Trong nghị quyết 22 này có câu *“Trong điều kiện xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, thực hiện cải cách tư pháp hiện nay thì việc bãi bỏ biện pháp hành chánh và hủy bỏ nghị định số 31/CP là cần thiết...”*.

Việc bãi bỏ nghị quyết 31/CP này nằm trong những dàn xếp giữa hai chính quyền Việt-Mỹ từ năm 2005 khiến cho viên chức bộ ngoại giao Hoa Kỳ Michael Orona đã đoan chắc điều này với phóng viên của hãng AFP vào tháng 10-2005. Việt Nam chờ khi phụ tá bộ trưởng bộ ngoại giao Hoa Kỳ đặc trách về dân quyền là Lowenskron viếng thăm Việt Nam để bãi bỏ nghị định này và người đầu tiên được thông báo là Lowenskron.

Ngoài việc bãi bỏ nghị quyết 31/CP, thả bớt tù nhân, chính phủ Việt Nam cũng vội vã đem những người Mỹ gốc Việt từng bị bắt và gán cho tội “mưu toan phá hoại và lật đổ nhà nước” ra xử, trong đó có ông Đỗ Thành Công ở San Jose và bà Nguyễn Thương Cúc Foshee ở Florida.

Ông Đỗ Thành Công ⁽⁹⁾, một kỹ sư ở San Jose đã cùng một số người ở trong nước như Lê Nguyên Sang, Huỳnh Nguyên Đạo lập đảng Dân Chủ Nhân Dân, còn bà Cúc sinh sống ở Florida. Vì bà Cúc bị giam giữ và không được xét xử, thượng nghị sĩ Martinez của tiểu bang

Florida dọa sẽ ngăn chặn không cho đạo luật mà tổng thống Bush đề nghị cho Việt Nam được hưởng qui chế thương mại bình thường ra trước quốc hội.

Với tình trạng tư pháp của Việt Nam, ông Công và bà Cúc được đem ra xét xử nhanh chóng và trả về Mỹ. Việt Nam còn tiến xa thêm nữa là ủng hộ biện pháp trừng phạt Bắc Hàn sau khi Bắc Hàn cho nổ trái bom nguyên tử. Và, Việt Nam cũng đã chuẩn bị trước đề trấn an Trung Quốc về những hành động chiêu lòng Hoa Kỳ.

Sau khi được tái cử chức tổng bí thư, Nông Đức Mạnh lên đường sang Trung Quốc vào tháng 8-2006, gặp Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo để *“nâng quan hệ Việt-Hoa lên một tầm cao mới”*.

Trong tháng 7-2006, khi đô đốc Fallon, tư lệnh các lực lượng Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương đến thăm Việt Nam và gặp Phùng Quang Thanh, tân bộ trưởng quốc phòng, đô đốc Fallon ngỡ ý muốn Việt Nam tham dự những cuộc diễn tập quân sự hàng năm của Hoa Kỳ với các nước trong vùng và tăng cường hợp tác. Phùng Quang Thanh trả lời *“đây là một vấn đề tế nhị, có thể làm một số nước khác hiểu lầm”*. Ngược lại, khi Fallon thăm Campuchia, cả bộ trưởng quốc phòng Tea Banh lẫn tướng Kim Yan của Campuchia đều yêu cầu được Hoa Kỳ giúp đỡ cả về huấn luyện lẫn trang bị.

Tuy về phương diện chính thức, Việt Nam đã bãi bỏ nghị định nổi tiếng 31/CP, nhưng như Lê Hồng Anh, nhân vật số 2 của đảng đã cảnh cáo *“chính quyền sẽ kiên định tiến lên xã hội chủ nghĩa, kiên quyết đấu tranh với các tư tưởng đa nguyên chính trị, không để hình thành tổ chức chính trị đối lập”*, chính quyền cộng sản trước đó đã khôn khéo đưa ra ra những đạo luật dự phòng khác như pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính 2002, nghị định 38/CP ngày 18-3-2005 về việc cấm tụ tập đông người. Ngôn ngữ của pháp lệnh 2002 ra ngày 1-10-2002 tuy nhẹ nhàng hơn, nhưng nội dung vẫn tương tự như nghị định 31/CP, chẳng hạn điều 27 qui định *“Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, phương hại đến an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Và thời hạn quản chế hành chính là từ 6 tháng đến 2 năm”*. Cũng vẫn là người dân có thể bị bắt và ở tù không cần xét xử. Còn điều 22 của pháp lệnh qui định những biện pháp xử lý hành chính khác bao gồm: giáo dục tại thị xã, phường, đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục, đưa vào cơ sở chữa bệnh và...quản lý hành chính (quản thúc tại gia, bỏ tù...)

Những phương tiện truyền thông vẫn được chính phủ kiểm soát chặt chẽ. Những tin bất lợi cho chính phủ được giới hạn. Ngày 6-6-2006, Nguyễn Tấn Dũng ký nghị định 56/CP về thông tin văn hóa và ngày 21-6-2006, Đỗ Quý Doãn, thứ trưởng thông tin văn hóa khuyến cáo giới truyền thông không nên *“thông tin quá liều lượng, đưa tin nhiều và dồn dập quá mức cần thiết về các vụ việc tiêu cực, về tình tiết của các vụ án, trong khi đó lại chưa chú ý thông tin đúng mức về các sự kiện, nhiệm vụ quan trọng khác của đất nước...”* Sự kiểm soát nghiêm ngặt đến nỗi cuốn sách *Tranh Luận Để Đồng Thuận* của nhà xuất bản Tri Thức in lại bài của những cựu lãnh tụ cao cấp như Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Nguyễn Đức Bình...cũng không được phát hành.

Vi thấy vô hại, ngày 22-2-2007, đảng cộng sản gián tiếp công nhận lỗi lầm trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm bằng cách khi trao giải thưởng văn nghệ cho hơn 100 người thì trong đó có Lê Đạt, Hoàng Cầm, Trần Dần, Phùng Quán (2 người sau đã chết), nhưng giải này chỉ nhắc đến những tác phẩm về sau, còn những tác phẩm thời 1955-1956 không được nhắc đến.

Một tháng trước đó, khi Nguyễn Hữu Đang mất, nhà nước tuy có tổ chức tang lễ, vẫn cứ nhắc đến *“sai lầm trong vụ Nhân Văn”* của ông.⁽¹⁰⁾ Trong đám tang, Hoàng Tùng, lý thuyết gia cộng sản từng là tổng biên tập báo *Nhân Dân* có gửi vòng hoa và những người đi dự gọi đó là cảnh *“Chu Du khóc Khổng Minh”*.⁽¹¹⁾

Trong câu chuyện dài bài trừ tham nhũng, lần này tham nhũng đã nằm luôn cả trong cơ quan kiểm soát về truyền thông. Đầu năm 2006, báo chí loan tin Nguyễn Việt Thông, phó ban tư tưởng văn hóa của trung ương đảng, bị bắt về tội giả mạo chữ ký để biển thủ công quỹ.

Sau đó, báo chí làm rõ về sự tắc trách của các cơ quan nhà nước khi tường thuật về cơn bão Chanchu xảy ra ở biển Đông trong tháng 5-2006 khiến hàng trăm ngư phủ thương vong và mất tích. Mới đầu, cơn bão thổi mạnh ở biển Đông theo hướng Tây/Tây Bắc vào hướng đất liền, nhưng nửa chừng, cơn bão đổi hướng sang hướng Bắc. Mọi đài tiên đoán thời tiết của Trung Quốc, Mỹ, Nhật, Hồng Kông... đều thông báo sự chuyển hướng này, nhưng hơn 4 ngày sau, đài Việt Nam tiếp tục loan báo là cơn bão vẫn thổi theo hướng Tây/Tây Bắc. Tất cả tàu thuyền đánh cá của Việt Nam đang ở ngoài biển nghe đài Việt Nam như vậy đã không chạy vào bờ (hướng Tây) mà chạy lên hướng Bắc tránh bão để cuối cùng khi đài Việt Nam bắt đầu loan tin về sự chuyển hướng của bão thì đã quá muộn, cơn bão đã đuổi kịp và đánh chìm 17 thuyền bè của Việt Nam.

Khoảng 200 ngư dân Việt Nam bị chết đuối hay mất tích. Trong khi đó, những ngư phủ Trung Quốc không bị một tổn thất nào vì tàu thuyền của họ đã chạy theo hướng Tây vào tránh bão trong đất liền. Sau vụ này, trung tướng Nguyễn Đức Soát, cựu tư lệnh không quân, phó chủ tịch ủy ban cứu nạn đổ thừa cho những ngư phủ *“rõ ràng là bà con ngư dân ta rất chủ quan”*, còn ủy ban phòng chống bão lụt thì qui lỗi cho tổng cục Khí Tượng Thủy Văn. Chủ nhiệm tổng cục này là Lê Công Thành trước khi mất chức bào chữa: *“Chúng tôi dự báo đúng nhưng chỉ hơi muộn”*.

Do nhu cầu hội nhập và đòi hỏi để được vào WTO cũng như để ve vãn những nhà đầu tư ngoại quốc, những luật lệ kinh tế cởi mở được đưa ra.

Trong đại hội đảng lần thứ X, nghị quyết của đảng công nhận 5 khu vực kinh tế: nhà nước, tập thể, tư nhân (cá thể, liên doanh), vốn nhà nước và đầu tư nước ngoài. Nghị quyết cũng đặt chỉ tiêu phát triển kinh tế từ 7.5% đến 8% mỗi năm, ngõ hầu biến Việt Nam thành một nước công nghệ vào năm 2020.

Chính phủ dự trù dần dần bán cổ phần cho tư nhân khoảng 1700 trong 2700 công ty quốc doanh còn lại (tuy chính phủ đã bán cổ phần của khoảng 3000 công ty quốc doanh, nhưng đó chỉ là những công ty nhỏ)- Nhờ đó, nhiều công ty ngoại quốc đổ vào đầu tư, trong đó có hãng Intel và một công ty Đại Hàn đầu tư trên một tỷ mỹ kim. Tỷ phú Bill Gates cũng viếng thăm Việt Nam trong dịp đại hội đảng. Tuy chỉ ở lại Việt Nam hơn một ngày, nhưng ông được nồng nhiệt tiếp đón như minh tinh màn bạc, nhất là đối với giới sinh viên học sinh.

Sau khi nhậm chức, trước những vụ tham nhũng tiếp tục bị phanh phui, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng lập ra một ủy ban chống tham nhũng do chính ông ta làm trưởng ban, hứa hẹn sẽ điều tra và trách phạt những viên chức, cán bộ hay đảng viên tham nhũng ở bất cứ cấp bậc nào. Nhưng khi chủ tịch quốc hội Nguyễn Phú Trọng được phỏng vấn về vấn đề này, Nguyễn Phú Trọng nhắc lại qui định của đảng là *“cấp thứ trưởng tương đương trở xuống thì ban chỉ đạo trung ương có thể trực tiếp tạm đình chỉ, còn cấp cao hơn thì phải xin ý kiến của các cơ quan chức năng...”* Thứ trưởng công an Lê Thế Tiệm cũng xác nhận đã gặp nhiều khó khăn trong việc điều tra đối với những cán bộ thuộc diện “trung ương quản lý”.

Vụ tham nhũng lớn nhất trong năm 2006 được phát hiện ngày 7-9-2006, khi cơ quan truyền thông VnExpress loan tin về vụ án đất đai ở Đồ Sơn với nhan đề *“Bí thư Hải Phòng xin xử nhẹ tội cho quan chức nhúng chàm”*.

Theo bản tin, giám đốc Sở Tài Nguyên Môi Trường Hải Phòng là Chu Minh Tuấn cùng đồng bọn đã bán 33 lô đất công cho con cháu và người thân của cán bộ cao cấp trong tỉnh. Khi Chu Minh Tuấn bị đưa ra tòa, bí thư tỉnh ủy Hải Phòng là Nguyễn Văn Thuận đã áp lực với Viện Kiểm Sát Nhân Dân để chỉ phạt nhẹ về tiền mà tha về mặt hình sự, miễn cho ở tù. Viện phó viện KSND là Mai Anh Thông công nhận do áp lực đó nên ông đã viết quyết định miễn truy cứu trách nhiệm hình sự với Chu Minh Tuấn gửi cho tòa án. Lúc đó, Nguyễn Văn Thuận đã gửi thư cho tòa án là “*nên tôn trọng quyết định của Viện Kiểm Sát*”. Người phụ trách vụ án là Dương Văn Thành, phó chánh án tòa án nhân dân Hải Phòng trả lời với phóng viên *VnExpress* là “*cũng thấy làm như vậy là bất ổn nhưng vì cấp trên đã có đề nghị xin thì mình làm khác cũng khó. Như các anh cũng vậy thôi. Xếp đã có ý kiến thì mình phải theo*”. Sau khi Chu Minh Tuấn và đồng bọn bị xử nhẹ tội, Nguyễn Tấn Dũng đã ra lệnh cho tòa xử lại nhưng bí thư tỉnh ủy Nguyễn Văn Thuận chẳng những vẫn ở trong trung ương đảng mà còn kiêm nhiệm phó chủ tịch quốc hội. Trong khi đó, một đại biểu quốc hội khác là Mạc Kim Tôn của tỉnh Thái Bình bị bắt vì gian lận tiền bạc khi mua máy vi tính cho những trường học trong tỉnh.

Vì giá nhà đất ở Việt Nam tăng vọt, một ủy viên trung ương đảng khác, thứ trưởng công an Nguyễn Khánh Toàn, con rể Phan Trọng Tuệ (từng là bộ trưởng giao thông trước 1975), cũng bị sờ nhà đất tố cáo gian lận để chiếm hữu nhà cửa trong thành phố HCM.⁽¹²⁾

Ngoài ra, tại Hà Nội, dù thống đốc ngân hàng Lê Đức Thúy và cựu thị trường Hoàng Văn Nghiên đã có nhà riêng nhưng vẫn thuê nhà chính phủ sau đó mua lại những nhà này với giá thấp bằng 1/10 giá trên thị trường. Bị báo chí phanh phui, hai người phải trả lại nhà nhưng Hoàng Văn Nghiên tuyên bố việc ông mua nhà của nhà nước rẻ như thế, vẫn “đúng luật”. Hoàng Văn Nghiên đã được dân chúng Hà Nội đặt tên trong mấy câu vè: “*Giàu như Phú — Lú như Trọng — Lật lọng như Nghiên — Tiêu tiền như Triệu*” (Huỳnh Hữu Phú, Nguyễn Phú Trọng, Hoàng Văn Nghiên, Nguyễn Quốc Triệu đều là bí thư thành ủy hay chủ tịch, phó chủ tịch thành phố Hà Nội, giàu có nhờ chiếm đất đai khi giá địa ốc vùng Hà Nội vọt lên cao).

Còn Lê Đức Thúy, thống đốc ngân hàng, để cho con là Lê Đức Minh in tiền. Khi báo chí chê là tiền in ra chất lượng kém thì hai báo *Thời Đại* và *Công Lý* bị đình bản, sáu tờ báo khác như *Tuổi Trẻ*, *Thanh Niên*, *An Ninh Thủ Đô*, *Công Luận*... bị cảnh cáo.

Quen với hệ thống tư pháp chỉ có tính cách hình thức nên chính quyền Việt Nam không quan tâm đến các vụ kiện quốc tế. Sự xem thường này đã khiến công quỹ Việt Nam bị tổn kém rất nhiều trong những vụ kiện tụng với các công ty hay cá nhân nước ngoài.

Vụ thứ nhất là vụ kiện của công ty quốc doanh Vietnam Airlines. Đầu năm 2006, tòa án Paris tuyên án buộc hãng Vietnam Airlines phải bồi thường cho luật sư Liberati khoảng trên 5 triệu Euro (6 triệu mỹ kim). Vụ án bắt đầu từ 1994 khi luật sư Liberati bên Ý kiện công ty hàng không Vietnam Airlines không trả tiền thù lao cho ông ta khoảng nửa triệu Euro. Tòa án La Mã đã gửi thư cho Vietnam Airlines qua tòa đại sứ để đến dự phiên xử nhưng Vietnam Airlines không có mặt và cũng không gửi luật sư đại diện. Dù không có bị cáo, phiên tòa vẫn tiếp tục theo luật pháp Ý năm 2000 và tòa đã tuyên án Vietnam Airline phải trả cho nguyên đơn 4.3 triệu Euro. Mãi 2 năm sau Vietnam Airlines mới nhận được thư đòi tiền của luật sư Liberati, nhưng cũng không thèm để ý cho tới khi nhận được phán quyết tịch biên và phong tỏa tài sản của Vietnam Airlines tại ngân hàng BSP của Pháp. Chỉ tới lúc đó, Vietnam Airlines mới bắt đầu thuê luật sư để kháng cáo nhưng đã quá muộn, tòa Paris ngoài số tiền 4.3 triệu Euro của tòa Roma đã thêm vào 9 trăm ngàn Euro tiền lãi và án phí.

Ngoài những tác trách trong vụ án trên, giám đốc Nguyễn Xuân Hiền của Vietnam Airlines còn

bị tố là dùng tiền của công ty cấp học bổng cho người thân cũng như con cháu những viên chức lớn (con của Ông Chu Lưu, bộ trưởng tư pháp, con của tướng Phương Minh Hoa, phó tư lệnh Không Quân, ủy viên trung ương đảng, và con của Dương Thanh Biểu, phó viện trưởng viện Kiểm Sát Nhân Dân Tối Cao). Đầu năm 2007, Nguyễn Xuân Hiền và phó giám đốc Nguyễn Tiến Sâm được cho về hưu (Việt Nam gọi là “hạ cánh an toàn”, có nghĩa là khi làm việc thì tham nhũng sau đó có tiền an toàn về hưu hưởng thụ).

Riêng Nguyễn Văn Lâm, sau vụ để quên va li bạc tại phi trường, dù mất chức phó giám đốc văn phòng chính phủ (tương đương thứ trưởng), nhưng vẫn được giữ lại làm “chuyên viên”.

Nửa năm sau vụ án Vietnam Airline, chính phủ Việt Nam lại phải đối phó với vụ án Trịnh Vĩnh Bình. Vụ án được đem ra xử tại tòa án quốc tế Stockholm, Thụy Điển, dự trữ xử vào tháng 12 và mới đầu ông Bình đòi bồi thường khoảng 100 triệu mỹ kim. Vì vụ án bị chính phủ Việt Nam làm dằng dai, số tiền đòi bồi thường dần dần tăng lên trên 400 triệu mỹ kim. Cuối năm 2006, chính phủ Việt Nam đã xin hoãn lại vụ án và xin hòa giải ngoài tòa.

Đây không phải những lần mà chính phủ Việt Nam gặp rắc rối với luật pháp quốc tế. Ngay cả trong địa hạt bóng tròn, năm 2002, khi huấn luyện viên Letard của Pháp bị sa thải sai giao kèo, ông ta đã kiện lên tòa án của tổng cục bóng tròn quốc tế và tòa đã bắt Việt Nam phải bồi thường 197.800 mỹ kim. Do vụ này, tổng thư ký tổng cục túc cầu Việt Nam là Phạm Ngọc Viễn phải từ chức.

Cuối năm 2006, do quyền lợi kinh tế và nhu cầu cần có một thành tích ngoại giao, bất chấp phản đối của những tổ chức tôn giáo và nhân quyền, bộ ngoại giao Hoa Kỳ loại bỏ Việt Nam khỏi danh sách những nước cần lưu ý đặc biệt về tôn giáo, mở rộng cửa cho Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức Thương Mại Thế Giới (WTO) vào ngày 13-11-2006, trở nên hội viên thứ 150.

Khi gia nhập WTO, hàng hóa Việt Nam sẽ dễ dàng xuất cảng khắp nơi trên thế giới, được bảo vệ để cạnh tranh công bình khi xuất cảng sang bán tại những nước khác. Việc này giúp thu hút vốn đầu tư vào Việt Nam, nhưng Việt Nam cũng phải ký nhiều thỏa ước về thuế quan, về quyền tư hữu, đầu tư, về môn bài xuất nhập cảng. Những công ty quốc doanh sản xuất hàng xuất cảng của Việt Nam cũng không còn được tài trợ.

Chỉ mấy ngày sau khi được vào WTO, giới lãnh đạo CSVN được tiếp đón nhiều nguyên thủ quốc gia đến tham dự hội nghị thượng đỉnh những quốc gia ven vùng Thái Bình Dương APEC trong đó có Bush, Putin, Abe (tân thủ tướng Nhật), Hồ Cẩm Đào...

Hội nghị này chỉ nhấn mạnh đến những hợp tác kinh tế, vấn đề chống khủng bố, vấn đề Bắc Hàn...nhưng đã không đưa ra một kết quả cụ thể nào. Tuy nhiên, việc tham dự hội nghị cũng giúp được tổng thống Bush tạm thời đánh lạc hướng những thất bại nội bộ và ông coi việc giúp Việt Nam vào WTO như một thành quả ngoại giao của chính phủ ông.

Trước khi sang Việt Nam dự hội nghị APEC, tổng thống Bush muốn đem theo một món quà là dự luật cho phép Việt Nam được hưởng qui chế thương mại bình thường vĩnh viễn hay tối huệ quốc (PNTR) với Hoa Kỳ. Nhưng ông đã chủ quan, đem dự luật này ra quốc hội biểu quyết theo một tiến trình bất thường, đòi hỏi phải có 2/3 số phiếu nên dự luật bị bác. Dự luật chỉ được chấp nhận vài tháng sau khi được đệ trình theo thủ tục thông thường, chỉ cần đạt đa số quá bán để thông qua.

Tổng thống Bush khi được hỏi về cảm tưởng chuyến đi đã trả lời là ông rất thú vị khi được biết

con cái của thủ tướng Việt Nam đều du học tại Hoa Kỳ và có một người đã kết hôn với một người Mỹ gốc Việt (¹³) Sau khi dự APEC ở Hà Nội, ông vào Sài Gòn rồi sang Indonesia. Khi còn ở Sài Gòn, khác với Clinton đi ăn phở, Bush đi ăn cơm Việt Nam ở một quán cơm mà chủ nhân là em gái của cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn.

Hơn một tháng sau hội nghị APEC và chuyến đi của Bush, ngày 21-1-2007, đến lượt đô đốc Gary Roughead, tân tư lệnh lực lượng Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương ghé thăm Việt Nam. Ông cho biết Hoa Kỳ rất quan tâm đến an ninh vùng Thái Bình Dương nên đã di chuyển thêm một hàng không mẫu hạm từ Đại Tây Dương sang, nâng tổng số hàng không mẫu hạm trong vùng biển này lên 6 chiếc, nhiều hơn ở Đại Tây Dương. Đồng thời, số tàu ngầm ở Thái Bình Dương cũng tăng lên, chiếm 60% tổng số tàu ngầm của Hoa Kỳ. Nhưng ông thừa nhận là những hợp tác quân sự Việt-Mỹ còn ở mức hạn chế, *“chưa định ra một khung thời gian hợp tác cụ thể”*. Ông cũng hiểu rõ hoàn cảnh của Việt Nam nên đã cho biết Mỹ sẽ *“xử lý tế nhị, bảo đảm tôn trọng chủ quyền”* và *“chúng ta có thể hợp tác huấn luyện, chia sẻ thông tin, không ảnh hưởng đến chủ quyền lãnh thổ của ai”*.

Trước đó, ngày 29-12-2006, Hoa Kỳ âm thầm bãi bỏ luôn lệnh cấm vận Việt Nam về vũ khí. Tuy phần lớn vũ khí mà Việt Nam mua là của Nga, Ukraine, Ấn Độ..., nhưng điều này cũng là một bước tiến quan trọng và đã không được công khai loan báo ở Việt Nam. Việt Nam cũng đã để cho hãng Martin Lockheed của Hoa Kỳ trúng thầu thiết lập hệ thống vệ tinh cho Việt Nam.

Một phần nhờ phản ứng thân thiện của Hoa Kỳ, trong năm 2006, kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng. Tính đến cuối năm, Việt Nam đã xuất khẩu 40 tỷ mỹ kim, trong đó dầu thô 8 tỷ, giày da 5 tỷ, hàng dệt may 3 tỷ...

Một người khác cũng bận rộn không kém Bush khi sang Việt Nam dịp này là Hồ Cẩm Đào, tổng bí thư kiêm chủ tịch nước của Trung Quốc. Ông ta đến trước Bush một ngày và đã gián tiếp nhắc nhở Việt Nam cần có mối quan hệ thắm thiết với Trung Quốc bằng cách tặng cho giới lãnh đạo CSVN ba câu *“lý tưởng tương thông, văn hóa tương đồng, vận mệnh tương quan”*. Báo chí khi tường thuật về hoạt động của Hồ Cẩm Đào thường đăng ở trang đầu, trong khi hoạt động của Bush thì để ở trang trong.

Để tránh những vụ như Lý Tống trong dịp Clinton thăm Việt Nam, lần này trong dịp hội nghị APEC, quân đội cũng như công an của Việt Nam đã tăng cường bố phòng chặt chẽ. Tại Hà Nội, những người vô gia cư bị dồn ra khỏi thành phố, những nhân vật từng tranh đấu cho dân chủ như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Lê Hồng Hà, bác sĩ Phạm Hồng Sơn... đều bị kiểm soát và quản thúc qua những biện pháp *“bốn không”* (không được dùng điện thoại, không được ra khỏi cửa, không được tiếp xúc với ai, không được tụ tập đông người trong nhà)-Quanh khu nhà những người này ở, công an lập những rào cản và những bảng chặn tiếng Anh như *“No Foreigners”, “Restricted Area”*...

Dù có những biện pháp kiểm soát gắt gao, khát vọng đòi hỏi tự do dân chủ vẫn phát triển. Ngày 8-4-2006, một nhóm 118 người đồng ký tên vào *Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ* đòi hỏi được bầu cử một cách tự do công bằng. Bản tuyên ngôn này sau đó được hàng ngàn người khác trên toàn quốc bắt chước ký tên ủng hộ. Những người này lần lượt bị công an địa phương xách nhiễu hoặc làm khó dễ. Riêng một số người chủ trương bị bắt đi mất tích.

Nhóm người này được gọi chung là “Khối 8406” gồm nhiều thành phần khác nhau, trong đó có linh mục Nguyễn Văn Lý, cựu trung tá Trần Anh Kim và có những người rất trẻ, có học thức và nghề nghiệp như Đỗ Nam Hải, Nguyễn Khắc Toàn, Bạch Ngọc Dương, Hoàng Tiến, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Tiến Trung, Lê Trí Tuệ, Kha Văn Châu ...

Một luật sư trẻ khác, Lê Thị Công Nhân, bất chấp luật độc đảng của chính quyền, đã sáng lập đảng Thăng Tiến Việt Nam vào ngày 8-9-2006. Cũng như những người khác, bà liên tiếp bị công an chính trị thuộc cục A42 tra hỏi, làm khó dễ, ngăn chặn không cho đi nói chuyện tại đại hội dân quyền bên Ba Lan và trong dịp APEC, bà cũng bị biện pháp “bốn không” và quản thúc.

Do thái độ bất khuất, hòa thượng Thích Quảng Độ được trao giải Nhân Quyền Rafto và ngày 30-1-2007, ông được 54 dân biểu Ý gửi văn thư đề nghị ủy ban giải Nobel Hòa Bình cứu xét vì ông đã *“dâng hiến trọn đời cho cuộc đấu tranh bất bạo động nhằm mục tiêu dân chủ, tự do tôn giáo và nhân quyền cho Việt Nam”*.

Vào đầu năm 2007, hội nghị trung ương đảng lần thứ tư được triệu tập. Hội nghị này ngoài việc tái lập qui chế chính ủy quân đội để đặt quân đội dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện và trực tiếp của trung ương đảng, còn thảo luận về một *“Đề án Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020”* với mục đích *“bảo vệ tổ quốc ta”*. Đề án này nhằm *“xây dựng cơ sở luật pháp và lực lượng nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền và an ninh trên biển, đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển khoa học – công nghệ biển, triển khai công tác quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh các vùng biển và ven biển”*.

Hội nghị cũng quyết định chấm dứt việc quân đội và đảng kinh doanh, chuyển hết các cơ sở làm ăn như những công ty viễn thông, đóng tàu, khách sạn sang dân sự để cho quân đội chuyên tâm hơn trong công tác quốc phòng, đồng thời cũng giảm bớt tệ nạn tham nhũng, một việc mà Trung Quốc đã làm từ 1988. Cuối cùng, hội nghị này cũng muốn thu hẹp 11 ban khác nhau của trung ương đảng vào còn 6 ban: tổ chức, kiểm tra trung ương, tuyên giáo, dân vận, đối ngoại và văn phòng trung ương.

Vì phải mua chuộc dư luận thế giới trước khi được vào WTO, chính quyền Việt Nam trong năm 2006 đã tương đối gượng nhẹ với những nhân vật đấu tranh cho dân quyền và dân chủ, nhưng sau khi đã được vào WTO, đúng như nhận xét của ký giả tờ *Viễn Đông Kinh Tế* — *“càng cởi mở kinh tế, càng đàn áp chính trị”*— vào đầu năm 2007, họ lại mở ra một đợt bắt bớ và giam cầm mới. Linh mục Nguyễn Văn Lý, luật sư Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân, nhà văn Trần Khải Thanh Thủy (14), cùng nhiều người khác lần lượt bị bắt.

Việc bắt giữ và bỏ tù những người tranh đấu cho dân chủ đã gây nhiều phản ứng trong dư luận Hoa Kỳ. Ngay cả những chính trị gia thiên tả như Kennedy, Kerry cũng đòi hỏi ngoại trưởng Rice phải có phản ứng. Dân biểu Earl Blumenauer thuộc tiểu bang Oregon, chủ tịch nhóm thân hữu Mỹ Việt trong quốc hội, gồm những đại biểu có cảm tình với Việt Nam, từ chức chủ tịch của nhóm để phản đối. Về phía chính quyền, vào đầu tháng 3, khi Phạm Gia Khiêm sang Hoa Kỳ gặp ngoại trưởng Rice, sau câu chào hỏi xã giao, câu đầu tiên mà bà Rice hỏi là về số phận của ông Nguyễn Vũ Bình, vì trong hội nghị APEC bốn tháng trước, Phạm Gia Khiêm đã hứa với bà là ông Bình sẽ được thả. Sau đó, ngày 5-4-07, đại sứ Marine tại Hà Nội mời thân nhân của những người bị bắt đến tư dinh uống trà. Những người này bị công an canh gác xung quanh không cho vào. Mấy hôm sau, trong Nam, trợ lý bộ Ngoại giao Mỹ thuộc vụ Đông Á và Thái Bình Dương là Eric John đến Thanh Minh thiền viện thăm hòa thượng Quảng Độ.

Dù đã có những phản ứng không thuận lợi từ phía Hoa Kỳ, nhà cầm quyền Hà Nội vẫn tiếp tục không nhượng tay với những người bất đồng chính kiến vì đây là thời gian mà giới lãnh đạo Việt Nam đang chuẩn bị cho chuyến công du Hoa Kỳ của chủ tịch Nhà nước Nguyễn Minh Triết. Nhiều tranh cãi đã diễn ra giữa hai phe đối mới và bảo thủ về tầm mức hợp tác với Hoa Kỳ. Để trấn an phe bảo thủ là uy quyền tối thượng của đảng vẫn được tôn trọng, những biện pháp đàn áp đối lập vẫn tiếp tục, những người đã bị bắt bị đưa ra tòa kết tội để bỏ tù nhiều năm. Linh

mục Nguyễn Văn Lý bị xử 8 năm tù. Trong phiên tòa, ông bị bịt miệng không cho lên tiếng. Chẳng may hình ảnh đó bị chụp được và truyền bá đi khắp thế giới như một biểu tượng của nền công lý xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sau linh mục Lý, những ông Huỳnh Nguyên Đạo, Lê Nguyên Sang, Nguyễn Văn Đài, Lê Thị Công Nhân.... cũng bị kết án tù nhiều năm.

Trước hành động ngang ngược của Hà Nội, bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã thông báo cho đại sứ Nguyễn Tâm Chiến là nếu không có những biện pháp cải thiện, chuyến viếng thăm của Nguyễn Minh Triết sẽ bị đình hoãn. Nguyễn Tâm Chiến vội vàng khẩn khoản yêu cầu bộ Ngoại giao Hoa Kỳ khoan công bố về việc đình hoãn để trở về Hà Nội trình bày sự việc. Để tăng thêm áp lực, giữa tháng 5 năm 2007, bộ Ngoại giao Hoa Kỳ cử trợ lý ngoại trưởng Christofer Hill sang Việt Nam, đưa ra một số yêu cầu và cũng thông báo là nếu Nguyễn Minh Triết có qua, Hoa Kỳ sẽ hạ thấp nghi lễ tiếp đón. Nguyễn Minh Triết sẽ không được đón tiếp như những nguyên thủ khác, sẽ không có dạ tiệc tiếp tân mà chỉ được Bush mời ăn sáng hay ăn trưa, sẽ không được ngủ qua đêm ở phòng Blair trong Bạch Cung mà sẽ phải ở khách sạn.⁽¹⁵⁾

Ngày 28-5-07, bộ Chính Trị Việt Nam họp bàn về vấn đề này. Họ cử thứ trưởng Ngoại giao Lê Văn Bàng sang Hoa Kỳ với tư cách một “toán tiền trạm” để giải quyết. Vì không biết rõ kết quả, phát ngôn viên bộ ngoại giao chỉ có thể tuyên bố một cách mập mờ sau cuộc họp là “chủ tịch nước dự kiến sẽ thăm chính thức Hoa Kỳ trong thời gian tới”.

Để công khai chứng tỏ sự quan tâm của mình về vấn đề vi phạm nhân quyền, ngày 29-5-07, tổng thống Bush mời những ông Đỗ Thành Công, thuộc đảng Dân Chủ Nhân Dân, Đỗ Hoàng Điềm, đảng Việt Tân, Lê Minh Nguyên, mạng lưới nhân quyền, Nguyễn Quốc Quân, thuộc Cao Trào Nhân Bản vào tòa Bạch Ốc nói chuyện. Hai ông Nguyễn Chính Kết và Đỗ Nam Hải ở Việt Nam được mời nhưng dĩ nhiên, Hà Nội không cho hai người này đi, thay vào đó là Lê Văn Bàng, đứng đầu toán “tiền trạm” để cứu vãn chuyến viếng thăm.

Tại Hoa Thịnh Đốn, Lê Văn Bàng đã gặp lại dân biểu Blumenauer nhờ vận động với tòa Bạch Ốc để có được giấy mời, đồng thời cũng thông báo là sẽ thả ba người bắt đồng chính kiến.⁽¹⁶⁾ Hai ông Nguyễn Vũ Bình và Lê Quốc Quân sau đó được trả tự do. Vì cũng muốn nâng tầm quan hệ với Việt Nam giúp cho lợi ích về kinh tế và quốc phòng, cuối cùng, chính phủ Bush đã gửi giấy mời chính thức để Nguyễn Minh Triết sang thăm Hoa Kỳ hai tuần sau (khác với nguyên thủ những nước khác là giấy mời được gửi trước một tháng).

Ngày 18-6-2007, Nguyễn Minh Triết mang theo một phái đoàn hùng hậu hơn 200 người đến New York, trong đó có Phạm Gia Khiêm, Đỗ Thiện Nhân, Đỗ Trung Tá... Phụ trách kiểm soát nhân viên phái đoàn là trung tướng công an Nguyễn Văn Hương. Con của điệp viên Phạm Xuân Ẩn là thông ngôn chính thức của phái đoàn. Ngày đầu tiên sau khi đến Mỹ, Nguyễn Minh Triết đến dự phiên tòa xử về tác động của chất độc da cam trên những bệnh nhân Việt Nam. Có lẽ sự hiện diện của ông ta đã gây một phản ứng trái ngược vì tòa án sau đó bãi bỏ vụ kiện. Ngày hôm sau, Nguyễn Minh Triết đến thăm tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki Moon, bàn về chuyện Việt Nam xin làm hội viên không thường trực trong hội đồng Bảo An trong năm tới, và ngày 22-6-2007, Nguyễn Minh Triết đến gặp Bush ở phòng làm việc vào buổi sáng.

Trong cuộc hội đàm giữa hai nguyên thủ, ngoài những vấn đề hợp tác kinh tế và chống khủng bố, tổng thống Mỹ mong muốn Việt Nam công khai ủng hộ lập trường của Hoa Kỳ đối với một số quốc gia như Bắc Hàn, Iran, Miến Điện, Sudan... Ông Triết nhân buổi hội đàm này cũng kêu gọi những người Mỹ gốc Việt ủng hộ chính quyền. Vấn đề nhân quyền và tự do dân chủ của người dân được tổng thống Bush nêu ra, nhưng vấn đề này được đặc biệt nhấn mạnh vào buổi chiều, khi Nguyễn Minh Triết đi thăm quốc hội lưỡng viện. Nhiều dân biểu, nghị sĩ đã lên tiếng chỉ trích, nhưng khi trả lời, ông Triết hoặc đã tránh né, hoặc giải thích theo lập luận của riêng

ông, nhất là luôn luôn nói ở Việt Nam không có tù chính trị. Khi được hỏi về việc bịt miệng linh mục Nguyễn Văn Lý, Nguyễn Minh Triết nói dối là việc đưa linh mục Lý ra tòa đã được sự đồng ý của hội đồng giám mục Việt Nam và Vatican. Lời nói dối này đã bị hội đồng giám mục Việt Nam, từng mang tiếng là đã bị “thuần hóa” cải chính và phản đối. Để tỏ thái độ bất bình, một tháng sau, ủy ban Đối ngoại Hạ viện của Hoa Kỳ đưa ra một dự luật mang số HR 3096 có tên “Dự Luật Nhân Quyền Năm 2007 cho Việt Nam”.

Sau khi rời Hoa Thịnh Đốn, Nguyễn Minh Triết ghé California ⁽¹⁷⁾ và sau đó sang Canada trước khi về nước. Do nhu cầu cần hợp tác của cả hai bên, dù còn có những quan điểm khác nhau, chuyến đi 6 ngày của ông tương đối đã đạt được một số kết quả. Về kinh tế, ông ký được những hợp đồng đầu tư vào Việt Nam trên 10 tỷ mỹ kim. Về ngoại giao, hai bên đã xích lại gần nhau thêm một chút.

Việc kết thân với Hoa Kỳ lần này dĩ nhiên cũng là một điều nhạy cảm đối với Trung Hoa và Việt Nam đã phải hết sức cẩn thận. Vì thế, ba tháng trước, tháng 3 năm 2007, Phạm Gia Khiêm sau khi ở Hoa Kỳ về đã vội phải bay sang Trung Hoa, đến tháng tư là Nguyễn Phú Trọng, và rồi Nguyễn Minh Triết đã phải sang Bắc Kinh gặp Hồ Cẩm Đào vào tháng năm, một tháng trước khi đi Mỹ. Ngoài ra, như một dấu hiệu tôn trọng Trung Hoa, vào tháng 6 năm 2007, Việt Nam ra lệnh không cho tàu y tế Peleliu được phép dùng trực thăng đưa bệnh nhân từ đất liền ra tàu để được giải phẫu.

Tàu y tế Peleliu là một tàu chiến (trước đây có tên Khe Sanh rời Đà Nẵng) được cải biến thành tàu bệnh viện có khả năng giải phẫu những trường hợp khó khăn, được Việt Nam mời đến Đà Nẵng. Tàu gồm 120 bác sĩ dân sự và sinh viên y khoa thiện nguyện thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, tình nguyện công tác cho những bệnh nhân trong vùng Đông Nam Á. Trước khi sang Việt Nam, tàu đã vừa phục vụ ở Phi Luật Tân. Dù sở trường của đoàn y tế trên tàu là giải phẫu, nhưng Việt Nam đã cấm đoán những hành động thiện nguyện nhân đạo này để chứng tỏ với Trung Hoa giới hạn của họ trong việc kết thân với Hoa Kỳ.

Tuy thế, Trung Hoa vẫn không bằng lòng. Để cảnh cáo, trong thời gian này, họ lại dùng uy thế nước lớn để bắt chẹt Cộng sản Việt Nam.

Trước hết, vào tháng 5 năm 2007, họ áp lực với hãng dầu BP của Anh quốc để hủy bỏ hợp đồng thăm dò tài nguyên dầu khí tại một vùng biển phía nam Trường Sa, nói là vùng biển đó thuộc chủ quyền của họ. Dù Việt Nam có phản đối nhưng hợp đồng trên một tỷ mỹ kim đó cũng đã bị mất. Trung Hoa tuy không tiến chiếm vùng biển nhưng cảnh cáo là Việt Nam phải hợp tác với họ nếu muốn tiếp tục khai thác.

Sau đó, vào ngày 3-7-07, gần vùng biển tranh chấp, một tàu đánh cá của Việt Nam bị tàu hải quân Trung Hoa săn đuổi, bắn chết một ngư dân và làm bị thương nhiều người khác. Theo giáo sư Thayer, một chuyên gia về Việt Nam thuộc học viện Quốc Phòng Úc, trong vụ này, một tàu chiến BPS mà Việt Nam mới mua của Nga cũng có mặt nhưng đã phải tránh né đứng ở xa vì thấy hỏa lực của tàu chiến Trung Quốc mạnh hơn nhiều. Ông cũng đặt câu hỏi là *“tại sao chính quyền Việt Nam không chính thức phổ biến tin này trên truyền thông, báo chí vì những công dân Việt Nam bị xâm hại bằng những vũ khí tối tân trong khi họ không có phương tiện tự bảo vệ trong vụ này”*. ⁽¹⁸⁾ Cũng như những việc bắn giết hai năm trước, việc bắn giết này bị chính phủ bưng bít nhiều ngày. Chỉ sau khi hãng tin Kyodo của Nhật hỏi Phạm Gia Khiêm rồi các đài Á Châu Tự Do cùng các cơ quan truyền thông ngoại quốc loan báo thì thông tấn xã Việt Nam mới phổ biến một đoạn tin ngắn là Vũ Dũng đã gặp Vũ Đại Vỹ từ 21 đến 23 tháng 7. Kết quả của cuộc thảo luận vẫn là một điều mơ hồ rằng hai bên *“nhất trí sẽ nghiêm chỉnh thực hiện nhận thức chung đã đạt được giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, xử lý thỏa đáng vấn đề trên biển, gìn*

giữ ổn định trên biển Đông”, còn Tân Hoa Xã thông báo vẫn tắt hơn, không nhắc nhở đến việc bắn giết người trên biển.

Khoảng hơn một tuần sau khi Nguyễn Minh Triết về đến Việt Nam, hội nghị trung ương đảng CSVN lần thứ 5 (khóa X) được họp từ ngày 5 đến 19 tháng 7, 2007 và đã thảo luận về năm vấn đề:

1. Công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước nhu cầu mới.
2. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát của đảng.
3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác lãnh đạo của đảng.
4. Cải tổ hành chính bộ máy nhà nước.
5. Thay đổi nhân sự trong chính phủ

Trong mục tiêu thứ tư, cải tổ hành chính, số bộ trong chính phủ và các cơ quan ngang bộ (như các ủy ban), sẽ giảm xuống từ 29 xuống 22. Hai bộ Thủy Sản và Nông Nghiệp trước kia được sát nhập thành bộ Nông Nghiệp và Phát Triển Nông thôn. Hai bộ Công nghiệp và Thương Mại trở thành bộ Công Thương. Các ủy ban Dân Số, Gia Đình, Thể Dục Thể Thao... được sát nhập vào các bộ khác. Riêng về việc kiểm soát báo chí, trước kia thuộc bộ Văn Hóa Thông Tin, nay được giao về bộ Bưu chính Viễn thông, cải danh thành bộ Thông tin Truyền thông. Bộ Tài Nguyên, Môi Trường được cải tiến thành Tài Nguyên, Môi Trường và Biển.

Về nhân sự, Nguyễn Tấn Dũng đã đề nghị thêm hai phó thủ tướng là Nguyễn Thiện Nhân và Hoàng Trung Hải. Đây là hai người trẻ tuổi, từng du học ở Tây phương và đã chứng tỏ khả năng khi làm việc ở bộ Giáo dục và bộ Kỹ nghệ. Nguyễn Thiện Nhân từng học ở Đức và tu nghiệp tại Harvard, còn Hoàng Trung Hải học ở Á Nhĩ Lan.

Việc cải tổ nội các này được coi như một sự lên cấp đặc biệt đối với Nguyễn Thiện Nhân, người mới làm bộ trưởng một năm và là một sự xuống cấp đối với Nguyễn Sinh Hùng. Trước đó, Nguyễn Sinh Hùng là phó thủ tướng thường trực, coi như chỉ dưới Nguyễn Tấn Dũng, nhưng sau hội nghị trung ương lần thứ 5, Nguyễn Tấn Dũng công khai tuyên bố quyền hạn năm phó thủ tướng ngang nhau, không ai quan trọng hơn người khác. Ngoài ra, có tin đồn Nguyễn Tấn Dũng muốn chuyển Nguyễn Sinh Hùng sang làm chủ tịch quốc hội, thay Nguyễn Phú Trọng, còn Nguyễn Thiện Nhân kiêm bộ Ngoại Giao thay Phạm Gia Khiêm. Do hậu thuẫn của phe bảo thủ, của Nguyễn Phú Trọng (chưa muốn mất chức) và của Hồ Đức Việt, trưởng ban tổ chức đảng cũng cùng quê quán Nghệ An, Nguyễn Sinh Hùng cuối cùng được giữ lại, Nguyễn Thiện Nhân cũng không được làm Ngoại Trưởng.

Chính phủ mới của Nguyễn Tấn Dũng gồm có:

- Thủ tướng: Nguyễn Tấn Dũng.
 - Năm phó thủ tướng: Trương Vĩnh Trọng, Nguyễn Sinh Hùng, Phạm Gia Khiêm, Nguyễn Thiện Nhân, Hoàng Trung Hải.
 - Bộ trưởng Công An: Lê Hồng Anh
 - Bộ trưởng Quốc Phòng: Phùng Quang Thanh
 - Bộ trưởng Ngoại Giao: hạm Gia Khiêm
 - Bộ trưởng Công Thương: Vũ Huy Hoàng (bí thư tỉnh ủy Lạng Sơn).
 - Bộ trưởng Thông Tin Truyền Thông: Lê Doãn Hợp (từng là bộ trưởng Văn Hóa Thông Tin).
- Như vậy, chính sách kiểm soát báo chí sẽ không có gì thay đổi. Sự sát nhập báo chí vào truyền thông là để cho sự kiểm soát báo chí trên mạng lưới điện tử được hữu hiệu hơn, nhất là để kiểm soát những “nhật ký điện tử” — blog.
- Bộ trưởng bộ Văn Hóa Thể Thao: Hoàng Tuấn Anh, là tổng cục trưởng Tổng Cục Du Lịch.

- Bộ trưởng Y Tế: Nguyễn Quốc Triệu, đang là chủ tịch ủy ban nhân dân TP.Hà Nội
- Bộ trưởng Nội Vụ: Trần Văn Tuấn
- Bộ trưởng Kế Hoạch Đầu Tư: Võ Hồng Phúc
- Bộ trưởng Tư Pháp: Hà Hùng Cường
- Bộ trưởng Tài Chính: Vũ Văn Ninh
- Bộ trưởng Giáo Dục: Nguyễn Thiện Nhân
- Bộ trưởng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn: Cao Đức Phát
- Bộ trưởng Giao Thông Vận Tải: Hồ Nghĩa Dũng
- Bộ trưởng Xây Dựng: Nguyễn Hồng Quân
- Bộ trưởng Tài Nguyên, Môi Trường và Biển: Phạm Khôi Nguyên
- Bộ trưởng Lao Động, Thương Binh Xã Hội: Nguyễn Thị Kim Ngân
- Bộ trưởng Khoa Học Công Nghệ: Hoàng Văn Phong.
- Chủ nhiệm văn phòng chính phủ: Nguyễn Xuân Phúc.
- Chủ nhiệm ủy ban Dân Tộc: Giàng Seo Phử
- Thống đốc Ngân Hàng: Nguyễn Văn Giàu
- Tổng thanh tra chính phủ: Trần Văn Truyền.

Như một biểu tượng về công lý xã hội chủ nghĩa, ngành tư pháp của Việt Nam được giao cho Trương Hòa Bình⁽¹⁹⁾, thứ trưởng Công An, được thăng chánh án tòa án Nhân Dân Tối Cao. Nguyễn thị Doan, đang là phó ban kiểm tra trung ương đảng được cử lên làm phó chủ tịch Nhà Nước như một hình thức nâng đỡ phụ nữ.

Danh sách nhân viên chính phủ của Nguyễn Tấn Dũng được đưa ra quốc hội chấp thuận ngày 2-8-07. Quốc hội này mới được bầu 2 tháng trước. Dù lần bầu cử này, chính quyền để cho 230 người tự nộp đơn ứng cử không phải thông qua đảng và Mặt Trận Tổ Quốc, nhưng đảng đã loại 200 người. Trong 30 người còn lại, chính quyền chỉ để cho 1 người trúng cử. Một trong ba mươi người thất cử đó là Lê Kiên Thành, con trai Lê Duẩn và một trong 500 người trúng cử là Nông Quốc Tuấn, con trai Nông Đức Mạnh, trúng cử ở Sơn La.

Trong lúc đại biểu quốc hội chuẩn bị họp tại Hà Nội để giơ tay nhất trí với những đường lối của đảng thì tại văn phòng quốc hội 2, quận Phú Nhuận, TP.HCM, từ ngày 22-6-2007, hơn một ngàn nông dân bị truất hữu, cướp đoạt ruộng đất từ nhiều tỉnh miền Nam (Long An, Tiền Giang, An Giang, Kiên Giang, Vĩnh Long, Bến Tre ...) đã kéo lên tụ họp, đòi hỏi quốc hội cũng như chính phủ trung ương can thiệp. Không một đại biểu quốc hội hay viên chức chính phủ nào đến tiếp xúc, người dân phải dựng những lều bạt thô sơ che mưa nắng chờ đợi nhiều ngày đòi hỏi được giải quyết. Họ biểu tình tuần hành trong khu vực, căng biểu ngữ phản đối..

Công an đã dùng mọi biện pháp đối phó: cấm phóng viên nhà báo, phong tỏa khu vực để không cho người biểu tình có phương tiện giải quyết những nhu cầu vệ sinh cá nhân, bắt giam và đánh đập một số người, khuyến dụ người biểu tình trở về và nói là địa phương sẽ giải quyết. Dĩ nhiên những khuyến dụ của công an không lừa gạt được ai và nông dân bị mất đất oan ức vẫn kiên trì chịu đựng nắng mưa khổ cực, đói khát, bệnh tật... nhiều ngày, mong được giải quyết. Hòa thượng Quảng Độ cũng bắt chọt vượt vòng vây công an đến ủy lạo và giúp đỡ những người khiếu kiện.

Thật ra, đây không phải là lần đầu tiên nông dân khiếu nại. Kể từ khi có luật đất đai năm 2003, khắp nơi đều có những trường hợp oan ức. Do chế độ mà quyền lực nằm trong tay đảng, luật pháp chỉ là hình thức. Lấy lý do cần “giải phóng mặt bằng” để xây công sở, trường học, đường xá...hay phát triển kinh tế, chính quyền địa phương khắp nơi lập nên những “dự án ma”, ép nông dân bán đất với giá rẻ mạt, sau đó có thể bán lại hoặc cho những doanh nghiệp thật, hoặc cho người nhà, hoặc cho những “doanh nghiệp ma” với giá gấp hàng trăm lần. *Tờ Tuổi Trẻ*

ngày 8-7-2006 đăng lại lời của Trịnh Xuân Thu, thiếu tướng công an, phó tổng cục trưởng Tổng Cục An Ninh phụ trách an ninh nông thôn: “*Cán bộ địa phương bán đất công bừa bãi như bán mớ rau, con cá. Tỉnh nào cũng có chuyện chính quyền cấp cơ sở bán đất vô tội vạ. Ngay giữa thủ đô Hà Nội cũng bán đất vô tội vạ. Các kiểu tham nhũng đất đai thì muôn hình vạn trạng*”. Trước tình trạng đó, bộ Tài Nguyên Môi Trường đã lập nhiều đoàn công tác xuống tận cơ sở để giải quyết, nhưng vì “*không có sự nhất trí trong cách giải quyết giữa đoàn với lãnh đạo địa phương*” nên khi đoàn công tác ra về, cán bộ lãnh đạo địa phương tiếp tục giải quyết theo cách của họ. Trên diễn đàn quốc hội, bộ trưởng Tài Nguyên Môi Trường là Mai Ái Trục phân trần “*Với cơ chế của chúng ta, bộ trưởng cũng không có quyền xử lý đối với cán bộ địa chính cấp xã làm sai*”.

Do cơ chế đó, không một nhân viên chính phủ, không một đại biểu quốc hội nào đến tiếp xúc với người dân khiếu kiện, và rồi, gần một tháng sau, vào đêm 18-7-07, lợi dụng đêm tối, hàng ngàn công an giả dạng làm nhân viên đoàn thể (công đoàn, phụ nữ, học sinh) bao vây, đàn áp, bắt bớ rồi chuyên chở tất cả những người biểu tình hoặc vào tù, hoặc về địa phương, nơi mà chính Trịnh Xuân Thu đã phải nhận xét là chính chủ tịch tỉnh cũng dính líu đến những vụ “*ăn đất*”. Thứ trưởng bộ Công An Thi Văn Tám sau đó giải thích là chỉ bắt 13 “*đối tượng cầm đầu, xúi dục, có liên quan tới các tổ chức phản động ở nước Ngoài*” còn tất cả người khiếu kiện đều đã “*được thuyết phục và tự ý trở về địa phương*”.

Đại hội đảng CSVN thứ X diễn ra với nhiều kỳ vọng, vì ảnh hưởng của Đỗ Mười, Lê Đức Anh đã phai nhạt, và những người lãnh đạo tiếp nối tương đối trẻ, nhất là trong nội các mà Nguyễn Tấn Dũng vừa cải tổ.

Do những điều kiện khách quan và để sống còn, chính quyền trên thực tế đã phải bỏ rơi chủ nghĩa Mác và mỗi ngày một cởi mở hơn về kinh tế để Việt Nam có thể hội nhập với đà tiến bộ toàn cầu. Sự kiện kinh tế Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển là một sự kiện tích cực, đáng mừng, nhưng vì đảng cộng sản vẫn là một đảng siêu quyền lực trong đó các cấp lãnh đạo bao che nhau để khống chế nhân dân, những lạm của công, sự chênh lệch giàu nghèo ngày càng xa. So sánh với những nước trong vùng, Việt Nam vẫn ở tình trạng tụt hậu. Để sống còn, họ e sợ những tiến trình dân chủ, cho nên về đối nội, họ tiếp tục bóp nghẹt tự do ngôn luận, báo chí, tôn giáo, đàn áp những người bất đồng chính kiến. Về đối ngoại, họ phải cầu cạnh Trung Hoa, để cho Trung Hoa mỗi ngày một lấn tới mà không có biện pháp nào khả dĩ hữu hiệu để chống đỡ. Khi mà đảng CSVN vẫn muốn duy trì tình trạng độc tôn để đảng viên hưởng đặc quyền đặc lợi, tình trạng tham nhũng, đàn áp thì tình trạng bị Trung Hoa áp chế kể trên còn tiếp tục.

Chú thích

(1)— *Trích Đối Sách Của Bộ Công An - website Đối Thoại*

(2)— *Lý do bộ Chính Trị và ban bí thư không bầu được đủ số: Vì những chính sách hay điều động nhân sự quan trọng cần có sự “nhất trí”, nên trong những hội họp của đảng, những phe phái mặc cả hay dàn xếp với nhau. Khi mặc cả không xong và không được sự nhất trí, vấn đề được gác lại.*

(3)— *Đào Duy Quát, thường trực phó ban TTVH cho Tô Huy Rứa. Đào Duy Quát, con của Đào Duy Tùng, dù đã có gia đình, là tình nhân của cố ca sĩ Lê Dung.*

(4)— *Trong một buổi gặp gỡ những “anh hùng lao động” và “chiến sĩ thi đua”, Nguyễn Thị Hằng là một chiến sĩ thi đua trong một tổ hợp đàn côi ở Thanh Hóa nổi bật về nhan sắc nên lọt vào mắt xanh của Xuân Thủy nên từ đó được nâng đỡ. (Việt Thường, www.hungviet.com)*

(5)— *Tài liệu của Vy Thanh, một trí thức cựu đảng viên trong cuốn Lớn Lên Với Đất Nước.*

(6)— Về việc những cán bộ tập kết sau 1954 không được lấy thêm vợ đã nêu trường hợp Lê Duẩn và Lê Đức Thọ ra để khiếu nại, theo ông Bùi Tín, Hồ Chí Minh đã trả lời rằng lúc đó chưa có luật nên “xí xóa”. Sau này có luật nên không được.

(7)— Việc Phạm Huy Thông, một giáo sư sử học, lem nhem với vợ Võ Nguyên Giáp, Hà Nội đã có bài về:

Một tay bóp méo sử nhà

Một tay nắm bóp lệnh bà tướng quân.

(8) – Tác giả Hoàng Dũng, một cán bộ từng làm việc tại văn phòng trung ương đảng trên mạng ykien ngày 29-10-06 có nói ông còn gặp Nguyễn Tiến Thắng, em của Nguyễn Tấn Dũng cũng là con Nguyễn Chí Thanh. Ông còn ghi rõ số điện thoại của Thắng trong năm 2001. Theo Roger Mitton của WNUS Reports, Nguyễn Tấn Dũng trước khi làm sĩ quan quân y đã từng được gửi đi học ở Quảng Tây

(9) - Theo ông Đỗ Thành Công, hoạt động của ông và người trong đảng bị bại lộ vì công an len lỏi đọc trộm điện thư. Được sự yểm trợ dồi dào, bộ công an có rất nhiều tiền và phương tiện, nhờ thế mà mua chuộc được nhiều trí thức, kể cả giáo sư đại học, làm việc cho họ. Người phụ trách kỹ thuật đọc trộm điện thư cho công an để giúp họ bắt bớ những người chống đối là Nguyễn Từ Quảng, giáo sư đại học Bách Khoa Hà Nội (kiêm giám đốc an ninh mạng cho công an) và Nguyễn Trung Ngọc, giáo sư toán tại đại học Khoa Học TP.HCM.

(10) - Luận điệu lật lọng của cộng sản được biểu hiện qua luận điệu thay đổi của Tố Hữu với nhóm Nhân Văn Giai Phẩm: Trong bài *Sự Thật Ở Đâu*, Hoàng Tiến viết: “Trong cuốn *Qua Cuộc Đấu Tranh Chống Nhóm Phá Hoại Nhân Văn Giai Phẩm*, nhà xuất bản Văn Hóa năm 1958, Tố Hữu viết “...trong cái công ty phản động Nhân Văn Giai Phẩm ấy thật sự đủ mặt các loại biệt kích: từ bọn Phan Khôi mật thám cũ của thực dân Pháp đến bọn gián điệp Thụy An, từ bọn Trót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo đến bọn phản đảng Nguyễn Hữu Đang, Trần Dân, Lê Đạt...”. Ba mươi sáu năm sau, trong bài *Nhà Thơ Tố Hữu Tâm Sự* với Nhật Hoa Khanh, ông ta “tâm sự” về Phan Khôi “Muốn hay không, cụ cũng đã có một vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học nước ta”, và về Trương Tửu “có năng lực đặc biệt về phê bình và lý luận văn học, không thể tùy tiện qui kết anh là cơ hội, là trót kít”, về Trần Đức Thảo “là một mẫu mực của lòng say mê nghiên cứu và sáng tạo vì độc lập dân tộc và CNXH trên lĩnh vực triết học..”, còn về Nguyễn Hữu Đang: “suốt đời trung thành với bác Hồ và với lý tưởng độc lập tự do...” và về Trần Dân, Văn Cao, Lê Đạt, Hoàng Cầm, Phùng Quán, Quang Dũng: “Tất cả sáu anh đều là những nhà văn nghệ luôn luôn giữ vững phẩm vàng đạo đức của người cầm bút...”

(11) - Đây chỉ là một ví von bóng bẩy thuộc loại “mước mắt cá sấu” vì thật ra Chu Du chết trước Không Minh. Tuy mấy năm gần đây, Hoàng Tùng có viết sách bài bác Mác-xít, nhưng cho tới 1980, Hoàng Tùng vẫn là một lý thuyết gia cộng sản trung kiên. Nguyễn Hữu Đang từng bị Hồng Văn bôi nhọ trong báo Văn Nghệ tháng 5/1958: “hắn chỉ là một tên khiêu khích gian ngoan và hiểm độc, đi vào cách mạng để tìm danh lợi địa vị”

(12) - Nguyễn Khánh Toàn là con rể Phan Trọng Tuệ, từng là chính ủy quân khu IX rồi bộ trưởng Bộ Giao Thông. Chiếm được miền Nam, Phan Trọng Tuệ được chia một căn nhà có sân lớn ở 32A Trương Định, quận 2, TP.HCM. Tuệ và Toàn lấy một nửa thửa đất ở đó xây thêm một ngôi nhà lớn, đã cho thuê nhiều năm. Nhà còn lại do vợ chồng Phan Trọng Tuệ ở. Sau khi hai người này chết, vợ chồng Toàn được thừa hưởng cả hai nhà, ngoài ra còn có 1 căn ở số 6, Trần Nãi, TP.HCM, nhưng đến năm 2004, Toàn lại khai là không nhà cửa định xin thêm một căn nữa (thư tố cáo của ông Lê Văn Kiểm thuộc sở địa chính (xây dựng) TP.HCM.

(13) - Nguyễn Tấn Dũng sau đó dính chính là con ông ta không lấy Việt kiều. Đây là điều tối kỵ của các lãnh tụ cộng đảng nhưng vẫn xảy ra, chẳng hạn con gái Lê Duẩn lấy một ông thầy

người Nga, sau đó bị chết trong một trường hợp bí ẩn. Qua hồi ký của cựu đại tá Võ Đại Tôn, trong trại giam ông có gặp một người tù tên Tô Cẩm Sơn, bạn học với Nguyễn Hữu Thọ bên Pháp. Sau 1975, ông Sơn về nước chơi rồi bị bắt không lý do, không xét xử. Ông ta đoán có lẽ vì ông biết và đã loan truyền chuyện con của Nguyễn Hữu Thọ có một người lấy Mỹ, một người lấy Pháp. Con trai của Nguyễn Tấn Dũng từng học ở đại học George Washington, con gái học ở Thụy sĩ. Để đòi thọ việc du học tốn kém cho con, với lương chính thức của thủ tướng chưa đến 1000 mỹ kim một tháng, Nguyễn Tấn Dũng nói là con ông ta được học bổng. Diện học bổng này có lẽ nằm trong “chế độ đãi ngộ” cho cán bộ lãnh đạo.

(14) – Trong một bài tự sự của Trần Khải Thanh Thủy viết về thân phụ của bà, một người đã có 38 tuổi đang nằng nặc xin ra khỏi đảng, trước khi chết đã trối lại: “Bỏ ra đi hận vì mình chưa làm gì cho được cho mẹ và các con, chỉ u mê ảo tưởng, lầm lạc về một lý tưởng bị bội phản, hy vọng thế hệ các con không dễ bị đầu độc như vậy”

(15) - Một trong những lý do khiến chính quyền Bush trở nên quan tâm về nhân quyền và dân chủ ở Việt Nam, Ngoài những hành động thô bạo của Việt Nam, là sự thất thế của đảng Cộng Hòa trong kỳ bầu cử quốc hội mới đây. Cộng đồng Việt Nam tuy tương đối nhỏ bé, thường thường thiên về Cộng Hòa đã ngã sang Dân Chủ và đã góp phần cho việc đảng Dân Chủ nắm đa số ở thượng viện khi giúp cho ông James Webb thắng cử khiêu khạo tại tiểu bang Virginia.

(16) - Theo DCVOnline, Hà Nội định lừa bịp khi mưu toan cho tên của Nguyễn Đình Hoan, một Việt kiều về Việt Nam hợp tác làm ăn bị bắt bỏ tù về tội lường gạt vào danh sách 3 người này, nhưng do cộng đồng Việt Nam biết được và phản đối, bộ ngoại giao Mỹ đã nói cho Hà Nội biết việc làm như thế là không trung thực và thiếu minh bạch. (Phần lớn tài liệu trong giai đoạn này đều đã được trích từ DCVOnline).

(17) - Trong một bữa tiệc với Việt kiều thân cộng tại Dana Point, Orange County, Nguyễn Minh Triết cũng có mời Nguyễn Cao Kỳ. Do việc làm ăn của bà vợ mới (từng là vợ nhân viên cấp dưới của Kỳ), mấy năm trước Nguyễn Cao Kỳ trở về Việt Nam làm ăn và dĩ nhiên, phải tìm cách lấy lòng chính quyền cộng sản. Nhờ công lao này, Kỳ được cho ngồi cùng bàn với cặp vợ chồng Nguyễn Minh Triết và Trần Kim Chi, nhưng vợ Kỳ lại không được phép ngồi cùng.

(18) – Câu hỏi của Thayer chỉ có tính cách tượng trưng nhằm nhấn mạnh vấn đề. Là một chuyên gia ngoại quốc hàng đầu về Việt Nam, ông dự biết thái độ rụt rè khó xử của những người Cộng sản khi phải đối phó với những hành vi lấn lướt của Trung Hoa.

(19) - Trương Hòa Bình từng là phó giám đốc Công an TP.HCM trong thời gian Bùi Quốc Huy làm giám đốc. Nhờ Nguyễn Khánh Toàn che chở và giúp đỡ, Trương Hòa Bình thoát khỏi vụ án Năm Cam và lên làm tổng cục trưởng tổng cục III (Xây dựng) của bộ Công An, sau đó làm thứ trưởng rồi vào trung ương đảng. Một sĩ quan công an là đại tá Nguyễn Văn Đô tố cáo Trương Hòa Bình hách dịch, cửa quyền, thoái hóa, biến chất, đã bỏ lọt tội phạm và xử chìm xuống nhiều vụ án. Một sĩ quan công an khác, thượng tá Bùi Xuân Sinh thì ngạc nhiên là Trương Hòa Bình luôn khoe có thạc sĩ luật nhưng chưa bao giờ thấy đi học. Ngoài chức chánh án, Trương Hòa Bình còn có thể được cử làm chủ tịch liên đoàn võ thuật Vovinam Việt Nam

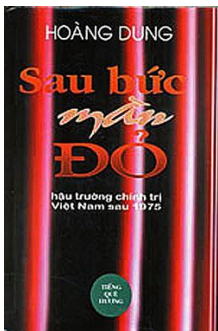
Sau bức màn đỏ: Hoàng Dung
Hoàng Nhất Phương



Tác Giả
Hoàng Nhất Phương

Tháng Tư năm 1975, khi những người cộng sản tiến vào Sài Gòn “giải phóng Miền Nam,” kết thúc cuộc nội chiến kéo dài 21 năm giữa hai miền Nam-Bắc. Gần bốn mươi năm sau, nhiều tài liệu mật được công bố, và nhiều quyển sách viết về cuộc chiến tại Việt Nam, trong đó có “Sau Bức Màn Đỏ: Hậu Trường Chính Trị Việt Nam Sau Năm 1975” của tác giả Hoàng Dung, cho thấy điều gọi là “công cuộc giải phóng Miền Nam” do những người Cộng Sản Việt Nam tiến hành, thật sự không phải vì Việt Nam, mà vì Liên Xô muốn đưa Chủ Nghĩa Cộng Sản vào Việt Nam, muốn biến Việt Nam thành tiền đồn của phe Xã Hội Chủ Nghĩa ở Đông Nam Á. Viết về cuộc chiến “giải phóng Miền Nam” do Miền Bắc khởi xướng, nhà sử học Douglas Pike nhận xét: “Trong lúc phát triển khái niệm đấu tranh, Việt Nam đã cách mạng hóa nghệ thuật chiến tranh, đặt nó vào một “khuôn khổ khái niệm” hoàn toàn mới. Trong khuôn khổ này, chiến tranh tâm lý cũng ngang hàng với chiến tranh vũ trang. Giờ đây toàn dân là chiến trường, và truyền thông - nghệ thuật tuyên truyền bằng hình ảnh - chính là vũ khí.” [“Pike’s thesis is that in developing the concept of dau tranh the Vietnamese have revolutionized the art of war, giving it an entirely new “conceptual framework.” In this framework, psychological warfare has parity with armed warfare. The entire people are now the battlefield, and communication--the art of projecting an image--is the weapon.”] [1]

“Sau Bức Màn Đỏ: Hậu Trường Chính Trị Việt Nam Sau Năm 1975” dày 456 trang của Hoàng Dung, là quyển sách thứ 33 do Tủ Sách Tiếng Quê Hương xuất bản năm 2007. Tác giả tên thật là Hoàng Xuân Trường, là bác sĩ y khoa cư ngụ tại Washington D.C. Ông sinh trưởng tại Miền Bắc Việt Nam, theo gia đình di cư vào Miền Nam sau Hiệp Định Geneva năm 1954, học Trung Học Chu Văn An, Đại Học Y Khoa Sài Gòn và trở thành bác sĩ quân y. Ông từng có mặt tại chiến trường bên cạnh các chiến sĩ Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, trong những năm khốc liệt nhất của chiến tranh kéo dài đến năm 1975. Ông bị đi học tập cải tạo tại nhiều trại tù cộng sản trước khi được thả, và đã vượt biển để tìm tự do. Có thể nói tác giả Hoàng Dung đã từng trải đầy đủ những đoạn đường đau khổ của một người Việt Nam, đã “khóc cười theo vận nước nổi trôi” của giòng lịch sử giống như những người ở trong lứa tuổi của ông.



Bìa trước tác phẩm *Sau Bức Màn Đỏ*

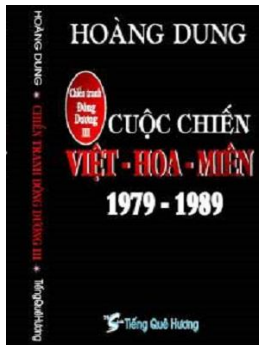
Nội dung của “Sau Bức Màn Đỏ” nói về những dữ kiện và những biến chuyển trong Đảng Cộng Sản Việt Nam, kể từ ngày 30 tháng 4 năm 1975. Đằng sau những điều mọi người từng biết về chế độ cộng sản là gì? Đây chính là cốt lõi vấn đề của “Sau Bức Màn Đỏ.” Tác giả trình bày đại cương về Tổ Chức của Chính Quyền Cộng Sản Việt Nam, và cho thấy: “ Tổ chức hành chánh của những quốc gia Cộng Sản có một số khác biệt, theo đó, đảng Cộng Sản là đảng độc tôn và duy nhất, nắm thực quyền lãnh đạo tất cả các cơ quan, các ngành, kể cả quân đội của quốc gia. Tất cả những nhân vật lãnh đạo chính quyền đều phải là đảng viên. Trong những cơ quan cấp thấp hơn, dù đôi khi vì khả năng mà không ở địa vị lãnh đạo, đảng viên vẫn là những người có quyền lực và dễ được thăng tiến nhất. Song song với những ban lãnh đạo đơn vị hành chánh hay quân đội từ cấp lớn đến cấp nhỏ, có những đơn vị đảng ủy cơ quan, chẳng hạn quận ủy, tỉnh ủy, chính ủy trung đoàn, sư đoàn...” [2]

Những diễn biến quan trọng nhất của đảng là các kỳ đại hội, được ghi lại trong “Sau Bức Màn Đỏ” từ Chương 1 đến Chương 7 - nói về những gì xảy ra sau bảy đại hội đảng, từ đại hội đảng lần thứ tư năm 1976, đến đại hội đảng lần thứ mười năm 2006. Phần mục lục bao gồm những bài viết về mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam và hai nước láng giềng Campuchia ở phía Tây Nam và Trung Quốc ở phía Bắc, với hai cuộc chiến biên giới năm 1979. Từng sự kiện nối tiếp nhau đan kết thành bức tranh toàn cảnh của hậu trường chính trị, là nguyên nhân sâu xa và trực tiếp đối với những thay đổi trong nền chính trị Việt Nam, đối với những bước thăng trầm và sóng gió từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975. “Bộ Chính Trị của đảng là cơ quan có quyền lực nhất nước. Chính Bộ Chính Trị thành lập chính phủ, đề cử Chủ Tịch Nhà Nước để cho Quốc Hội chấp thuận. Bộ Chính Trị cũng đề ra chính sách để chính phủ thi hành. Nhiều khi, ủy viên Bộ Chính Trị còn phổ biến thông tư hay chỉ thị cho từng đơn vị, từng cơ quan để thi hành qua hệ thống đảng ủy mà không cần qua hệ thống hành chánh. Sự quan trọng của mỗi ủy viên Bộ Chính Trị sẽ tùy theo thứ tự cao thấp trong danh sách, cao nhất là Tổng Bí Thư. Tuy nhiên, do tệ nạn bè phái, đôi khi có những ủy viên Bộ Chính Trị dù ở thứ tự cao cũng không có thực quyền, chẳng hạn trong thời gian Lê Duẩn làm Tổng Bí Thư, Lê Đức Thọ (thứ 6) là người có quyền hành nhiều hơn Trường Chinh (thứ 2) hay Phạm Văn Đồng (thứ 3)...” [2]

Chính vì Bộ Chính Trị của đảng là cơ quan có quyền lực nhất nước, dưới chế độ đảng trị quyền lợi đi đôi với chức vụ, cho nên những tranh chấp nội bộ của các lãnh tụ Cộng Sản luôn diễn ra. Bề ngoài đảng là một khối đoàn kết nhất trí, nhưng bên trong ngầm ngầm chia bè kết phái rất khốc liệt. Tác giả Hoàng Dung viết: “Trong đảng Cộng Sản Việt Nam, sự tranh giành quyền lực trong bóng tối tuy không dã man như thời Staline, tàn bạo như thời Mao Trạch Đông, nhưng những thủ đoạn được dùng cũng rất tinh vi. Trong những năm gần đây, sự tranh giành quyền hành được coi như xảy ra giữa hai phe nhóm (hay bè phái) trong đảng, tạm gọi là bảo thủ và tiến bộ (đúng hơn là thực dụng). Hai từ ngữ bảo thủ và tiến bộ này đúng ra chỉ áp dụng được về phương diện kinh tế. Ông Đặng Văn Việt, anh hùng quân đội Cộng Sản trong chiến tranh Đông Dương I, năm 2006 đã phân biệt hai xu hướng chính trị ở Việt Nam đúng nghĩa hơn như sau: ‘bảo thủ là những người có chức, có quyền, có thể bắt bớ và gán tội người khác, còn tiến bộ là những người không chức không quyền, chỉ có ngòi bút và cái mồm.’” [2]

Đảng Cộng Sản Việt Nam luôn hãnh tiến và cả tin vào thế chủ động tiến công của ba giong thác cách mạng - một khái niệm chính trị do Tổng Bí Tư Lê Duẩn đề ra đầu thập niên 1980. Ba giong thác cách mạng này là cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng văn hóa tư tưởng, và cách mạng khoa học kỹ thuật. Trong hàng thập kỷ qua dưới ba giong thác cách mạng của chế độ đảng trị, xã hội Việt Nam đã phát triển đầy hy vọng, hay đã thụt lùi một cách tuyệt vọng như thế nào, đều được phân tích trong “Sau Bức Màn Đỏ”. Tác giả Hoàng Dung hy vọng quyền sách giúp người Việt có cái nhìn tổng quát và thứ tự, đối với những điều thuộc về lịch sử.

Độc Cuộc chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989 của Hoàng Dung Trịnh Bình An



Tủ Sách Tiếng Quê Hương vừa cho ra đời tác phẩm **Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989** vào những ngày đông giá rét 2013, đúng vào lúc nổ ra những sự kiện đáng báo động trên hai nước Lào và Campuchia (Cao Miên) có tầm ảnh hưởng sâu rộng tới Việt Nam.

Sự kiện thứ nhất là việc tiến hành xây dựng con đập Xayaburi trên dòng chảy chính của sông Mekong. Nếu đập thủy điện này được đưa vào sử dụng sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới dòng chảy của sông Mekong cùng độ màu mỡ của vùng đồng bằng Cửu Long, đe dọa an ninh lương thực của hàng triệu người dân Việt Nam và Campuchia. Chính phủ CS Lào không ngừng xây dựng con đập này dù đã bị phản đối quyết liệt từ phía Việt Nam-Campuchia và nhiều tổ chức bảo vệ môi trường.

Sự kiện thứ hai là việc hàng trăm ngàn người dân Campuchia xuống đường trong tháng 12/2013 ủng hộ phe đối lập biểu tình chống Thủ Tướng Hun Sen, trong đó có việc phản đối chính phủ cấp đất cho các công ty từ Việt Nam phá rừng trồng cao su tại xứ chùa Tháp. Tổ chức Global Witness đã tố cáo công ty Hoàng Anh Gia Lai và Tập Đoàn Công Nghiệp Cao Su đã được phân bổ tổng cộng hơn 280.000 héc-ta đất để dựng đồn điền cao su ở Lào và Campuchia; những người dân sống trên các khu đất này bị đuổi ra khỏi nhà mà không được bồi thường thỏa đáng hoặc không được bồi thường chút nào.



Việt Nam, Lào và Campuchia là ba nước có biên giới sát kề nhau, cùng chia sẻ dòng sông Mekong trù phú, cùng từng chịu ách thống trị của Pháp, và rồi cùng bị nhuộm đỏ sau Tháng Tư 1975. Cả ba đảng cộng sản cùng chung cái-gọi-là “tình đồng chí anh em” luôn được các cán bộ ĐCSVN lái nhải tuyên truyền là “sức mạnh liên minh chiến đấu bền vững và lâu dài” (1).

- Vậy tại sao bỗng dưng có việc Lào xé lẻ xây dựng một đập thủy điện (và dự tính còn xây thêm nhiều đập khác trong tương lai) có nguy cơ đẩy Việt Nam vào tình trạng cạn kiệt nguồn nước? (2)

- Và việc người Miên căm hận người Việt có phải đơn thuần chi qua vài vụ cưỡng chiếm đất đai, hay, sự căm thù ấy đã có một nguồn cội sâu xa hơn?

Để trả lời hai câu hỏi trên, cần đọc toàn bộ “*Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989*”.

“*Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989*” gồm có 3 Phần và 16 Chương.

Phần Thứ Nhất – Chiến Trường Biên Giới Tây Nam

(từ Chương 1 đến Chương 9)

Phần này chú trọng đến mối liên hệ Việt Nam-Campuchia. Sự tranh chấp lãnh thổ giữa hai nước đã có từ lâu đời, bắt đầu từ cuộc Nam tiến mở rộng bờ cõi. Trớ trêu thay, người Việt ghét Tàu vì bị Tàu đô hộ nhưng cũng chính người Việt (cùng với người Thái) lại xâm chiếm vùng Chân Lạp vốn của người Miên. Và cũng trớ trêu thay, tuy người Pháp đặt ách thực dân lên Campuchia nhưng đồng thời lại giúp đất nước nhỏ bé này không bị các nước láng giềng xâm phạm nữa.

Khi Liên Xô và Trung Cộng ngày càng tỏ ra đối nghịch nhau, Khmer Đỏ Campuchia được Trung Cộng yểm trợ còn Việt Nam lại ngả về phía Liên Xô. Quân đội CSVN sau 1975 có quân số đứng hàng thứ tư trên thế giới (nhiều hơn quân số của sáu nước ASEAN cộng lại). Năm 1978, CSVN đã tiến quân thẳng vào lãnh thổ Campuchia và đánh đuổi được Pol Pot trong một thời gian ngắn. Thế nhưng, sau đó CSVN đã bị tố cáo là kẻ xâm lược và phải rút quân ra khỏi Campuchia.

Phần Thứ Hai – Mặt Trận Biên Giới Phía Bắc

(từ Chương 10 đến Chương 13)

Sau 1970, CSVN dần dần thiên về phía Liên Xô. Khi Trung Cộng muốn cho Liên Xô biết thái độ không tương nhượng, đồng thời cũng cho các nước Đông Nam Á thấy có thể tin cậy Trung Cộng ngăn chặn tham vọng bành trướng của CSVN, Trung Cộng đã chuẩn bị cuộc tấn công VN. Sáng 17-2-1979, hơn tám chục ngàn quân Trung Cộng vượt biên giới Việt-Hoa tấn công vào VN.

Sau mấy ngày đêm bị pháo kích, các công sự phòng thủ của VN bị phá sập, và quân Trung Cộng dù bị tổn thất nặng đã chiếm được một số mục tiêu. Đêm 4-3-1979, Trung Cộng hoàn toàn làm chủ thị xã Lạng Sơn và tuyên bố đã đạt mục đích “dạy cho các lãnh đạo VN một bài học”, rồi đơn phương ngưng bắn và rút quân sau khi đã phá hủy tất cả cầu đường, nhà cửa, trường học, nhà máy... ở các thị xã đã chiếm đóng, kể cả hang Pác Bó, “suối Lenin”, núi Các Mác”. (3)

Phần Thứ Ba – Cuộc Chiến Đợt II, Trận Chiến Tiêu Hao

(từ Chương 14 đến Chương 16)

Tuy rút quân và tuyên bố “không lấy một tấc đất nào của VN”, Trung Cộng đã giữ lại một số địa điểm trọng yếu và lấn thêm một phần đất VN sát Hữu Nghị Quan, nhưng CSVN đã không dám phản kích chiếm lại và cũng không dám cho người dân biết. Ngay sau trận chiến, trong khi Hà Nội vẫn một lòng sùng bái Liên Xô thúc đẩy cả nước tiến lên XHCN khiến tình trạng kinh tế ngày một lụn bại thì Bắc Kinh thực hiện một cuộc “chiến tranh đa diện” nhằm mục đích đẩy VN vào thế “chảy máu” đến chỗ suy kiệt.

Vết thương nhỏ Trung Cộng khơi ra để VN âm thầm chảy máu là một khoảng núi đồi hoang vu sát biên giới Việt-Hoa thuộc quận Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang. Trong năm năm, những trận đánh ở

đây đã làm tiêu hao nhân lực và kinh tế VN. Đến năm 1985-1986, cùng với đà suy sụp của Liên Xô, CSVN dần dần yếu thế, Trung Cộng bắt đầu mở chiến dịch chiếm các đảo thuộc quần đảo Trường Sa, lực lượng hải quân hùng hậu của Liên Xô ở Cam Ranh không hề phản ứng. Năm 1989, khi Hoa Lục bị khủng hoảng nội bộ và bị thế giới lên án qua cuộc thăm sát tại Thiên An Môn, Bắc Kinh đã cho Hà Nội tái lập bang giao và rút khỏi một số vị trí chiếm đóng tại biên giới. Thế nhưng Trung Cộng đã khiến cho nhà cầm quyền CSVN phải thần phục hoàn toàn.

Qua 300 trang sách, “*Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989*” liệt kê và phân tích những cuộc chiến biên giới đã nổ ra giữa CSVN với CS Campuchia và CSVN với CS Hoa Lục, không thấy có xích mích gì giữa CSVN và CS Lào. Thế nhưng, ta có thể hiểu được khi nào CSVN còn giữ tham vọng thành lập một “Liên Bang Đông Dương – Việt-Miên-Lào” thì chẳng phải chỉ có Campuchia tức tối mà Lào cũng không thể chịu đựng mãi.

Nước Lào với vị trí thua thiệt vì nằm sâu trong đất liền với nền kinh tế lạc hậu, đại đa số người dân vẫn sống trong cảnh đói nghèo. Cho tới ngày nay, khi các tư bản đồ CSVN phè phỡn nhờ chia chác nguồn tài nguyên phong phú của VN thì rất nhiều người dân Lào vẫn còn phải ăn côn trùng để sống (4). Khi CS Lào thấy Hà Nội nếm nếp sợ hãi Bắc Kinh thì không có lý do gì họ phải sợ CSVN nữa. Và vì thế Lào ngang ngạnh tiến hành xây dựng đập Xayaburi dù biết sẽ làm VN nổi giận.

“*Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989*” với những chi tiết tường tận về các cuộc chiến tranh biên giới xảy ra từ 1979-1989 đã làm nổi bật rõ những tính chất sau của các Đảng Cộng Sản dù đó là Việt, Miên, Lào hay Hoa:

- 1 – Cái-gọi-là “tình đồng chí anh em” giữa các nước theo chế độ cộng sản là điều hoàn toàn dối trá. Họ không ngừng lợi dụng nhau, tìm mọi cách để chỉ cai trị, bắt chẹt nhau; khi kẻ nào chiếm được ưu thế thì sẽ ra tay không khoan nhượng với kẻ kém thế hơn.
- 2 – Những cam kết, quy tắc, công ước, đều không được tôn trọng. Hôm nay hứa, mai phản bội; nếu có chẳng một nguyên tắc chung thì đó là chỉ là hành vi đểu cáng và tráo trở!
- 3 – Chủ nghĩa Cộng Sản không hề tạo ra sự ổn định lâu bền, trái lại luôn gây ra chiến tranh và bất ổn xã hội.
- 4 – Cuối cùng, chỉ có người dân phải gánh chịu hậu quả từ các hành vi ngông cuồng và tàn ác của bọn lãnh đạo cộng sản.

Cho đến tận hôm nay, cuộc chiến biên giới Việt-Hoa 1979 vẫn còn là một sự kiện bị nhà cầm quyền CSVN tìm mọi cách bưng bít. Nhà báo Nguyễn Quốc Thái, có tên trong danh sách 75 nhân sĩ trí thức ký tên vào tâm thư đăng trên trang web Bauxite Việt Nam ngày 14/2/2014 lên tiếng với đài RFA (Radio Free Asia) rằng: “*Chúng tôi đứng với nhau để đòi hỏi một điều: phải lên tiếng công khai và minh bạch về cuộc chiến 1979 tại biên giới phía Bắc mà con em của chúng ta đã bao nhiêu năm không được biết đến, không được tìm hiểu*” (5)



Trên các tỉnh phía Bắc, nơi xảy ra cuộc chiến, những tấm bia nào có ghi dòng chữ “quân Trung Quốc xâm lược” đều bị xóa sạch.

“*Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989*” với những mốc điểm rành rọt, với các chi tiết mạch lạc cùng cái nhìn toàn cảnh cục diện thế giới đã đưa ra những chứng cứ không thể chối cãi về tham vọng bành trướng bá quyền của Cộng Sản Hoa Lục, đồng thời chỉ ra bộ mặt xảo trá gian dối của lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam.

Tình thế bi đát của Việt Nam hiện nay đang bày ra quá sức rõ ràng: Phía bắc, “đàn anh” Trung Cộng vươn móng vuốt hòng chộp lấy Biển Đông; Phía Tây, “đàn em” Lào về phe Trung Cộng, chịt họng bằng những con đập làm tắc nguồn nước chính; Phía Tây Nam, “đàn em” Campuchia không ngừng quấy phá các tỉnh biên giới. Đảng CSVN sẽ phải làm sao để giải quyết các mối tranh chấp sinh tử này. Và từ đó cho thấy nguy cơ bọn chóp bu cộng sản đang hắt hủi đất nước cha ông ngàn năm cho Tàu để giữ đảng là điều hoàn toàn có thể xảy ra trong nay mai. Trừ khi... người Việt đồng lòng đứng lên đập tan chế độ cộng sản để bảo vệ đất nước và bảo vệ cuộc sống chính mình.

Có thể nói “*Cuộc Chiến Việt-Hoa-Miên, 1979-1989*” là một nhân chứng lịch sử. Nhưng cũng có thể nói đó là tiếng chim báo bão, kêu gọi quốc dân hãy tìm cách ứng phó cơn bão lửa hung hãn đang đe dọa toàn cõi nước Nam.

Ghi chú:

(1) Bài viết “Liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia trong kháng chiến chống Mỹ” (QĐND – 04/05/2010 – Đại tá, TS Dương Đình Lập) có đoạn mở đầu: “*Trong lịch sử, đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia chống ngoại xâm là một tất yếu khách quan đã sớm hình thành để chống thực dân Pháp. Sức mạnh liên minh này được phát triển lên tầm cao mới trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược. Liên minh chiến đấu Việt Nam – Lào – Cam-pu-chia trong kháng chiến chống Mỹ*”.

(2) Bài viết “Xayaburi: Con cờ Domino trong chuỗi đập Mekong hạ lưu” (22/11/2011, BS Ngô Thế Vinh) có đoạn mở đầu: “*Nếu không trì hoãn được ít nhất một thập niên, Xayaburi như con cờ Domino đầu tiên đổ xuống, sẽ kéo theo những bước khai thác ồ ạt các con đập hạ lưu khác và hậu quả tác hại trước mắt và lâu dài ra sao trên toàn hệ sinh thái Sông Mekong và Đồng Bằng Sông Cửu Long là không sao lường trước được*”.

(3) “*Trên đường tấn công, quân Trung Cộng nã súng không thương tiếc đối với bất kỳ ai, bất kỳ vật gì mà họ gặp trên đường tiến quân. Sư đoàn 163 của họ nhận được lệnh từ cấp trên là “sát cách vô luân” tức “giết người không bi buộc tội” do vậy lính Trung Cộng đã thẳng tay xử dụng đại bác, hỏa tiễn, súng phun lửa, mìn và kể cả xăng để tiêu diệt từ làng này sang làng khác, hết*

chục người này đến trăm, đến ngàn người khác. Nếu như, ở Bát Xát, thuộc Lào Cai, hàng trăm phụ nữ bị hãm hiếp, bị giết một cách dã man ngay trong ngày đầu tiên quân Trung Quốc tiến sang, thì tại thôn Tổng Chúp, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An, Cao Bằng, trong ngày 9/3/1979, trước khi rút lui, quân Trung Quốc đã giết 43 người gồm 23 phụ nữ, 20 trẻ em, trong đó có 7 phụ nữ đang mang thai. Tất cả đều bị giết bằng dao. 10 người bị ném xuống giếng, hơn 30 người khác, xác bị chặt ra nhiều khúc, vứt hai bên bờ suối.” (Trích “Cuộc Chiến Biên Giới 1979” của Thủy Giang, 17/02/2013, BBC)

(4) Có nhiều bài viết ca ngợi côn trùng như một nét ẩm thực đặc biệt của người Lào, nhưng sự thật thì người dân quê xứ Lào quá nghèo đến mức phải kiếm côn trùng để ăn độn thêm. Trong bài “To improve nutrition Lao government promotes insect farming and consumption” 8/24/2011, tác giả Jim (thuộc We Help War Victim.org) đã viết: *“But travelers in Laos don’t need to peruse medical literature to confirm that people here lack proper nutrition. When children bathe next to me in the river or at the village well, I can usually count their every rib; I see shoulder blades protruding from children’s tiny backs like folded angle wings. One interesting movement gaining traction here is a concerted effort to promote insect farming and consumption”* [Nhưng những du khách đến Lào không cần đọc tới mấy trang y học vẫn dự biết người dân xứ này bị suy dinh dưỡng. Khi các trẻ em tắm bên cạnh tôi ở bên sông hay giếng làng, tôi thường đếm xương sườn của chúng; tôi thấy xương bả vai của các em nhô hẳn ra trên cái lưng bé xíu như những cái cánh nhọn gập lại. Một hoạt động đáng chú ý đang tạo ảnh hưởng ở đây là những nỗ lực chung nhằm khuyến khích lập các trang trại nuôi côn trùng và chế biến chúng thành thức ăn]

(5) CSVN còn tìm mọi cách ngăn chặn người dân làm lễ kỷ niệm. Sáng Chủ nhật ngày 16/2/2014, tại Hà Nội, nhiều người đã dự tính làm buổi lễ kỷ niệm ngày Biên Giới Việt Nam 17 tháng 2 – Tưởng niệm 35 năm chiến tranh biên giới phía Bắc (17/2/1979 – 17/2/2014). Nhưng bắt đầu từ hôm thứ bảy, 15/2/2014, trước khu vực tượng đài Lý Thái Tổ đột nhiên xuất hiện một sân khấu được dựng lên, đồ đạc xây dựng và máy móc lại bày ra bừa bộn, gây choáng chỗ. Đứng sau tượng đài Lý Thái Tổ còn dựng sẵn một tấm bảng hoành tráng, lòe loẹt mang dòng chữ “mừng đảng mừng xuân”! (Trích “Tưởng thuật lễ tưởng niệm 35 năm Chiến tranh Biên giới chống Trung Quốc xâm lược”, blog Dân Làm Báo)

Tóm tắt tiểu sử Hoàng Dung

Hoàng Dung tên thật Hoàng Xuân Trường, sinh năm 1944 tại phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định. Ông là cựu học sinh Nguyễn Trãi và Chu Văn An, tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ (Khóa 17 Bác Sĩ Quân Y) vào năm 1970, và trở thành đại úy quân y trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa. Sau 1975 ông bị giam giữ 3 năm trong các trại cải tạo. Vượt biên đến Mỹ năm 1980, đi học lại và tiếp tục hàng nghề từ năm 1984.

Bác sĩ Hoàng Xuân Trường được nhiều người nhắc tới như một thầy thuốc tận tụy, một người bạn hiền lành và ít nói. Còn tác giả Hoàng Dung đã có bốn cuốn sách được in: “Sau Bức Màn Đỏ” (Tủ Sách Tiếng Quê Hương), “Chiến Tranh Đông Dương III” (Nxb Văn Nghệ California), “Cõi Trời Cõi Ta” (Tủ Sách Tiếng Quê Hương); riêng cuốn “Đi Vào Cõi Vô Cùng” được Nxb Trẻ (VN) in ngay trong nước.

